

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

15
CHUYÊN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ
NÔNG NGHIỆP

5

1988

120.000



TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

Xã luận

HX
9
V5
H63

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1928:5
MAIN



NHIỀU năm qua, chúng ta đã đạt được những kết quả quan trọng trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đã tăng cường một bước cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và có nhiều điển hình tốt về thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng. Đến nay đã xuất hiện một số nhân tố mới trong sản xuất và quản lý nông nghiệp.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển chậm, tỷ suất hàng hóa thấp, nhiều vùng chưa thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc, chôn cất và độc canh. Vài năm gần đây một số mặt sản xuất, nhất là sản xuất lương thực giảm sút làm cho tình hình kinh tế xã hội vốn khó khăn lại càng khó khăn thêm.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân trong đó có sự nhận thức chưa đúng về chủ nghĩa xã hội và sự thiếu nhất quán trong việc thực hiện các chính sách của Đảng.

Một thời gian dài, từ nghị quyết Đại hội V đến nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của các hội nghị Trung ương Đảng gần đây đều nhấn mạnh vị trí hàng đầu của nông nghiệp, song trên thực tế mặt trận này vẫn chưa được các cấp, các ngành coi trọng đúng mức. Hơn 30 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hơn 12 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, cho đến nay cơ cấu sản xuất nông nghiệp của nước ta về cơ bản vẫn còn mang nặng tính chất độc canh và mãi cần đổi về nhiều mặt: giữa trồng trọt, chăn nuôi và phát triển ngành nghề trong nông nghiệp, giữa nông, lâm, ngư nghiệp. Cơ cấu đó chưa cho phép gắn nông nghiệp với công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và chế biến nông sản.

Lỗi sản xuất lạc hậu (quảng canh, năng suất thấp), số vốn dành cho nông nghiệp ít ỏi (trong vòng 10 năm lại đây tỷ lệ vốn đầu tư cho nông nghiệp chỉ 24 - 26%, đến nay chỉ mới nhích lên 26 - 28%), lại sử dụng phân tán, lãng phí, kém hiệu quả khiến cho sản xuất nông nghiệp nước ta khó thoát ra khỏi tình trạng độc canh, tự cấp, tự túc.

Những nhận thức không đúng về sự tồn tại, tất yếu của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ đã dẫn đến chủ quan nông với trong cải tạo: lập trung hóa quá mức các tư liệu sản xuất, chạy theo quy mô lớn một cách hình thức, gò ép nông dân vào hợp tác xã, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Cho đến nay không phải không còn những định kiến cho rằng việc khuyến khích các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân cũng như việc khoán sản phẩm trực tiếp cho hộ xã viên sẽ làm suy yếu quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Từ đó nảy sinh thái độ chán chường do dự, thậm chí gây khó khăn trở ngại cho việc thực hiện đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng nông nghiệp để phát triển sản xuất, tăng nhanh khối lượng nông sản hàng hóa cho xã hội. Rõ ràng những định kiến đó hoàn toàn trái với quan điểm của Đảng về sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trái với chủ trương xóa bỏ chế độ rong công phóng túng và tình trạng phân phối không công bằng (vi phạm lợi ích cả nhân người lao động) trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Về chính sách giá cả và lưu thông vật tư hàng hóa đối với nông nghiệp, các nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 2 (khóa VI) đã chỉ rõ: ngoài thuế là nghĩa vụ đóng góp bắt buộc, mọi quan hệ trao đổi giữa nhà nước với nông dân phải theo nguyên tắc bình đẳng, thuận mua vừa bán. Những quyết định dùng dân này, cho đến nay vẫn chưa được các ngành, các cấp, các địa phương thi hành nghiêm chỉnh. Nhiều ngành và địa phương còn tự tiện giao thêm « nghĩa vụ nộp sản phẩm » và đặt thêm các khoản đóng góp gây thiệt hại cho nông dân. Việc mua bán nông sản phẩm giữa nhà nước với nông dân diễn ra không sòng phẳng. Tình trạng ép giá và nhà nước nợ nông dân kéo dài còn tồn tại ở mức nghiêm trọng. Tình hình cung ứng vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng, ngày càng xấu đi, nhiều cơ quan cung ứng vật tư của nhà nước trở thành con nợ đối với nông dân. Ngược lại nhiều nơi việc giáo dục nông dân làm nghĩa vụ đối với nhà nước chưa được coi trọng; nông dân chưa tự nguyện đóng thuế, thậm chí dằn dặt nợ đối với nhà nước.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên đây là sự nhận thức không đúng, thiếu ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện đường lối của Đảng về sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Phương hướng cơ bản nhằm đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp mà nghị quyết số 10 NQ/TU của Bộ chính trị nêu lên là: chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, có chính sách đúng đắn nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế khai thác mọi tiềm năng để phát triển sản xuất, giải quyết hài hòa các mối quan hệ về lợi ích để tạo được phong trào lao động sáng tạo, năng cao hiệu quả kinh tế; đổi mới tổ chức và cán bộ.

1) Về nội dung mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp, nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VI) đã đề cập một cách toàn diện. Nghị quyết của Bộ chính trị nhấn mạnh thêm việc củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh, chuyển hoạt động của các đơn vị này sang hạch toán kinh doanh, không thừa nhận các đơn vị làm ăn thua lỗ. « Đến năm 1989 cơ sở nào không chuyển được thì giải thể hoặc chuyển sang hình thức sở hữu khác ». Quan điểm đúng đắn này một lần nữa khẳng định sản xuất bao giờ cũng là mục đích, cái tạo chỉ là phương tiện. Cho nên, các xí nghiệp quốc doanh nếu làm ăn có hiệu quả sẽ là tấm gương, là lực hút đối với các thành phần kinh tế khác. Ngược lại nếu làm ăn thua lỗ kéo dài, gây thiệt hại cho nền kinh tế quốc dân thì bản thân nó cũng bị liệt vào tình trạng suy thoái và không thể tồn tại được.

2) Về thực hiện chế độ tự quản lý của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế do nông dân tự nguyện lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự hướng dẫn giúp đỡ của nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh, có đủ tư cách pháp nhân và bình đẳng trước pháp luật.

Đổi mới quản lý trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất trước hết là nhằm tăng cường khả năng phát triển sản xuất hàng hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong khu vực kinh tế tập thể; tăng cường khả năng thực hiện dân chủ hóa và công khai hóa, phát huy quyền làm chủ thật sự của xã viên; chấn chỉnh bộ máy quản lý bảo đảm gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả.

Nội dung thực hiện chế độ tự quản lý của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất mà nghị quyết của Bộ chính trị nêu lên gồm những vấn đề hết sức phong phú và mang tính thực tiễn sâu sắc. Trước hết, nó thể hiện tính tự nguyện và quyền tự quyết định về kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế tập thể, nhà nước thông qua hệ thống các chính sách đòn bẩy kinh tế và luật pháp để quản lý, hướng dẫn và giúp đỡ, không giao chỉ tiêu pháp lệnh trực tiếp.

Thứ hai là, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất hoàn toàn tự chủ về tài chính, tài sản, về tài sản (có quyền mua sắm, bán nhượng, trù ruộng đất, đất rừng, mặt nước); về cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm kể cả xuất khẩu và nhập khẩu (ngoài thuế là nghĩa vụ, quan hệ mua bán sản phẩm nông nghiệp, vật tư... giữa hợp tác xã với các tổ chức quốc doanh là quan hệ bình đẳng thông qua hợp đồng kinh tế và thuận mua vừa bán); về phát triển khoa học - kỹ thuật v.v. theo đúng luật pháp của nhà nước quy định.

Thứ ba là, đa dạng hóa hình thức khoán, phân công lao động, phân phối sản phẩm trong hợp tác xã. Với trình độ phát triển khác nhau ở mỗi vùng, mỗi địa phương và mỗi hợp tác xã, mỗi ngành nghề, phải áp dụng các hình thức khoán khác nhau. Trong trồng trọt, về cơ bản khoán đến hộ hoặc nhóm hộ xã viên (tùy điều kiện cụ thể của mỗi hợp tác xã mà phân công tập

thề hoặc gia đình xã viên đảm nhiệm các khâu công việc, không máy móc cứng nhắc). Để làm việc này, các hợp tác xã cần điều chỉnh lại diện tích khoán cho từng hộ, khắc phục tình trạng manh mún, ổn định diện tích khoán trong vòng 15 năm và bảo đảm cho hộ nhận khoán có thu nhập khoảng trên dưới 40% sản lượng khoán. Đây mạnh thâm canh cây trồng, phát triển chăn nuôi, mở rộng ngành nghề, và thực hiện phân công lao động theo hướng chuyên môn hóa. Khuyến khích xã viên ai giỏi ngành nghề thì làm ngành nghề, ai có kỹ thuật thâm canh tốt, giao nộp đủ sản phẩm cho hợp tác xã và làm tốt nghĩa vụ thuế cho nhà nước thì giao thêm ruộng đất; ngược lại ai chây lười, kém kỹ thuật thâm canh, luôn luôn hụt mức khoán thì giao ít ruộng hoặc chuyển sang làm ngành nghề khác thích hợp.

Sản phẩm của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất làm ra vừa là kết quả của việc sử dụng vốn của tập thể, vừa là kết quả của việc sử dụng vốn vay của xã viên. Do đó phải có hình thức phân phối thích hợp. Phân phối theo lao động là chủ yếu và phân phối theo cổ phần đóng góp của xã viên. Kiên quyết khắc phục chủ nghĩa bình quân trong phân phối và tình trạng bao cấp tràn lan, đồng thời có chính sách thích đáng đối với các đối tượng thuộc diện chính sách và cán bộ làm công tác đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã.

3) Sử dụng các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân trong nông nghiệp

Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan. Do đó sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế là một quan điểm cơ bản, một chính sách lâu dài của Đảng và nhà nước ta. Nghị quyết của Bộ chính trị nêu rõ: Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế cá thể, tư nhân; thừa nhận tư cách pháp nhân, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật... đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế này phát triển sản xuất, chế biến, dịch vụ và các ngành nghề khác trong nông nghiệp.

Phải xóa bỏ mọi định kiến hẹp hòi và những quy định không hợp lý đối với kinh tế cá thể, tư nhân. Khuyến khích người ta bỏ vốn, sức lao động, vật tư, kỹ thuật để mở mang sản xuất. Ở những nơi có điều kiện có thể cho thuê hoặc giao quyền sử dụng một số ruộng đất, đất rừng, mặt nước cho các hộ cá thể, tư nhân để họ tổ chức sản xuất, kinh doanh theo đúng pháp luật. (Đối với mặt nước, đất trồng cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm, có thể sử dụng từ 15 đến 20 năm, và trong thời gian đó được quyền thừa kế, chuyển nhượng). Các hộ tư nhân và công ty tư nhân được quyền thuê mướn lao động theo yêu cầu sản xuất và theo luật lao động của nhà nước. Các sản phẩm do kinh tế cá thể, tư nhân làm ra, ngoài phần nộp thuế và bán theo hợp đồng kinh tế cho các tổ chức kinh tế quốc doanh, các hộ cá thể, tư nhân được tự do tiêu thụ ở nơi có lợi nhất được quyền ủy thác xuất nhập khẩu cho các cơ quan xuất nhập khẩu của nhà nước.

Thực hiện rộng rãi việc liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất và giao lưu hàng hóa dưới nhiều hình thức. Đây cũng là một quan điểm cơ bản vì có thực hiện liên kết mới huy động được sức mạnh và tiềm năng của các thành phần kinh tế và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế trong nông, lâm, ngư nghiệp là nhằm làm cho các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế sản xuất

kinh doanh có hiệu quả. Các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế là chủ thể sản xuất hàng hóa có chức năng trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, còn bộ máy chính quyền các cấp làm chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Việc phân định rõ chức năng quản lý sản xuất kinh doanh và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế có ý nghĩa thực tiễn hết sức sâu sắc: giảm bớt sự chồng chéo, lẫn lộn và ngăn chặn những hành vi can thiệp thô bạo của cơ quan nhà nước vào hoạt động tác nghiệp của các đơn vị kinh tế cơ sở và các tổ chức kinh tế, làm cho bộ máy nhà nước gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả.

4) Đổi mới các chính sách kinh tế nông nghiệp.

Trong đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đổi mới chính sách kinh tế có vai trò quan trọng đặc biệt. Chính sách kinh tế đúng sẽ kích thích nông dân hăng hái sản xuất, chính sách sai sẽ có tác dụng ngược lại. Do vậy, nghị quyết của Bộ chính trị nhấn mạnh cần kịp thời sửa đổi một số chính sách lớn như chính sách đầu tư cho nông nghiệp, chính sách cung ứng vật tư, chính sách thuế và giá cả... đối với nông nghiệp.

Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý, phát triển sản xuất hàng hóa, cần có chính sách đầu tư thích đáng nhằm sử dụng vốn đầu tư đúng hướng, có trọng điểm và có hiệu quả thiết thực. Trước mắt, cần tập trung đầu tư đúng mức, đồng bộ cho nông nghiệp, trước hết cho sản xuất lương thực thực phẩm ở các vùng trọng điểm, các vùng sản xuất hàng hóa khác. Tập trung vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp trực tiếp phục vụ nông nghiệp, nhất là các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất công cụ, máy móc nông nghiệp (kể cả công cụ thủ công, công cụ nửa cơ khí và cơ khí). Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư của nhà nước còn có hạn, các ngành, các địa phương và cơ sở cần áp dụng nhiều hình thức huy động mọi nguồn vốn trong nhân dân (kể cả huy động vốn của người Việt nam đang sống ở nước ngoài) để phát triển sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp.

Trong khi nguồn vật tư của nhà nước còn có hạn thì việc cung ứng vật tư kịp thời, đồng bộ cho nông nghiệp là việc làm có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng năng suất cây trồng và con gia súc. Điều quan trọng hàng đầu là các tổ chức cung ứng vật tư phải thực hiện nghiêm chỉnh các hợp đồng kinh tế đã ký kết với nông dân. Đây là khâu yếu nhất từ trước đến nay, nông dân thường kêu ca, bất bình vì sự phá vỡ hợp đồng từ phía các cơ quan nhà nước đã làm cho họ bị động, lúng túng, ảnh hưởng đến thời vụ và năng suất cây trồng, gây thiệt hại lớn về kinh tế. Vì vậy, một yêu cầu nghiêm ngặt đặt ra đối với ngành cung ứng vật tư là phải nắm chắc khối lượng và chủng loại vật tư thực tế có trong năm kế hoạch để ký hợp đồng cung ứng vật tư với các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể và các tổ chức kinh tế khác, đồng thời áp dụng nhiều phương thức thanh toán thích hợp. Nhà nước và nông dân đều có nghĩa vụ làm đúng hợp đồng đã ký kết. Mặt khác, cần bảo trước và sớm khả năng cung ứng vật tư của nhà nước trung ương đề địa phương và cơ sở chủ động tìm kiếm thêm.

Phải chỉnh đốn tổ chức và phương thức làm việc của ngành vật tư nông nghiệp, bảo đảm đưa vật tư đến người sử dụng một cách nhanh nhất, đúng số lượng và chất lượng với giá cả ổn định. Ngoài khối lượng vật tư cung ứng theo kế hoạch nhà nước, cần dành ra một số vật tư, tư liệu sản xuất... để ký kết hợp đồng hoặc bán theo giá kinh doanh cho kinh tế gia đình và các thành phần kinh tế khác.

Cần cải tiến chính sách thuế nông nghiệp theo hướng khuyến khích sản xuất, bảo đảm sự đóng góp công bằng, buộc mọi tập thể và cá nhân phải sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả. Ngoài thuế lương thực phải bổ sung, cần điều chỉnh chính sách thuế đối với các loại cây trồng và con gia súc để tăng nguồn thu cho ngân sách. Trước mắt, thực hiện đúng luật thuế nông nghiệp, bảo đảm thu đủ 10% như luật thuế đã quy định. Nghiêm cấm các địa phương tự đặt các thứ thuế và p.i.u thu ngoài quy định của nhà nước.

Trên nguyên tắc bảo đảm đầy đủ nghĩa vụ thuế và thực hiện các hợp đồng bán sản phẩm đã ký với các tổ chức kinh tế nhà nước, các hợp tác xã, lập đoàn sản xuất và hộ nông dân được quyền tự do lưu thông, tiêu thụ lương thực, thực phẩm và các nông sản hàng hóa khác (trừ một số sản phẩm không được tự do lưu thông do nhà nước quy định).

Về giá cả: nguyên tắc của định giá là phải bảo đảm cho người sản xuất bù đắp được chi phí xã hội cần thiết và có lãi. Vấn đề này đã được hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng chỉ rõ: Nhà nước xác định lại tỷ giá trao đổi hợp lý giữa vật tư và nông sản trong hợp đồng, trước hết là giữa thóc với đạm, theo hướng khuyến khích sản xuất theo kế hoạch. Mức giá thóc và nông sản khác trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng đều phải theo nguyên tắc thỏa thuận, bảo đảm cho nông dân trong điều kiện sản xuất bình thường bù đắp được chi phí xã hội cần thiết và có lãi. Định hướng này rất quan trọng, vì nó khắc phục tình trạng chủ quan, gò ép, nhà nước định giá, duyệt giá và bắt buộc các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế phải mua bán theo giá quy định.



Nghị quyết của Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp bao gồm một hệ thống các chính sách về phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Những chính sách này nhất định sẽ được đông đảo nông dân phản ứng tích cực. Thực hiện đúng đắn nghị quyết này, chắc chắn nền sản xuất nông nghiệp sẽ phát triển nhanh chóng, sự nghiệp xây dựng nông thôn mới có hướng đi cụ thể, tạo cơ sở cho nền kinh tế nước ta sớm ổn định.



Phân định chức năng giữa tổ chức đảng và nhà nước — điều kiện đầu tiên thực hiện pháp luật

NGUYỄN HỮU THỌ

DẢNG ta là đảng lãnh đạo chính quyền. Vai trò lãnh đạo đó là tuyệt đối và toàn diện không phải chỉ đối với những hoạt động của Nhà nước, mà còn đối với toàn bộ đời sống xã hội, toàn bộ đất nước. Nói thật chính xác, mục đích cuối cùng của sự lãnh đạo của Đảng là nhằm đảm bảo hướng đất nước phát triển theo đúng quỹ đạo đã được Đảng vạch ra trong cương lĩnh chung và trong từng giai đoạn cụ thể. Đảng chúng ta không có yêu cầu tự thân. Thước đo sự lớn mạnh, đúng sai của Đảng thể hiện qua bước đi của đất nước, qua kết quả công khai hiện nhiên hàng ngày về kinh tế xã hội, về văn hóa giáo dục, về an ninh quốc phòng và đối ngoại.

Khái niệm Đảng lãnh đạo trong điều kiện Đảng đã trở thành người lãnh đạo chính quyền khác với trong điều kiện Đảng còn ở giai đoạn đấu tranh giành chính quyền. Khái niệm Đảng lãnh đạo trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền mở rộng hết biên độ và dung lượng của nó. Đó là một hiện tượng và thực thể đã xã hội hóa, dung nạp đến mọi con người Việt nam. Suy cho cùng, đó chính là đỉnh cao của khái niệm Đảng lãnh đạo và cũng là điều kiện thử thách trọn vẹn

nhất vai trò và tác dụng của Đảng. Đảng lãnh đạo xã hội thông qua lãnh đạo Nhà nước (và các tổ chức hỗ trợ cho Nhà nước, cũng như các đoàn thể quần chúng). Diêm quân xuyên ý nghĩa lãnh đạo này của Đảng biểu thị trước tiên và về cơ bản ở tính chất của Nhà nước được thể chế hóa bằng Hiến pháp cùng với các đạo luật và văn bản pháp quy của Nhà nước.

Sở dĩ nhấn mạnh nguyên tắc trên, bởi vì trong thực tế vẫn có sự ngộ nhận về khái niệm Đảng lãnh đạo. Không ít nơi, không ít trường hợp, khái niệm Đảng lãnh đạo bị hiểu theo nghĩa đơn giản: phải khi nào tổ chức đảng có ý kiến giải quyết đối với sự việc nào đó thì lúc ấy mới được coi là có sự lãnh đạo của Đảng. Phải nói rằng cách hiểu đã thành thói quen đó là sai lầm và thường dẫn đến kết quả thu hẹp vai trò lãnh đạo của Đảng.

Có lúc chúng ta duy trì ban cán sự đảng trong một bộ, một cơ quan nhà nước. Tất nhiên, vào thời kỳ đầu sau Cách mạng Tháng Tám, không thể nào không hình thành tổ chức riêng của Đảng trong guồng máy mà nền chuyên chính vô sản chưa được xác lập vững chãi, bản thân chế độ chính trị vẫn chưa thuần nhất. Nhưng, qua hai cuộc

kháng chiến sàng lọc, việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định vị trí của học thuyết Mác-Lê-nin, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Vai trò đó không dừng ở mức lý tưởng chung, mà hóa thân trong chế độ chính trị, trong hiến pháp, luật pháp, trong cơ chế điều hành và trong từng biến động dù nhỏ, dù lớn trên toàn lãnh thổ, đối với mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi dân tộc, đối với người có tin ngưỡng và không tin ngưỡng trong cộng đồng quốc gia. Trong trường hợp đó, trường hợp lý luận và hành động của Đảng được cụ thể hóa bằng chế độ và chính sách của Nhà nước, sự thống nhất mới ấy đòi hỏi một nhận thức mới tương ứng.

Đảng lãnh đạo không còn tiêu biểu chủ yếu bằng tổ chức riêng, bằng cá nhân đảng viên. Một cơ sở kinh tế - xã hội dù rất quan trọng đi nữa, nếu do một người chưa phải là đảng viên phụ trách thì không có nghĩa là cơ sở ấy vượt ra ngoài sự lãnh đạo của Đảng. Nhận thức này chính là nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, đi vào thực chất của khái niệm Đảng lãnh đạo. Dĩ nhiên, nhiệm vụ của hệ thống tổ chức Đảng ở mọi đơn vị, mọi ngành, không vì thế mà giảm nhẹ hay lơ lửng, việc tăng cường sức mạnh các tổ chức đảng luôn luôn bức xúc.

Trình bày một vài suy nghĩ trên, tôi muốn đi vào tình hình thực tế hiện nay, muốn nói về vấn đề phân định chức năng của tổ chức đảng và nhà nước trong khái niệm chung Đảng lãnh đạo. Phạm vi tôi đề cập thuộc phương pháp vận hành. Tôi xin phân tích việc thực hiện pháp luật.

Trước hết, pháp luật là công cụ quản lý xã hội. Tính đảng, tính giai cấp thể hiện trong nội dung, mục đích của pháp luật. Các điều khoản của một bộ luật được Quốc hội ta thông qua và được Nhà nước ta ban hành, đã bao hàm từ điểm xuất phát yêu

cầu và ý nghĩa về sự lãnh đạo của Đảng, đã thấm nhuần tính đảng. Nếu có trường hợp một số điều khoản nào, thậm chí cả một đạo luật nào, qua thời gian thử thách thực tế tỏ ra không đủ sức chịu đựng, thì đó là trách nhiệm chung, sự non nớt chung, kể cả trách nhiệm và non nớt của Đảng. Ở đây, tôi không đi vào những mặt lỗi thời, ấu trĩ, thiếu hoàn chỉnh hoặc sai lầm của các quy định, mà quan tâm đến tính chất nhằm bảo vệ và triển khai chủ nghĩa xã hội, nhằm mang lại công bằng, trật tự theo tinh thần xã hội chủ nghĩa của luật pháp chúng ta. Về phương diện này, giá trị Đảng lãnh đạo cao nhất là sự đúng đắn của nội dung các quy định. Không phải gương ép khi chúng ta nói rằng một đạo luật đi vào đời sống và phát huy hiệu quả tích cực, chính là tư tưởng Đảng đi vào đời sống. Sẽ không có một cái gì mang tính đảng cao hơn bản thân đạo luật trong khuôn khổ mà đạo luật ấy định xử lý. Bộ luật hình sự chẳng hạn, nó đánh dấu mức độ cần giải quyết trong mối tương quan toàn xã hội hiện nay, nhìn từ lợi ích tổng hòa của cả nước và bám sát quan điểm kiên quyết bảo vệ an toàn và quyền tự do của toàn thể công dân, đồng thời trung thành với tinh thần đạo xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta có Luật hôn nhân và gia đình, Luật đầu tư cho người nước ngoài, Luật thuế, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật xí nghiệp v.v. và sẽ còn nhiều luật nữa như Luật lao động, Luật thanh niên, Luật bảo vệ nhà văn, nhà báo...

Chậm ban hành các loại luật đáp ứng cuộc sống đa dạng là thiếu sót quan trọng của chúng ta, song đó lại là việc khác, chúng ta sẽ bàn trong dịp khác.

Hệ thống luật được hoàn chỉnh từng Lược đi đôi với các cơ quan thực hiện pháp luật cũng được hoàn chỉnh từng bước, đó là đòi hỏi khách quan

của xã hội văn minh. Tất cả tổ chức đảng, từ cấp cao đến cấp thấp nhất, đều phải xem các bộ luật là của Đảng, là của Nhà nước, đều phải tôn trọng và chấp hành, không hề có ngoại lệ. Một trường hợp mà tổ chức đảng phát hiện (như Ủy ban kiểm tra, như Ban tổ chức, thậm chí như cơ quan lãnh đạo chủ chốt của từng cấp đảng) thuộc phạm vi xã hội cần xử lý, thì nhất thiết phải thông qua cơ quan pháp luật, phải do cơ quan pháp luật thụ lý và phán quyết đúng như những điều khoản đã ghi trong luật. Cơ quan lãnh đạo đảng, dù thuộc cấp nào, không trực tiếp quyết định việc giam giữ hay trả tự do cho một cá nhân. Tất cả do cơ quan chức năng của hệ thống pháp luật chịu trách nhiệm. Tổ chức đảng có thể cung cấp tài liệu, đề xuất ý kiến nhưng chỉ là ý kiến đề xuất, có thể được nghe, và có thể ngược lại. Bởi vì các cơ quan chức năng pháp luật đã thể hiện ý nghĩa Đảng lãnh đạo cả về tinh thần lẫn tổ chức. Trong những sự việc như thế, hoàn toàn không thể quy chụp cho cơ quan pháp lý «không chịu sự lãnh đạo của Đảng». Có thể chính cơ quan pháp luật sai trong những sự việc cụ thể, nhưng sửa chữa nó cũng bằng biện pháp tranh luận dân chủ, và tuân thủ các quy định đã trở thành giềng mối quản lý xã hội.

Đã qua, có trường hợp cấp ủy đảng chỉ thị trực tiếp cho ngành Kiểm sát, Công an bắt người này, thả người kia. Sự vi phạm đó chính là vi phạm mang tính nguyên tắc, vi phạm nguyên tắc Đảng lãnh đạo. Ở đây không nên và không thể hiểu Đảng lãnh đạo là chỉ thị trực tiếp như vậy. Cung cách ấy dẫn đến những xáo trộn, đôi khi nghiêm trọng, thậm chí dung dưỡng tệ lộng quyền cá nhân và biến pháp luật và cơ quan pháp luật thành công cụ thụ động.

Chúng ta có không ít ví dụ về sự can thiệp này, và kết quả bao giờ cũng phức tạp bởi sự sửa chữa sai lầm kèm thêm một cân nhắc khác: phải bảo đảm uy tín của Đảng. Thực tế, uy tín cần được bảo đảm hàng đầu chính là công lý cần được thực hiện, và đó cũng là uy tín của Đảng.

Đảng là người lãnh đạo đưa đường chỉ lối. Quốc hội, Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu trực tiếp để tổ chức, quản lý xã hội theo đường lối của Đảng. Tiêu chuẩn của người lãnh đạo không đồng nhất với tiêu chuẩn của người tổ chức, điều hành. Con người thực hiện pháp luật lại có tiêu chuẩn riêng, tiêu chuẩn tri thức và nghiệp vụ. Những phạm trù trên phải rạch ròi.

Cơ chế chung của chúng ta phải mang tính khoa học, lẽ ra không có bộ phận nào thừa. Nhưng với cách hoạt động cụ thể, chúng ta lại bắt gặp sự giẫm chân nhau và có những bộ phận đóng vai hình thức, không cần thiết. Đó là tình trạng làm suy yếu chế độ xã hội nước ta.

Kinh nghiệm các nước xã hội chủ nghĩa về mặt này tương đối nhiều. Đã xảy ra những sai lầm rất đau lòng liên quan đến sự xâm phạm dân chủ, trong đó có một nguyên nhân cực kỳ quan trọng là hiểu hạn hẹp về Đảng lãnh đạo. Ở ta cũng có những kinh nghiệm như vậy.

Sự đổi mới bao gồm cả đổi mới về quan niệm điều hành công tác đảng và công tác quản lý xã hội. Có những vấn đề hoàn toàn đảng vụ, cơ quan đảng chịu trách nhiệm xử lý. Nhưng, những vấn đề thuộc xã hội thì phải được xử lý theo pháp luật, theo hệ thống nhà nước. Không giữ chặt chẽ nguyên tắc này, kỷ cương lỏng lẻo ngay.

Và, kỷ cương phải được giữ chặt chẽ trước hết từ cơ quan cao nhất của Đảng và Nhà nước ta.

Chủ nghĩa Mác sáng tạo — ngọn nguồn và cơ sở của sự đổi mới có tính cách mạng

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

Mở đầu năm 1988, những người cộng sản và nhân dân lao động khắp năm châu hàn hoan kỷ niệm 170 năm ngày sinh của Căc Măc — người sáng lập học thuyết cách mạng vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của lao động toàn thế giới. Thời gian — một cách khách quan — kiểm chứng mọi tư tưởng, mọi học thuyết và giả thuyết, mọi vĩ nhân của lịch sử.

Cũng trong năm nay « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », lời tuyên cáo đầu tiên vĩ đại nhất của phong trào cộng sản và công nhân trước toàn thế giới, tròn 110 năm. Với Tuyên ngôn lịch sử và sau đó là hàng loạt tác phẩm nổi tiếng của mình, C. Măc cùng với Ph. Ăng-ghe-n đã trở thành những người đặt nền móng thế giới quan cộng sản và tư tưởng — lý luận cho phong trào vô sản. Phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học, nghĩa là toàn bộ học thuyết của Măc — trong tính hoàn chỉnh hữu cơ của nó, trong bản chất cách mạng và khoa học của nó, trong

tính hiện thực và lạc quan của nó — đã trở thành định hướng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của vô sản các nước, là vũ khí lý luận vững chắc và sắc bén nhất để những người cộng sản đấu tranh chống lại các học thuyết tư sản phản động, cải lương, không tưởng đủ loại; để cải tạo và xây dựng thế giới, cả thế giới chủ quan và khách quan. Bằng những hoạt động tuyên truyền và tổ chức rộng lớn, Măc và Ăng-ghe-n đã hướng phong trào công nhân đi đúng con đường đấu tranh cách mạng nhằm tiến tới lật đổ chế độ áp bức, bóc lột. Những phát kiến xuất sắc của Măc trong lý luận đấu tranh chính trị, trong chiến lược và sách lược cách mạng — đặc biệt học thuyết về chuyên chính vô sản, về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, về sự đoàn kết quốc tế giữa vô sản tất cả các nước, v.v. hôm nay tưởng chừng dễ hiểu nhưng đã ra đời chậm vật biết bao và sau khi ra đời nó đã đem lại cho công nhân sự

* Giáo sư, Giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc.

giác ngộ, khơi dậy sức mạnh cách mạng to lớn biết nhường nào.

Đã 105 năm kể từ ngày C. Mác vĩnh biệt chúng ta, trải qua những bước quanh co của lịch sử, chủ nghĩa Mác không ngừng được làm phong phú thêm và được liên thực hóa một cách sinh động. Học thuyết Mác đã được những người cộng sản và cách mạng toàn thế giới tiếp thu để gắng sức vận dụng tối đa vào hoàn cảnh lịch sử mới. Từ V.I. Lê-nin — người có công đầu và người tiên biểu xuất sắc nhất trong việc lĩnh hội và phát triển chủ nghĩa Mác — những người cộng sản ngày càng nhận thức ra rằng tiếp thu chủ nghĩa Mác, trung thành với tư tưởng của Mác hoàn toàn không có nghĩa là sao chép y nguyên từng câu, từng chữ, không phải là công việc giản đơn rập khuôn, lặp lại tất cả những gì mà Mác đã đề xướng trong những hoàn cảnh lịch sử trước đây. Trái lại, nắm chủ nghĩa Mác chính là nắm bản chất tinh thần cốt lõi, linh hồn sống, phương pháp lý luận của Mác. Ăng-ghe-n đã từng nhắc nhở: « Toàn bộ quan điểm của Mác... là một phương pháp, nó không đưa ra những giáo điều định sẵn, mà là những điểm xuất phát cho việc nghiên cứu thêm và phương pháp cho việc nghiên cứu này » (1).

Điều đó bắt nguồn trước hết từ bản chất quá trình bình thành và phát triển chủ nghĩa Mác. Bản thân chủ nghĩa Mác đã ra đời như thế. Và đến lượt mình, chủ nghĩa Mác đòi hỏi phải không ngừng được phát triển, bổ sung thêm những nội dung mới và làm phong phú thêm bằng sự khái quát lý luận từ những biến đổi mới nhất của diễn biến tình hình thế giới, từ những kinh nghiệm muôn màu muôn vẻ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác không tương dung với bất cứ sự trì trệ nào của tư duy, với chủ nghĩa giáo điều và bệnh

máy móc. Đặc tính quan trọng hàng đầu làm nên sức sống của chủ nghĩa Mác, khiến nó phân biệt hẳn với các thứ lý luận, học thuyết khác là ở chỗ: muốn trung thành với chủ nghĩa Mác phải không ngừng phát triển nó một cách sáng tạo: đổi mới và sáng tạo để phù hợp với thực tiễn cuộc sống luôn biến đổi. Đó chính là đòi hỏi tự thân của sự trung thành. Lê-nin viết: « Phải thấu triệt cái chân lý không thể chối cãi được là người mác xít phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của *hiện thực*, chứ không nên tiếp tục bám lấy cái lý luận ngày hôm qua, lý luận này cũng như mọi lý luận, bất quá chỉ vạch ra được nét cần bản, nét chung, chỉ *tiền gần lời* chỗ nắm được tính chất phức tạp của cuộc sống mà thôi? (2). Đã và sẽ không bao giờ có một công thức đúng cho mọi trường hợp của cuộc sống. Khó hình dung một người gọi là mác xít mà chỉ biết có học thuộc lòng từng câu, từng chữ của Mác, coi đó là « bảo bối » vạn năng.

Mác không tự đặt cho mình tham vọng đưa lại những câu trả lời cụ thể cho từng trường hợp riêng biệt. Điều Mác theo đuổi, khó khăn nhất và cũng làm nên cái vĩ đại nhất ở Mác, là *thông qua việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá những sự kiện để vạch ra xu hướng, quy luật vận động khách quan, tất yếu của chúng, để chỉ ra những động lực ẩn giấu đằng sau ác hiện tượng và quá trình, từ đó vạch ra kim chỉ nam định hướng cho sự nhận thức và hành động cách mạng*. Cho dù những điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng các nước, của các thời kỳ có khác nhau đến mấy đi nữa cũng không vượt ra ngoài những quy luật phổ biến, những

(1) C. Mác — Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên cấp*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t. VI, tr. 808.

(2) V.I. Lê-nin: *Tuyên cấp*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t. 31, tr. 162 — 163.

nguyên tắc phổ biến chung như là cơ sở, cái bản chất quy định, xuyên qua những cái riêng muôn hình vạn trạng và thường xuyên biến đổi. Lê-nin đã vạch ra cái tinh túy ấy trong tư duy khoa học của Mác. Người viết: « Ngay đến bảy mươi ông Mác cũng không thể bao quát được tổng số những sự thay đổi... Nhiều lắm là phát hiện ra được những quy luật của sự thay đổi đó, vạch ra được những nét chủ yếu và căn bản của cái lô-gích khách quan của sự thay đổi ấy và của sự phát triển lịch sử của chúng » (3). Nhờ thế, hơn bất cứ học thuyết nào, chủ nghĩa Mác mở đường thênh thang cho việc nghiên cứu sáng tạo mọi hiện tượng và quá trình xã hội. Ở mỗi giai đoạn lịch sử mới, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác có thể được phát triển cụ thể hơn, bổ sung và làm phong phú thêm bằng những phương diện mới, nội dung mới, mang ý nghĩa mới. Mỗi liên hệ qua lại biện chứng giữa trung thành và sáng tạo, kế thừa và đổi mới là một đặc trưng bản chất của chủ nghĩa Mác.

Chỉ có quán triệt sâu sắc phép biện chứng mác-xít, không ngừng đi sâu vào thực tế cuộc sống luôn vận động và biến đổi, đi sâu vào những chi tiết, đào sâu tới tận cùng bản chất các sự vật, hiện tượng, và từ muôn ngàn những kết luận thu được qua nghiên cứu công phu những sự kiện, những quá trình với tất cả tính đa dạng, phức tạp, ngẫu nhiên, quá độ, tạm thời mà đúc kết, khái quát, tìm ra những tính quy luật mới của sự vận động khách quan. Không như thế mà cứ bám lấy từng câu, từng chữ trong sách vở của Mác thì thực tế là đã giết chết chủ nghĩa Mác. « Phương pháp duy vật sẽ trở thành cái đối lập với nó — Ăng-ghe-n đã viết rất chí lý — nếu như nó không được xem như một kim chỉ nam trong công tác nghiên cứu lịch sử, mà lại được coi là một khuôn mẫu đúc sẵn theo đó người ta đào gọt những sự kiện lịch sử tùy theo ý muốn » (4).

Với những luận điểm riêng rẽ nào đó của Mác nêu ra trong một thời đại lịch sử khác, nếu ai lại mưu toan biến thành chân lý muôn thuở thì điều đó « có nghĩa là muốn lợi dụng câu chữ trong chủ nghĩa Mác để chống lại tinh thần của chủ nghĩa Mác » (5). *Đổi mới, phát triển, thậm chí ngay cả việc « hiệu đính » những kết luận riêng rẽ nào đó của Mác, nếu điều đó được tiến hành trên tinh thần của phương pháp mác-xít, không đi trệch, trái lại vận dụng đúng đắn, nhuần nhuyễn phép biện chứng duy vật — đó là con đường duy nhất đúng lộ rõ sự trung thành và làm tăng thêm sức sống của chủ nghĩa Mác.*

Còn một vấn đề khác nếu không được đặt ra thì sẽ không nhận thức đầy đủ công cuộc đổi mới tư duy lý luận ở các nước anh em mấy năm nay, sẽ thiếu đi căn cứ để phân bác những luận điệu chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội đang dấy lên ở phương Tây. Đó là vấn đề: 70 năm nay chủ nghĩa xã hội từ lý luận đã biến thành hiện thực, đã và đang làm thay đổi bộ mặt thế giới; thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin không ai có thể phủ nhận được, vậy vì sao vài năm nay các đảng cộng sản lại đặt vấn đề phải thay đổi nhận thức, phải tư duy theo kiểu mới?

Phải nói ngay rằng việc giai cấp công nhân tiến hành thắng lợi cách mạng vô sản, giành được chính quyền ở một loạt nước có trình độ phát triển kinh tế — xã hội khác nhau, công cuộc xây dựng và sáng tạo xã hội mới đạt những thành tựu vĩ đại, đó là một bước ngoặt hết sức lớn lao của lịch sử thế giới. Sau 70 năm của thời đại mới, kể từ Cách mạng Tháng Mười vĩ

(3) V. I. Lê-nin: *Tồn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1980, t. 18, tr. 402 — 403.

(4) C. Mác — Ph. Ăng-ghe-n: sách đã dẫn, tr. 712.

(5) V. I. Lê-nin: *Tồn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1980, t. 25, tr. 349.

đại, thế giới đã có những thay đổi hết sức to lớn và sâu sắc. Bản thân tình hình đó đặt ra vô số những vấn đề mới mẻ mà thời Mác chưa có, cả Lê-nin cũng chưa được nhìn tận mắt. Sự vật mới, hiện thực xã hội thế giới mới đương nhiên đòi hỏi các đảng cộng sản phải bằng mọi cách để nhận thức ngang tầm, phải tìm tòi con đường và biện pháp để tiếp cận và chinh phục. Những mây mù, tìm tòi, thử nghiệm, hết biện pháp, hình thức này đến biện pháp, hình thức khác, thành công và thất bại là việc bình thường. Chúng ta đều biết, tại các đại hội lịch sử gần đây nhất của mình, hầu hết các đảng cộng sản và công nhân đều thừa nhận có sự lạc hậu ở mức độ này hay mức độ khác trong lĩnh vực nhận thức lý luận, đã phạm phải những khuyết điểm giáo điều, giáo đôn hóa học thuyết Mác - Lê-nin, vì vậy không ít công thức đã xa rời cuộc sống, không vượt qua được thử thách của thời gian. Báo cáo chính trị tại Đại hội XXVII ĐCS Liên xô đã đặt thẳng vấn đề: «chính cái hoàn cảnh kinh tế và chính trị *cụ thể* mà chúng ta đang sống, chính *cái thời kỳ* đặc biệt của quá trình lịch sử mà xã hội xô viết và toàn thế giới đang trải qua đòi hỏi ở đảng, ở mỗi người cộng sản sự sáng tạo, sự đổi mới, biết vượt ra khỏi khuôn khổ những quan niệm quen thuộc đã lỗi thời». Chỉ riêng việc chủ nghĩa xã hội dám công khai thừa nhận khuyết điểm - khi mà hệ thống xã hội chủ nghĩa đã qua một bước phát triển tương đối dài, đã đạt tới những thành tựu hiện thực đáng tự hào - đã chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang lấy lại được sức sống vốn có của mình, cũng có nghĩa việc đặt vấn đề đổi mới, cải tổ, tư duy theo lối mới là một bước tiến thẳng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nó chứng tỏ chủ nghĩa xã hội dám nhìn thẳng vào sự thật dù đôi khi cay đắng, nhưng không tránh né, không che đậy, không sợ kẻ thù có thể lợi

dụng xuyên tạc. Chỉ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới tạo cho những người cộng sản đủ dũng khí để tự phê phán, biết trưởng thành trước hết bằng việc thẳng thắn và nghiêm túc đấu tranh với những khuyết điểm sai lầm của bản thân. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa trong vòng hai năm qua thật sự chịu đựng được, thích ứng kịp và chủ động trước bước ngoặt cải tổ, đổi mới. Trên cơ sở phân tích khách quan thực tế đã hình thành, những mâu thuẫn mới và những vấn đề tồn tại chưa được giải quyết, phân tích tương quan lực lượng giữa hai hệ thống thế giới, ĐCS Liên xô và một số đảng anh em đã xây dựng và khẳng định chiến lược đầy nhanh phát triển kinh tế - xã hội mỗi nước và cả cộng đồng, tạo tiềm lực hùng hậu bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội tiến lên giành thắng lợi quyết định trong cuộc thi đua lịch sử với chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội không được phép thua kém khi bước vào thế kỷ 21.

Tư duy mới, xét cho cùng, không gì khác hơn là sự gắn bó giữa lý luận với thực tiễn, khắc phục thiếu sót trong nhiều năm qua là tách rời hai mặt đó, làm cho lý luận bám sát những diễn biến mới nhất của đời sống, bám sát quy luật khách quan, từ đó rút ra những kết luận chính trị - thực tiễn chính xác. Dĩ nhiên trong quá trình đó, không tránh khỏi có nhiều ý kiến khác nhau. Dù sao ý thức tìm tòi, những nỗ lực sáng tạo để vận dụng hiệu quả nhất chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện thời đại hiện nay và hoàn cảnh mỗi nước với đầy đủ trách nhiệm trước dân tộc mình, trước vận mệnh của chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn lịch sử mới, trước số phận của nền văn minh loài người, vẫn là chỉ hướng chung nhất đoàn kết những người cộng sản tất cả các nước. Trên ý nghĩa đó, phải chăng đã có thể nói đến một giai đoạn mới trong sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin? Có nhiên sự sáng tạo lý luận, đổi mới tư

duy chỉ có kết quả khi thể hiện tính có căn cứ khoa học đầy đủ, sự phân tích tình hình một cách khách quan và thấu đáo, sự mạnh dạn tư duy lý luận với đầy đủ trách nhiệm, với bản lĩnh vững vàng, đầu óc tỉnh táo, có cách đặt ra và cân nhắc thận trọng những nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài phù hợp với khả năng thực tế.

Toàn bộ sự thật đó đã đánh thép bác bỏ những luận điệu vô căn cứ xảo trá tư sản đồng khuôn giá trị những tư tưởng của Mác chỉ ở thời Mác, bác bỏ mọi mưu đồ muốn dựng bức tường thành giữa Mác và Lê-nin, giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lê-nin, bịa ra cái gọi là « sự khủng hoảng », « sự lỗi thời », tình hình không còn thích hợp nữa của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong điều kiện hiện nay. Sự thật, đó chỉ là « nằm mơ giữa ban ngày ». Tất cả những ai đã nghiên cứu Lê-nin đều có thể thấy rằng tiền đề lý luận mà Lê-nin một lý cũng không rời là những tư tưởng của Mác. Như mọi người đã biết, với thiên tài lý luận và bản lĩnh độc đáo của mình, Lê-nin đã phát triển, đưa học thuyết Mác đến đỉnh cao mới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Trong kho tàng tư tưởng của Lê-nin, chúng ta dễ nhận thấy linh hồn, sợi chỉ đỏ xuyên suốt là chủ nghĩa Mác. Ngay những kết luận mới mà Lê-nin bổ sung vào những di sản của Mác, là kết quả hợp lô-gích của phương pháp luận mác-xít. Chủ nghĩa Mác do vậy trở thành chủ nghĩa Mác—Lê-nin thống nhất.

Nếu như thực tế lịch sử khẳng định mặt chính diện nêu trên thì đồng thời nó cũng cung cấp cho chúng ta không ít bài học phản diện. Dường thời với Mác, tất cả những cá nhân và phong trào nào hoặc đi ngược lại, hoặc không tiếp thu đúng tư tưởng của Mác đều rơi vào tình trạng khủng hoảng về lý luận và không có vai trò lịch sử đáng kể. Sau khi Mác, Ăng-

ghen qua đời, biết bao nhà tư tưởng, lý luận đã không thể trở thành người cách mạng chân chính, xét đến cùng là bởi họ chưa tiếp cận được thực chất tinh túy, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác, chưa thấy được sức sống của chủ nghĩa Mác trong hoàn cảnh lịch sử mới. Lịch sử càng tiến về phía trước, càng xuất hiện nhiều những nhân tố mới so với giai đoạn Mác sống, người ta càng dễ có thái độ khác nhau đối với chủ nghĩa Mác. Bên cạnh dòng chính là tiếp tục trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã qua thử thách, là những trào lưu cơ hội, xét lại, giáo điều đủ mọi màu sắc từ bỏ bản chất, linh hồn sống và những nguyên tắc khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Bất chấp những khuynh hướng lệch lạc đó, vượt lên trên tất cả những thủ đoạn xuyên tạc của kẻ thù, chủ nghĩa Mác—Lê-nin bách chiến bách thắng vẫn tiếp tục sống và ngày càng thêm phong phú, sinh động trong hoạt động thực tiễn và lý luận của các đảng mác-xít—lê-nin nít.



Chủ nghĩa Mác — Lê-nin được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và truyền bá vào Việt nam đúng lúc những người Việt nam yêu nước đang có sự khủng hoảng về tư tưởng và lý luận trong việc tìm đường cứu nước. Bắt đầu từ chủ nghĩa yêu nước, nhờ có sự nhạy cảm chính trị tuyệt vời, với ý chí mãnh liệt giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Người đã tìm đúng đến chủ nghĩa Mác—Lê-nin và nhận ra ngay đó chính là cái « cầm nang thần kỳ », là học thuyết chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất, là « cơm ăn, nước uống » đối với « người đi đường đang đói khát », là « mặt trời chói lọi » soi sáng con đường cứu nước, cứu dân, con

đường đưa dân tộc ta đi tới chủ nghĩa xã hội. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, Đảng ta ngay từ khi ra đời đã nắm đúng thực chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, nhờ thế cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong thời kỳ tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, Đảng đã đề ra đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, đầy sáng tạo, lãnh đạo nhân dân đánh đuổi đế quốc, giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Có thể nói tư duy lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ, về khoa học và nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, chiến thuật trong chiến tranh đã đạt tới trình độ thành thực. Những thành tựu tư duy lý luận quan trọng đó bắt nguồn từ sự tiếp thu đúng thực chất tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, nhờ kết hợp khéo léo việc học tập những kinh nghiệm phong phú của phong trào cách mạng các nước với ý thức độc lập sáng tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tương lai của dân tộc, trước vận mệnh của nhân dân và phong trào cách mạng thế giới. Để có được đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong những năm 1951—1975 cho miền Bắc và chỉ một năm sau ngày đất nước thống nhất đề ra được đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa cho cả nước—mà đến nay về cơ bản vẫn được Đại hội VI khẳng định là đúng đắn—Đảng ta đã có sự cố gắng lớn trong lĩnh vực tư duy lý luận trên cơ sở những nguyên tắc cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Song, khi thực sự bắt tay vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, đến lúc phải giáp mặt với những khó khăn—những khó khăn mà một thời vi tế này lẽ khác phần nào được che lấp—chúng ta thấy rõ tính hạn chế trong những hiểu biết lâu nay, thấy rõ trình độ lý luận của chúng ta về chủ nghĩa xã hội, nhất là chủ nghĩa xã hội trong điều kiện Việt nam, còn hết

sức giản đơn, trừu tượng, xa rời thực tiễn và không ít quan niệm của chúng ta đã là sản phẩm của chủ nghĩa chủ quan duy ý chí. Trong nhận thức lâu nay của chúng ta về chủ nghĩa xã hội còn không ít quan niệm lạc hậu, cũ kỹ—lạc hậu cả về mặt nội dung nhận thức lẫn phương pháp tư duy; lạc hậu so với những đòi hỏi của thực tiễn, so với những thành tựu lý luận của chủ nghĩa xã hội thế giới, so với chính những yêu cầu thuộc bản chất sáng tạo của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Chính vì vậy, Đại hội VI của Đảng đã khẳng định dứt khoát đường lối đổi mới toàn bộ các mặt hoạt động của Đảng, trước hết là đổi mới tư duy, thay đổi nhận thức cho phù hợp với thực tế và với quy luật, từ đó đề ra được chủ trương đúng, xác định bước đi, biện pháp thích hợp, nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng đất nước, phát huy sức sáng tạo của quần chúng và tận dụng khả năng hợp tác quốc tế, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Đại hội đề ra.

Đổi mới tư duy với nội dung chủ yếu là đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt nam là cả một quá trình gian khổ, khó khăn và phải có định hướng đúng. Cần phải luôn nhớ rằng chủ nghĩa Mác-Lê-nin sáng tạo—đó là ngọn nguồn và cơ sở của một sự đổi mới, trước hết của đổi mới tư duy. « Muốn đổi mới tư duy—như Báo cáo chính trị tại Đại hội VI đã khẳng định—Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của dòng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thu những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng

(Xem tiếp trang 28)

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO GƯƠNG BÁC HỒ VĨ ĐẠI

ĐẶNG XUÂN KỲ *

LƯC này, hơn lúc nào hết, khẩu hiệu “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại” phải là khẩu hiệu hành động của toàn đảng, của mỗi người. Khẩu hiệu đó luôn luôn là nội dung chính trị – tư tưởng định hướng cho suy nghĩ và hành động của mọi người.

Theo gương Bác, chúng ta phải sống một cuộc sống có lý tưởng, học tập vì lý tưởng, lao động và chiến đấu để thực hiện bằng được lý tưởng. Lý tưởng của chúng ta là độc lập của Tổ quốc, tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Đó cũng chính là lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Bác nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” (1). Sự tha thiết với lý tưởng cao đẹp ấy phải trở thành niềm say mê, ham muốn và khát vọng tột cùng của mỗi cán bộ, đảng viên. Trung thành với lý tưởng cao đẹp ấy cũng chính là trung thành với sự nghiệp cách mạng của đảng, của nhân dân, như Bác Hồ đã dạy, đó chính là điều chủ chốt nhất của đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên.

Thật không bao giờ thừa dù chúng ta có nói bao nhiêu về lý tưởng, vì những cái nhỏ bé, tầm thường trong cuộc sống hàng ngày đã làm xao lãng đi những cái lớn lao, cao đẹp của lý tưởng. Và chúng ta phấn đấu cho lý tưởng bao nhiêu cũng không bao giờ đủ, vì đó là mục tiêu cơ bản, lâu dài của cách mạng, nó chỉ có thể được thực hiện bằng mồ hôi, bằng máu, bằng cả tâm hồn và trí tuệ của hết thế hệ này đến thế hệ khác. Vì vậy, việc kiên định lý tưởng, bồi đắp lý tưởng, quyết tâm thực hiện lý tưởng trên lập trường của đảng là một việc mà bất cứ cán bộ, đảng viên nào, trong bất cứ lúc nào cũng không thể coi nhẹ.

Sự phai nhạt về lý tưởng, thậm chí xa rời lý tưởng ở một số cán bộ, đảng viên trong những năm qua đã làm cho họ thoái hóa biến chất, lạc hậu, hư hỏng, không còn đứng vững trên vị trí chiến đấu của mình. Dù đau xót, chúng ta cũng phải nói rằng, những người đó đã phản bội lại bao nhiêu con người đã ngã xuống vì lý tưởng, phản bội lại công ơn sâu nặng của Bác Hồ, của đảng, đã chà đạp lên mơ ước ngàn đời của dân tộc ta và loài

* Phó viện trưởng Viện Mác-Lê-nin.

(1) Hồ Chí Minh: *Về quan điểm quân chúng* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1974, tr. 33.

người tiến bộ về một xã hội tốt đẹp, hoàn thiện.

Thực hiện lý tưởng là một quá trình phấn đấu liên tục suốt đời của mỗi cán bộ, đảng viên, và của nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Nếu trước đây, chúng ta đã không thể có ngay được độc lập, tự do, thì ngày nay cũng không thể một bước đem lại ấm no hạnh phúc cho hàng triệu, hàng triệu con người. Dưới sự lãnh đạo của đảng, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh chống mọi loại đế quốc, thực dân cũ và mới, chống mọi kẻ thù xâm lược, nhưng vấn đề ổn định và cải thiện đời sống nhân dân vẫn là vấn đề day dứt và trăn trở của Đảng ta, của mỗi cán bộ, đảng viên ta. Đã hai lần đại hội đảng và nhiều kỳ hội nghị Trung ương tập trung suy nghĩ để tìm cách giải quyết vấn đề này, song trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp. Từ đó có thể thấy rằng phấn đấu cho lý tưởng là một cuộc phấn đấu gian khổ, không ngừng, đề từ những cái đã có tiến lên giành lấy những cái to lớn hơn.

Đề kiên định lý tưởng, chúng ta phải phấn đấu kiên quyết chống lại những ảnh hưởng của tư tưởng tư sản như clay theo dòng tiền, lấy hưởng thụ gấp làm mục đích cuộc sống, đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, sống ích kỷ không tình nghĩa, dối trá lừa lọc, có thể biến cả danh dự, lương tâm thành hàng hóa để mua bán, đổi chác.

Để thực hiện lý tưởng, chúng ta phải chống mọi biểu hiện của tư tưởng tiêu tư sản « tả » và hữu, như chủ quan nóng vội, duy ý chí, muốn đốt cháy giai đoạn, bất chấp quy luật, bất chấp thực tế; hoặc bảo thủ trì trệ, khư khư giữ chặt những nhận thức lạc hậu, những kinh nghiệm cũ kỹ, không dám đổi mới, không chịu đổi mới. Chúng ta phải chống lại những bấp bênh, chao đảo, dao động trước

những khó khăn, những sự lung lay, giảm sút lòng tin, vì lợi ích của địa phương cục bộ mà quên lợi ích toàn cục, vì cái trước mắt mà quên cái lâu dài, vì cái nhất thời mà quên mất mục tiêu cao cả cuối cùng.

Chúng ta phải tích cực bồi dưỡng tư tưởng tiến công cách mạng của Đảng ta và của Bác Hồ, dũng cảm đương đầu với mọi thử thách, vượt qua mọi khó khăn, vững vàng tiến lên phía trước.

Theo gương Bác, cán bộ, đảng viên chúng ta phải thường xuyên **bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm** để đóng góp phần mình vào việc thực hiện lý tưởng của Bác, của Đảng. Trong toàn bộ những hoạt động của đảng, vị trí mỗi người có khác nhau, do đó những nhiệm vụ được giao cũng khác nhau trong mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi tập thể, nhưng ý thức trách nhiệm chỉ có một. Đó là tinh thần toàn tâm toàn ý vì công việc cách mạng. Đó là sự tận tụy đem hết ý chí, nghị lực và khả năng cống hiến cho sự nghiệp chung, trên cương vị riêng của chính mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

Theo tinh thần của Bác, sự phân biệt sang hay hèn, đáng trọng hay đáng khinh, không tùy thuộc vào vị trí cao hay thấp của những công việc mà tùy thuộc ở chỗ, có làm tròn trách nhiệm hay không. Chúng ta không bao giờ được quên lời dạy của Bác: « Đồng chí nào ở hợp tác xã làm tốt là anh hùng Bộ trưởng mà không làm tròn trách nhiệm là tội » (2). Tinh thần ấy cũng đã được Bác nói đến khi so sánh ngay cả một vị chủ tịch nước với một người phục vụ bình thường.

Chúng ta vẫn thường nói, phải phân công phân nhiệm cho rõ ràng trong mỗi tập thể, mỗi cấp lãnh đạo,

(2) Hồ Chí Minh: *Về đạo đức cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 116.

có nghĩa là phải xác định rõ trách nhiệm cá nhân của từng người đối với từng nhiệm vụ, từng công việc. Phải làm tốt vấn đề này để mỗi việc đều có người chịu trách nhiệm, để tránh hoặc khắc phục tình trạng vô trách nhiệm; hoặc khi có thành tích thì nhiều người muốn nhận công về mình, còn nếu có sai lầm dù vô thì lại sẵn sàng «nhường» cho người khác, cho tập thể. Lê-nin đã phân tích một tình hình là khi bệnh quan liêu đã xâm nhập vào trong bộ máy của đảng và nhà nước, thì chỉ còn thấy tình trạng tiêu tít bận rộn, một sự tất tưởi không đem lại hiệu quả, nhưng khó lòng mà tìm ra kẻ có lỗi. Điều đó vẫn có ý nghĩa rất thời sự đối với chúng ta.

Vấn đề trách nhiệm cá nhân là vấn đề phải được đặc biệt chú ý trong tình hình hiện nay. Từ nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chúng ta hiểu rằng, tập thể một cấp lãnh đạo chỉ có thể hoàn thành nhiệm vụ khi mỗi thành viên tham gia tập thể đó làm tròn trách nhiệm cá nhân của mình. Và hiển nhiên là chức vụ càng cao, quyền hạn càng lớn thì trách nhiệm cá nhân lại càng nặng. Không thể san bằng mức độ trách nhiệm trong lúc chúng ta lại phân biệt phạm vi các chức vụ quyền hạn rất rõ ràng.

Ý thức trách nhiệm đòi hỏi cán bộ, đảng viên một mặt là tinh thần dám nhận trách nhiệm và mặt khác là dám chịu trách nhiệm. Trách nhiệm bao giờ cũng gắn với chức vụ, mỗi chức vụ đều đòi hỏi một trách nhiệm nhất định. Không thể chỉ biết nhận chức vụ mà lại không chịu trách nhiệm, như chúng ta vẫn thấy ở một số cán bộ, đảng viên, nhất là họ có chức có quyền.

Dám nhận trách nhiệm không phải thấy việc dễ thì nhận, thấy việc khó thì thoái thác. Một khi đã nhận thì quyết tâm tìm mọi cách để hoàn

thành. Dám chịu trách nhiệm là dám thừa nhận tất cả những gì mình làm được cũng như chưa được, thành công cũng như thất bại, với tinh thần dũng cảm thẳng thắn trước đảng và trước nhân dân, trước cấp trên và trước cấp dưới, trước lãnh đạo và trước quần chúng, trước tập thể và trước danh hiệu đảng viên của chính mình. Bác đã phê phán những cán bộ, đảng viên chỉ biết chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước lãnh đạo, trước đảng và chính phủ nói chung, chứ không chịu trách nhiệm trước cấp dưới, trước quần chúng nhân dân, như vậy mới chỉ có trách nhiệm một nửa. Theo tinh thần của Bác, xét cho cùng, thì trách nhiệm trước quần chúng nhân dân là trách nhiệm cao nhất của người cán bộ, đảng viên, bởi vì đảng, chính phủ cũng đều phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, chứ không thể khác được.

Tinh thần dám chịu trách nhiệm đòi hỏi mỗi người phải có thái độ trung thực với đảng, với quần chúng. Phải trung thực trên lời nói và trong việc làm, kiên quyết bảo vệ cái đúng, dũng cảm đấu tranh với cái sai, có khuyết điểm sai lầm dám tự phê bình nghiêm túc. Đại hội VI đặt ra vấn đề phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật cũng có nghĩa là đặt vấn đề trung thực trên phạm vi hoạt động rộng lớn của đảng, cũng như đối với việc nâng cao phẩm chất của mỗi cán bộ, đảng viên. Chúng ta hiểu rằng, chỉ có thái độ trung thực mới tạo ra được sự tin cậy của người khác, của quần chúng nhân dân. Bởi vì, sự dối trá, như Lê-nin nói, sẽ dẫn con người ta đến cái chết về đạo đức và sớm muộn nhất định sẽ dẫn đến cái chết về chính trị.

Theo gương Bác, chúng ta phải ra sức học tập quan điểm quần chúng, quan điểm phục vụ nhân dân của Bác. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa của chúng ta cũng xuất phát từ vấn đề cơ bản này.

Bác đã nói: «Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân». «... nếu nước được độc lập, mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì» (3).

Từ quan điểm quần chúng, quan điểm phục vụ nhân dân, Bác đã giáo dục chúng ta những tư tưởng của dân, do dân, vì dân, dân là chủ. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã tổng kết bài học «lấy dân làm gốc», đặt vấn đề «dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra», một lần nữa đã khẳng định lại quan điểm cơ bản ấy của Bác và của Đảng ta suốt mấy chục năm qua. Quan điểm ấy bắt nguồn từ những tư tưởng truyền thống quý báu của ông cha ta trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, kết hợp với quan điểm «Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng» của chủ nghĩa Mác-Lênin, đã tạo nên sức mạnh vô tận và đã đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý là nhằm tuyên truyền, giáo dục, tổ chức nhân dân để nhân dân làm chủ sự nghiệp của mình, làm nên sự nghiệp của chính mình. Lãnh đạo, quản lý không phải là làm thay, cũng không phải là ban ơn cho nhân dân. Đảng ta lấy việc phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân làm mục đích và ý nghĩa cao nhất của mọi hoạt động của mình. Vì vậy, đã có bao lần Bác căn dặn chúng ta: «Đảng phải vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân». Song đáng tiếc là, vẫn có không ít cán bộ, đảng viên chỉ nhớ mình là lãnh đạo, và quên mất cái phần là đầy tớ nhân dân, nên có lần Bác đã phải nói thêm: «Lãnh đạo tức là làm đầy tớ nhân dân». Bác đã lường trước có những cán bộ, đảng viên học nhưng không nhớ, nói nhưng không làm, chỉ thích lãnh đạo là đứng trên, là dạy dỗ người khác,

nên đã nhắc nhở: «Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được» (4). Hiện nay tất cả chúng ta vẫn cần học lại vấn đề sơ đẳng nhưng rất cơ bản này, học để hành và hãy để cho quần chúng nhân dân là người kiểm tra, đánh giá.

Theo quan điểm phục vụ nhân dân của Bác, đảng phải quan tâm đến lợi ích của nhân dân, lo cho dân không phải chỉ những việc lớn, mà cả đến những chuyện tương cà mắm muối hằng ngày. Đảng sẽ có lỗi nếu để dân đói, dân rét, không đủ thuốc thang khi đau ốm, không đủ điều kiện để học hành, đời sống vật chất và tinh thần không được ổn định, và từng bước được cải thiện, nâng cao.

Khó khăn về đời sống trong những năm qua, trách nhiệm rất lớn thuộc về đảng. Đảng tiếc là, trong tình hình ấy, có một bộ phận cán bộ, đảng viên chỉ chăm lo thu vén cho bản thân và gia đình mình, thờ ơ với những khó khăn, thiếu thốn của quần chúng, không lo tìm mọi cách giải quyết thỏa đáng cho quần chúng trên cương vị mình phụ trách và đề xuất với đảng những vấn đề cần thiết.

Quan điểm phục vụ nhân dân đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải sâu sát nhân dân, học hỏi nhân dân, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, kính trọng và tin yêu nhân dân. Bác vẫn thường dạy chúng ta có tin yêu dân thì dân mới tin yêu ta, có kính trọng dân thì dân mới kính trọng ta, đừng bao giờ nghĩ rằng «cứ viết lên trán hai chữ cộng sản là người ta yêu kính mình». Ủy quyền có thể làm cho người ta sợ, chứ không thể tạo ra được sự tin yêu kính trọng. Nhân

(3) Sách đã dẫn, tr. 117

(4) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*, NXB Sự thật: Hà Nội, 1980, t. 2, tr. 488.

dân chỉ tin yêu, kính trọng khi thấy cán bộ, đảng viên luôn luôn là «những người của mình», chứ không phải những kẻ xa lạ. Sức mạnh của đảng không phải chỉ do đảng tạo nên, mà chủ yếu là ở mối liên hệ máu thịt giữa đảng và quần chúng nhân dân, qua đó đảng được nhân dân bồi đắp, xây dựng.

Chúng ta không thể tiếp tục để xảy ra tình hình ở nhiều nơi, nhiều lúc có những cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền quan liêu tống tách với quần chúng, đề nén ức hiếp quần chúng, vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của nhân dân, có khi rất trắng trợn, thô bạo. Từ cán bộ cách mạng, họ đã trở thành «quan cách mạng»! họ đã biến dân chủ thành «quan chủ», điều mà Bác Hồ đã nhiều lần phê phán nghiêm khắc.

Tệ quan liêu thực sự là một hiện tượng nghiêm trọng trong bộ máy của đảng và nhà nước, mà một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã mắc phải. Nó bắt nguồn từ những tư tưởng hủ bại của các giai cấp bóc lột, chủ yếu là những tàn dư của tư tưởng phong kiến như đẳng cấp, gia trưởng, tôn ty trật tự đặc quyền đặc lợi, đã làm «vương tướng» thì tha hồ tác oai tác quái. Chúng ta phải kiên quyết chống lại những hiện tượng đó.

Phải làm sao cho dân nói có người nghe, dân kêu có nơi thâu, những nguyện vọng của dân kiến nghị phải được xem xét, những oan ức phải được giải quyết. Cần nhanh chóng bổ sung những chính sách, chế độ, thể lệ, quy định cần thiết để mở rộng hơn nữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, để nhân dân thực sự được làm chủ trong xã hội ta.

Theo gương Bác, cán bộ đảng viên chúng ta phải thường xuyên tu dưỡng những phẩm chất cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, khiêm tốn giản dị trong cuộc sống hằng ngày, trong mọi mối quan hệ xã hội. Con người ta

ai cũng có những nhu cầu nhất định về vật chất và tinh thần cho mình, cho gia đình mình để sống và làm việc. Nhưng nếu để cho những yêu cầu hợp lý trở thành nhữg đòi hỏi phi lý, và những nhu cầu vật chất chính đáng trở thành những ham muốn quá đáng, hơn nữa không còn là phương tiện mà đã thành mục đích, thành dục vọng của cuộc sống, thì con người sẽ thoái hóa, biến chất, hư hỏng rất nhanh chóng. Trong cuộc sống có những điểm dừng của nó, mà nếu vượt quá thì tốt sẽ thành xấu, hay sẽ thành dở, ưu sẽ thành khuyết, có công sẽ thành có tội. Con đường dốc mà không ít cán bộ, đảng viên đã lao xuống chính là ở chỗ đó.

Bác vẫn thường nhắc là người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, nhưng phải đúng thời đúng lúc. Nếu chúng quanh mình nhiều người còn thiếu thốn, mà mình chỉ nghĩ đến hưởng thụ sung sướng, thì chắc chắn không còn xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ của nhân dân nữa. Cách mạng đòi hỏi cán bộ, đảng viên không phải là «ăn cỏ đi trước, lội nước theo sau», mà là «lo trước, hưởng sau» thiên hạ. Vì vậy, Bác đã khuyên cán bộ, đảng viên nên ít có ham muốn về vật chất. Nếu có ham, thì đó là «ham học, ham làm, ham tiến bộ». Chúng ta không được để cho những ham muốn nhỏ bé, tầm thường lôi kéo con người xuống chỗ thấp hèn. Phải xác định cho được những ham muốn lành mạnh, chính đáng như Bác đã dạy, đó là những ham muốn luôn hướng con người vươn tới những gì lớn lao, cao đẹp nhất, để không ngừng tự cải tạo và hoàn thiện bản thân mình, để cống hiến được càng nhiều hơn cho đất nước, cho dân.

Hơn mười năm qua, những hiện tượng tiêu cực như tham ô, hối lộ, ăn cắp, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, lãng phí của công, lợi dụng chức quyền để tạo cho mình những

đặc quyền đặc lợi, lợi dụng những sơ hở trong quản lý kinh tế để móc ngoặc, đầu cơ, buôn lậu, vơ vét, sống xa hoa, trụy lạc, sa đọa đã trở thành những tệ nạn ngày càng phát triển trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước và trong đời sống xã hội nói chung. Những tệ nạn ấy đã gây nên những tổn thất rất lớn về tài sản của nhà nước và của tập thể, làm xói mòn những giá trị đạo đức cách mạng, làm giảm sút lòng tin vào đảng, vào chế độ, làm hư hỏng nhiều con người. Nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả một số đảm nhiệm trọng trách, từng có quá trình hoạt động cách mạng nhiều năm đã thoái hóa, biến chất, bôi nhọ danh hiệu cao quý của người đảng viên, làm tổn hại đến uy tín và thanh danh của đảng. Từ đó chúng ta thấy rằng việc tu dưỡng đạo đức cách mạng là công việc suốt cả đời người, không một ai có thể chủ quan cho mình đã đủ. Như Bác đã nhắc, con người ta thời kỳ trước là tốt, nhưng đến thời kỳ sau có thể lại là xấu, trước là người có công, sau có thể lại có tội, nếu chủ quan tự mãn, không chịu thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện. Việc tu dưỡng đạo đức cách mạng cũng giống như « ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong ». Vì vậy, chúng ta phải *luyện* đạo đức cách mạng một cách thường xuyên và tích cực hơn nữa.

Từ đó chúng ta cũng thấy rằng đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực là một cuộc đấu tranh cách mạng gay gắt và phức tạp. Việc đấu tranh để ngăn chặn, làm giảm bớt và từng bước xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, trong tất cả các tầng lớp xã hội, trước hết là trong cán bộ, đảng viên rõ ràng là yêu cầu rất bức thiết của cách mạng, của nhân dân.

Cuộc vận động làm trong sạch đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội do Bộ chính trị đề ra và hiện nay toàn đảng đang triển

khai thực hiện chính là nhằm đáp ứng những yêu cầu bức thiết ấy. Cuộc vận động này đòi hỏi quyết tâm cao của toàn đảng, sự ủng hộ rộng rãi và mạnh mẽ của nhân dân. Phải có những biện pháp thích hợp nhưng kiên quyết và có hiệu lực về giáo dục, hành chính, kinh tế, tổ chức, kiểm tra, để tiến hành cuộc vận động một cách khắt khe, triệt để, làm đến nơi đến chốn, không nửa vời, không buông trôi, công bằng, nghiêm minh với mọi người, để mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của đảng, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật của nhà nước.

Cuộc vận động mang ý nghĩa thôi thúc mọi người chúng ta ra sức học tập để thực hiện những lời dạy bảo của Bác, noi theo tấm gương của Bác, tích cực phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng hơn nữa, để làm cho « cái góc » của người cán bộ, đảng viên ngày càng bền và « cái nguồn sống » của người cán bộ, đảng viên không bao giờ cạn.

Vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, làm trong sạch đảng và bộ máy nhà nước hiện nay gắn liền với hoạt động thực tiễn của toàn đảng, nhằm biến Nghị quyết Đại hội VI của đảng và các nghị quyết của Trung ương thành hiện thực, trước mắt nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, đổi mới quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đó là cách tốt nhất và cũng chỉ có cách đó mới làm cho đảng trong sạch, vững mạnh, mới tôi luyện được đội ngũ cán bộ, đảng viên theo con đường mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã vạch ra là sự cải tạo của bản thân con người sẽ diễn ra cùng với sự cải tạo hoàn cảnh, trong quá trình hoạt động thực tiễn để cải tạo hoàn cảnh, quyết tâm phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng, quyết tâm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiếp tục tiến lên, dưới ánh sáng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Mấy suy nghĩ về chủ nghĩa xã hội và cách mạng khoa học — kỹ thuật ở Việt nam*

HÀ XUÂN TRƯỜNG **

VIỆT nam đang ở trong một trình độ rất thấp trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt về khoa học và kỹ thuật so với các nước thành viên HĐTKT. Tính đến năm 1987 Việt nam có khoảng 42000 cán bộ trình độ từ đại học trở lên và 74200 cán bộ kỹ thuật trung cấp (tuy vậy một phần quan trọng cán bộ trên cũng chưa được sử dụng). Việt nam có 282 cơ quan nghiên cứu và triển khai kỹ thuật nhưng chưa được đầu tư đúng mức, tình trạng kém hiệu lực và lãng phí là phổ biến. Cả nước có 93 trường đại học và cao đẳng, đang đòi hỏi quy hoạch lại, cải tổ mạnh theo phương hướng mới. Đại công nghiệp còn ở mức rất thấp, đại bộ phận lao động sản xuất bằng tay; cơ sở hạ tầng của nền kinh tế vào loại kém nhất thế giới.

Đảng và Nhà nước chúng tôi đã đề ra những chủ trương, những biện pháp khắc phục từng bước những lạc hậu và sai lầm về kinh tế, đặc biệt quan tâm đến khoa học — kỹ thuật. Đại hội IV của Đảng cộng sản Việt nam năm 1976 đã coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Nhưng trên thực tế, nghị quyết đúng đắn đó không thực hiện được vì thiếu hẳn một chiến lược kinh tế — xã hội bao gồm cả

chiến lược xây dựng và phát triển khoa học — kỹ thuật trên cơ sở thực tế của đất nước. Tại Đại hội VI họp cuối tháng 12-1986, Đảng chúng tôi đã tự phê bình nghiêm khắc về những khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế — xã hội. Về khoa học — kỹ thuật, Đảng chúng tôi nêu rõ: “Trong điều kiện thế giới tiến nhanh vào giai đoạn mới của cách mạng khoa học — kỹ thuật và qua tình hình thực tế của nước ta, càng thấy rõ sự bức bách phải làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một động lực to lớn đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế — xã hội của đất nước”. Những đặc điểm về chính sách mà Đại hội VI của Đảng chúng tôi đề ra cho khoa học — kỹ thuật có thể tóm tắt ở mấy điểm sau:

1 — Sự thống nhất phương hướng khoa học — kỹ thuật với mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế — xã hội.

2 — Trên cơ sở khả năng và tiềm năng về các mặt của đất nước (tài nguyên, dân cư, văn hóa, xã hội...) mà chọn lọc triển khai một số đề tài thuộc các hướng khoa học, kỹ thuật hiện

* Tham luận tại Hội nghị khoa học ở Béc-lin (22 — 24-3-1988) (Xem tường thuật ở trang 76).

** Tổng biên tập TCCS

đại. Từng bước hình thành các hướng khoa học, kỹ thuật mũi nhọn.

3 - Tổ chức lại lực lượng khoa học và kỹ thuật hiện có theo nguyên tắc gắn chặt khoa học, kỹ thuật với sản xuất và đời sống. Việc tổ chức lại lực lượng khoa học, kỹ thuật gắn với xây dựng cơ chế mới về quản lý kinh tế.

4 - Kết hợp một cách hữu cơ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

5 - Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học và kỹ thuật, trước hết với HDTTKT.

6 - Giáo dục quần chúng nhận thức vai trò, vị trí của khoa học - kỹ thuật, phổ biến rộng rãi kiến thức về khoa học, kỹ thuật, phát huy tính sáng tạo của từng người lao động và tập thể lao động về khoa học - kỹ thuật. Nói theo bản gợi ý của tạp chí *Thông nhất*: « làm thế nào để khoa học và kỹ thuật đi vào máu thịt của từng người dân » Nói theo cách của Việt nam: gây phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học - kỹ thuật.

Chúng tôi muốn thông báo với các đồng chí những cố gắng gần đây của Việt nam trong việc phối hợp thực hiện chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật với HDTTKT và tiếp nhận sự giúp đỡ tận tình của các nước Xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là Liên xô về khoa học kỹ thuật cho Việt nam (cùng với Cu-ba và Mông cổ), theo những quyết định của khóa họp lần thứ 42 (1986) và khóa họp lần thứ 43 (1987) của HDTTKT.

Mặc dầu trình độ còn rất thấp, và đang vật lộn với nhiều khó khăn lớn về kinh tế - xã hội, Đảng chúng tôi cho rằng tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học, kỹ thuật của HDTTKT có một ý nghĩa rất lớn và thiết thực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt nam, giúp cho Việt nam rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa Việt nam với các nước anh em. Vấn đề đặt ra cho Việt nam

là chọn lựa đúng đắn những mục tiêu và nội dung thực hiện chương trình này, làm sao phát huy được tiềm năng, thế mạnh của một nước nhiệt đới với một lực lượng lao động có truyền thống cần cù, thông minh, đồng thời khắc phục được những nhược điểm truyền thống, những nhược điểm nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và tránh được những khuyết điểm của các nước đã đi trước mình.

Việt nam đang tham gia nhiều đề tài về công nghệ sinh học, nhằm mục đích bảo vệ và khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên nhiệt đới. Về công nghệ sinh học, các nhà khoa học Việt nam đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi trong việc lai tạo giống cây trồng, gia súc cũng như trong kỹ thuật canh tác. Tuy trình độ và điều kiện còn rất hạn chế, nước chúng tôi cũng quan tâm nhiều đến việc phát triển điện tử và tin học. Bằng phương thức liên doanh chúng tôi bắt đầu có một số sản phẩm được khách nước ngoài đánh giá cao. Với nguồn lao động và trình độ của mình, Việt nam có thể tham gia hợp tác nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, lắp ráp một số linh kiện, thiết bị điện tử, phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại. Tài nguyên Việt nam không giàu nhưng đa dạng, nhiều loại quặng do đó Việt nam có thể tham gia nhiều đề tài về vật liệu mới. Về tự động hóa và sử dụng kỹ thuật hạt nhân Việt nam cũng tham gia nghiên cứu và sản xuất các linh kiện, phụ tùng trong hệ thống tự động hóa, tham gia một số đề tài theo hướng phát triển năng lượng nguyên tử, bắt đầu nghiên cứu các chất siêu dẫn nhiệt độ cao. Việt nam rất cảm kích về những điều kiện ưu đãi mà các nước anh em dành cho mình cùng với Cu-ba và Mông cổ để đi thẳng vào một số lĩnh vực khoa học, kỹ thuật tiên tiến nhất của thế giới hiện nay.

Qua thông báo ngắn gọn này, chúng tôi hy vọng các đồng chí có thể hình

dung được tình thế và yêu cầu của nước chúng tôi, các đồng chí thấy rõ hơn tầm quan trọng của sự giúp đỡ của những nước xã hội chủ nghĩa đã đi trước chúng tôi cả một giai đoạn phát triển trong điều kiện hòa bình đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của một nước như Việt nam.



Báo cáo của đồng chí M.X. Goóc-ba-tốp, phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư BCH TƯ ĐCS Việt nam và nhiều phát biểu của các đồng chí đứng đầu các đảng cộng sản và công nhân thế giới ở Mát-xcơ-va nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã khẳng định sức sống mạnh mẽ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và trên toàn thế giới. Không một chế độ nào có thể so sánh được với chủ nghĩa xã hội hiện thực về tốc độ phát triển, về tính ưu việt đối với xã hội và con người. Những sai lầm, những trì trệ, những mặt tiêu cực còn tồn tại trước mắt và lâu dài ở mỗi nước xã hội chủ nghĩa dù bị thời phùng đến bao nhiêu ở các nước phương Tây và những phần tử bất mãn, hết lòng tin cũng không thể làm tối sầm được ánh sáng đang chiếu rọi của những thành tựu lớn lao của chủ nghĩa xã hội trên hai phần ba của thế kỷ hai mươi này.

Nhưng cũng rất rõ ràng, từ góc độ xã hội chủ nghĩa, bằng cách này hay cách khác, sớm hay muộn mỗi nước xã hội chủ nghĩa cũng nhận thức được sự chuyển động lớn lao, sự thay đổi bước ngoặt của thế giới ngày nay. Biểu hiện ưu việt của một nền kinh tế là năng suất và hiệu quả. Biểu hiện ưu việt của một xã hội là thỏa mãn đầy đủ nhu cầu vật chất và tinh thần cho mỗi người và cho toàn xã hội. Những chỉ dẫn ấy của Mác và Lê-nin càng nêu bật yêu cầu cấp bách về cách mạng khoa học-kỹ thuật trong sự đổi mới của chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân Việt nam đã sống dưới chế độ thực dân cũ và thực dân mới, Nguyễn Ái Quốc-tức Hồ Chí Minh-người sáng lập Đảng cộng sản Đông dương và Đảng cộng sản Việt nam sau này đã đi hầu khắp thế giới, sống nhiều năm giữa nền văn minh chói lọi của chủ nghĩa tư bản, đã không chọn con đường tư bản chủ nghĩa mà chọn con đường của Lê-nin. Chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, là xương máu của Việt nam. Nhưng khác với Liên xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác ở đó cơ sở của chủ nghĩa xã hội đã xây dựng xong, đảm bảo thắng lợi hoàn toàn và triệt để của chủ nghĩa xã hội. Việt nam đang ở chặng đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế còn nhiều thành phần, sản xuất nhỏ còn là phổ biến, giai cấp tư sản nhỏ còn tồn tại, lại bị các nước đế quốc và các lực lượng phản động bao vây về kinh tế, hoạt động phá hoại về nhiều mặt kể cả gây xung đột quân sự. Cuộc đấu tranh "ai thắng ai" đang diễn ra hằng ngày ở trong nước, trên các lĩnh vực.

Việt nam sau hơn 12 năm đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa đang đứng trước thử thách sống còn phức tạp hơn nhiều, thậm chí khó khăn hơn nhiều so với cuộc thử thách trong hai cuộc chiến tranh cách mạng chống những tên đế quốc đầu sỏ của thế giới. Sự sống còn hiện nay của Việt nam là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công hay thất bại, tốc độ của cách mạng xã hội chủ nghĩa nhanh hay chậm so với tình hình phát triển của thế giới, nhất là so với tình hình phát triển của các nước trong khu vực. Hình ảnh Việt nam chiến đấu vì độc lập dân tộc và tự do cho Tổ quốc đang lùi dần vào lịch sử nhường cho hình ảnh của một Việt nam nghèo, lạc hậu, bất chấp mọi khó khăn quyết tâm đi thẳng vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc

tế thù địch với Việt nam, trước hết vì Việt nam kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, vì Việt nam hợp tác toàn diện với Liên xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa.

Quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhưng có đến được chủ nghĩa xã hội không? Vấn đề không chỉ là ý chí, tinh thần cách mạng, mà còn là sự hiểu biết, trình độ văn hóa, trình độ tổ chức, quản lý kinh tế và xã hội. Trong hoàn cảnh của nước Nga đầu những năm hai mươi Lê-nin nói: « Trong cuộc đấu tranh của chúng ta, cần phải nhớ rằng những người cộng sản phải suy nghĩ chín chắn. Họ nói rất tài về đấu tranh cách mạng, về tình hình cuộc đấu tranh đó trên toàn thế giới. Nhưng muốn thoát khỏi cảnh thiếu thốn, cảnh bần cùng cực độ, thì phải có suy nghĩ, có văn hóa, phải có nền nếp » (1). Ý kiến này rất quan trọng đối với những người cộng sản Việt nam chúng tôi hôm nay. Chủ chốt của văn hóa là khoa học, kỹ thuật, nội dung của « nền nếp » là trình độ quản lý và kỷ cương xã hội. Một vấn đề lớn nhất đặt ra cho Việt nam là: bằng con đường nào gần nhất để tiếp thu được trình độ khoa học và kỹ thuật tiên tiến, áp dụng chúng vào sản xuất và tổ chức đời sống xã hội. Có con đường ấy không, cũng như có con đường từ một nước sản xuất nhỏ, lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội mà bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa không? Hai câu hỏi thống nhất của một vấn đề: xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước sản xuất nhỏ, lạc hậu, bị kìm hãm lâu năm dưới chế độ thực dân, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Đảng chúng tôi trả lời khẳng định đối với hai câu hỏi đó trong lúc mức sống bình quân của nhân dân chúng tôi thuộc loại thấp nhất thế giới.

Chúng tôi cho rằng trình độ phát triển khác nhau, điều kiện khác nhau, nhưng rõ ràng vấn đề của các nước đã

xây dựng xong cơ sở của chủ nghĩa xã hội cũng như của các nước đang đặt những viên đá đầu tiên cho cơ sở đó là giống nhau: phải nhanh chóng nắm lấy những thành tựu mới của cách mạng khoa học và kỹ thuật thế giới. Tôi hoàn toàn đồng ý với nhà bình luận xô viết A-léc-xăng Bô-vin khi viết về cái tổ và chủ nghĩa xã hội ở Liên xô: « Nếu không phải là chủ nghĩa xã hội mà là chủ nghĩa tư bản khai thác làn sóng mới của cách mạng khoa học và kỹ thuật, so sánh lực lượng trên thế giới sẽ thay đổi có lợi cho chủ nghĩa tư bản. Điều đó sẽ dẫn đến một tai hại như thế nào cho thế giới: chiến tranh và giết chóc đối với nền văn minh thế giới ». Việt nam nhất thiết phải đi vào cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại. Đó là con đường ngắn nhất để đi đến chủ nghĩa xã hội của những nước như Việt nam. Tất nhiên « ngắn » không phải là vài ba thập kỷ. Trung quốc với số dân đông nhất thế giới đã tự đặt cho mình con đường đó dài một thế kỷ. Việt nam đang suy tính con đường của mình. Nhưng chúng tôi bác bỏ quan điểm cho rằng những nước chưa trải qua giai đoạn công nghiệp hóa thì chỉ nên thực hiện những cải tiến khoa học - kỹ thuật theo trình tự của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Theo quan điểm này thì hơn hai thế kỷ nữa, Việt nam mới có được trình độ hôm nay của các nước công nghiệp phát triển, nghĩa là Việt nam bị đẩy lùi vô hạn định ra khỏi thế giới văn minh hiện đại. Hướng của Việt nam là đi thẳng vào khoa học - kỹ thuật hiện đại. Tất nhiên phải từng bước và bằng những biện pháp thích hợp; Đảng chúng tôi đã phải trả giá đắt về bệnh duy ý chí, giáo điều, rập khuôn hàng chục năm qua, Trung ương

(1) Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcô-vơ, 1978, t. 45, tr. 124.

Đảng chúng tôi đang tiến hành soạn thảo Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế-xã hội cho đến năm 2005, nội dung chủ yếu của Đại hội lần thứ VII của Đảng. Mục tiêu trước mắt phải nhất quán với mục tiêu lâu dài. Không vì giải quyết đời sống trước mắt mà lợi là mục đích cơ bản.



Đảng cộng sản Việt nam coi cách mạng khoa học - kỹ thuật là một bộ phận trong toàn bộ cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn bó hữu cơ với hai cuộc cách mạng khác là cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa. Cách mạng khoa học - kỹ thuật là động lực kích thích tiến bộ xã hội vì hạnh phúc của con người, vì sự phát triển toàn diện của con người. Yếu tố quan trọng nhất là con người. Bài học "lấy dân làm gốc" của truyền thống dân tộc đã được nâng cao lên một trình độ mới trong quá trình hoạt động cách mạng đưa cách mạng dân tộc và hai cuộc kháng chiến đến thành công rực rỡ. Hơn mười năm qua trong hào quang của chiến thắng bài học đó đã bị xem nhẹ, thậm chí có nơi, có lúc bị lãng quên. Bài học đó trở lại vang lên ở Đại hội VI của Đảng chúng tôi, có thể nói đã được hâm nóng lại, sưởi ấm không khí dân chủ của xã hội. Chúng tôi nhắc lại điều này để biểu thị sự ủng hộ hoàn toàn của Đảng chúng tôi đối với đường lối cải tổ của Đảng cộng sản Liên xô và của nhiều đảng anh em khác. Bài học dân chủ cũng là bài học lớn nhất của Đảng chúng tôi. Nếu mỗi người Việt nam không sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc thì không có Việt nam ngày nay. Nếu các tầng lớp, các giới của nhân dân Việt nam không được phát động, không nâng cao ý thức giác ngộ của mình vì dân tộc và chủ nghĩa xã hội (mặc dù khái niệm

chủ nghĩa xã hội lúc đó còn rất mơ hồ) thì Việt nam không thể thắng nổi hàng triệu quân Mỹ-ngụy được trang bị tận răng, không có hình tượng cô du kích Việt nam tay không bắt giặc lái Mỹ. Chính nhờ phát huy được tiềm năng sáng tạo và dũng cảm của cả dân tộc mà một nước Việt nam ánh điện chưa vào nông thôn, đồng ruộng chủ yếu còn dùng sức kéo của trâu, bò, đã thắng Mỹ có khoa học-kỹ thuật hiện đại. Việt nam sống trong một thời đại có Liên xô, có cộng đồng xã hội chủ nghĩa, có loài người tiến bộ ý thức được trách nhiệm cao cả của mình. Chiến thắng của Việt nam đã vượt ra ngoài phạm trù của cách mạng dân tộc, đi vào quỹ đạo của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chiến thắng của Việt nam là sự thách thức của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản.

Hôm nay, ở nước chúng tôi, trước những khó khăn chồng chất, trong nhân dân đã xuất hiện một bộ phận mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, có bộ phận trăn trở, chờ đợi, tự hỏi có chủ nghĩa xã hội hiện thực không? Trong số những người mất lòng tin, có nhiều người đã được viện trợ Mỹ nuôi suốt hàng chục năm thì buồn nản bỏ Tổ quốc ra đi với sự oán trách chủ nghĩa xã hội (tôi không kể tới số người mang hận thù giai cấp, "chông cộng" đến cùng) Nhưng, đại bộ phận nhân dân Việt nam, tuyệt đại bộ phận những người cộng sản Việt nam vẫn giữ một lòng tin đấu tranh cho con đường mà Đảng cộng sản Việt nam và đồng chí Hồ Chí Minh đã vạch hướng. Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ cùng những thế lực phản động khác đang muốn thay đổi hình ảnh một Việt nam dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội đã chiến thắng chúng. Bằng những thủ đoạn xảo quyệt, thậm chí thấp hèn, chúng bôi nhọ Việt Nam, xuyên tạc quan hệ quốc tế kiểu mới giữa Việt nam, Lào và Cam pu chia, giữa

Việt nam và Liên xô, giữa Việt nam và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Không phải chúng không gây được một sự hiểu lầm nhất định nào trong một số người nhất định trên thế giới đối với Việt nam. Nhưng phải nói rằng chúng không làm giao động được lòng tin của giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam đối với chủ nghĩa xã hội.

- Bản thân cách mạng khoa học - kỹ thuật là một quá trình thế giới, không tự hạn chế ở biên giới dân tộc, thúc đẩy các quá trình quốc tế hóa các lĩnh vực sống và hoạt động của con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin thừa nhận vai trò rất quan trọng, thậm chí có ý nghĩa quyết định trong một lĩnh vực nào đó, ở một thời điểm nào đó của khoa học - kỹ thuật, nhưng không tuyệt đối hóa vai trò của khoa học - kỹ thuật. Khoa học mặc xít vạch ra sự liên hệ giữa các vấn đề kinh tế - xã hội với tiến bộ khoa học - kỹ thuật; con người làm ra khoa học - kỹ thuật, và khoa học - kỹ thuật phục vụ con người. Một quan hệ sản xuất kim hàm tiến bộ khoa học - kỹ thuật là một quan hệ sản xuất lỗi thời. Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật là một chứng minh hùng hồn nhất cho tính ưu việt của một phương thức sản xuất. Trong điều kiện hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cùng tồn tại, tất nhiên chúng quanh giai đoạn mới của cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra những cuộc đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ở Việt nam, khuyết điểm lớn nhất của Đảng chúng tôi là xem nhẹ chính sách xã hội, vai trò và tiềm năng của con người Việt nam, đề cho cơ chế quan liêu - bao cấp tồn tại quá lâu, từ đó những khó khăn về kinh tế dẫn tới sự suy thoái về đạo đức, về kỷ cương xã hội. Khuyến hướng súng bái phương Tây, nhân những khó khăn về đời sống lại nổi lên, gạt ra ngoài lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đặt vào

hàng thứ yếu sự nghiệp xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Theo tôi, có thể nói không quá rằng, thành tựu lớn nhất trong hơn nửa thế kỷ qua của cách mạng Việt nam là đồng thời với độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, đã tạo nên được một con người Việt nam quả cảm, biết hy sinh cho mọi người, đã tạo được một lối sống giản dị và cần kiệm. Những đặc tính ấy đã bị mất đi quá nhiều trong khi những đức tính mới chưa hình thành. Một sự thật hiển nhiên là ở các nước phương Tây, thanh niên xuống đường đấu tranh vì thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu trường học. Kinh tế của Nam Triều tiên những năm gần đây phát triển mạnh mẽ, trình độ khoa học - kỹ thuật đang có xu thế cạnh tranh với Nhật bản, nhưng ở đó liên tục những cuộc đấu tranh của thanh niên, sinh viên cho dân chủ, cho quyền của con người quyết liệt không kém gì ở Nam Phi. Bản chất của chủ nghĩa xã hội là *quyền dân chủ cho mọi người và coi trọng con người*. Dù kinh tế ở trình độ nào, đã là một nước xã hội chủ nghĩa mà thiếu hai yếu tố đó thì không thể nói là xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà nhân dân và Đảng cộng sản Việt nam tiếp nhận một cách rất nhanh chóng ảnh hưởng của đường lối mở rộng dân chủ và thực hiện tính công khai của Liên xô cùng một lúc với các chủ trương hợp tác về kinh tế, về khoa học - kỹ thuật với Liên xô và các nước anh em.

Năm 1989, nước Pháp sẽ kỷ niệm trọng thể 200 năm cách mạng tư sản Pháp, Tổng thống và Thủ tướng Pháp đã chọn nhà chính trị Mĩ-sen Bar-rô-in chủ trì lễ kỷ niệm này. Ông này đã so sánh: "Đối mặt với chế độ tự do kinh doanh vồn xao lãng mặt xã hội nhân danh kinh tế, là chủ nghĩa xã hội mang trong nó ước vọng tốt về mặt xã hội nhưng bị kẹt về kinh tế chậm phát triển và bị đè dưới sức nặng của bộ máy nhà nước. Đã đến

lúc rồi phải chuyển chế độ tự do kinh doanh sang mục đích phục vụ con người. Chế độ tư bản chủ nghĩa có thể làm cái điều mà chế độ xã hội chủ nghĩa đã và đang làm được không? Những nhà tư bản cá mập, những hãng độc quyền siêu quốc gia có chịu sử dụng khoa học — kỹ thuật, những thành tựu mới về khoa học — kỹ thuật vào mục đích phục vụ con người không? Chúng ta mong họ thực hiện được mục đích đó, trở lại buổi bình minh của cách mạng tư sản năm 1789 với khẩu hiệu "tự do, bình đẳng, bác ái".

Còn chúng ta? Nhân dân Việt nam và những người cộng sản Việt nam hy vọng và tin tưởng rằng Liên xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc và các nước anh em khác, với trình độ phát triển của mình, phát huy đến mức cao nhất tinh thần Việt của chủ nghĩa xã hội bằng sự thúc đẩy mạnh mẽ quá trình cách mạng khoa học — kỹ thuật, mau chóng chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học — kỹ thuật thế giới. Nền văn minh xã hội chủ nghĩa chắc chắn sẽ khẳng định vị trí tiên phong của chủ nghĩa xã hội.

CHỦ NGHĨA MÁC...

(Tiếp theo trang 15)

anh em, những kiến thức khoa học của thời đại" (6).

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, đánh giá lại một cách nghiêm túc và cụ thể thực trạng tư duy hiện nay của chúng ta, tìm đúng nguyên nhân khách quan và chủ quan của sự lạc hậu trong tư duy lý luận; tiến hành tổng kết có hệ thống kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm qua, bổ sung và phát triển những thành tựu đã đạt được, kiên quyết loại trừ những quan niệm lỗi thời, sai trái; tăng cường thảo luận, tranh luận trên cơ sở mở rộng dân chủ, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ; gắn đời mới tư duy

với tự phê bình và phê bình, với đổi mới phong cách và đổi mới tổ chức cán bộ, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng — đó là những bảo đảm chủ yếu nhất để Đảng ta thực hiện được bước ngoặt tiền lên trong nhận thức và tư duy mới về chủ nghĩa xã hội và về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Việt nam, đảm bảo cho Đảng ta tiếp tục xứng đáng là đảng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin sáng tạo trong sự nghiệp đầy khó khăn, thử thách hiện nay.

(6) Văn kiện Đại hội VI. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 125.

Đổi mới giáo dục đại học và chuyên nghiệp

TRẦN HỒNG QUÂN *

DỚI sự lãnh đạo của Đảng, nền giáo dục đại học và chuyên nghiệp nước ta trong mấy chục năm qua đã đạt được những thành tựu rất to lớn, đã xây dựng được một hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp XIHCN thống nhất trong cả nước bao gồm 95 trường, lớp đại học và cao đẳng, gần 300 trường trung học chuyên nghiệp, gần 300 trường dạy nghề và hơn 200 trung tâm dạy nghề quận, huyện, cơ sở. Hệ thống này về cơ bản đủ sức thỏa mãn nhu cầu cán bộ, công nhân chuyên nghiệp cho đất nước: đã đào tạo được khoảng 400 nghìn cán bộ đại học, 700 nghìn cán bộ trung học chuyên nghiệp và hơn 1,5 triệu công nhân kỹ thuật đang làm việc như lực lượng lao động tinh túy của đất nước.

Đến nay, trước những nhu cầu ngày càng lớn của cuộc sống và thời đại, trước những khó khăn về kinh tế-xã hội còn gay gắt, ngành đại học và chuyên nghiệp tuy đã có nhiều cố gắng, sáng tạo tìm hướng đi lên, vẫn bộc lộ nhiều yếu kém, lạc hậu, không phù hợp yêu cầu mới. Quy mô đào tạo ngày càng bị thu hẹp, tốc độ đào tạo không bảo đảm đủ số lượng cán bộ chuyên môn, công nhân, nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ cần thiết; chất lượng đào tạo vẫn tiếp tục giảm sút, không đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn đất nước, không theo kịp những

tiến bộ của thời đại; *hiệu quả* đào tạo quá thấp, *đội ngũ* này ít phát huy tác dụng trong cuộc sống.

Tình trạng đó là hậu quả của những tác động xấu về nhiều mặt của một đất nước vừa trải qua mấy chục năm chiến tranh, và nền kinh tế yếu kém kéo dài. Đó là hậu quả của cơ chế quản lý mang tính tập trung quan liêu, bao cấp, không coi trọng hiệu quả thật, không tạo được sự thu hút tự nhiên, nhu cầu bức thiết ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào cuộc sống, và do đó chưa thật sự coi cán bộ khoa học, kỹ thuật là vốn quý. Đó là hậu quả của sự ràng buộc bởi những quan điểm bảo thủ, lạc hậu về giáo dục còn rất nặng nề, lâu nay. Nhưng phải khẳng định rằng nguyên nhân chủ quan của ngành vẫn là chủ yếu. Trước hết, đó là hậu quả trực tiếp của sự yếu kém của bản thân ngành mà những biểu hiện chính là: lạc hậu về nội dung và phương pháp đào tạo, nghèo nàn về cơ sở vật chất kỹ thuật; hết sức khó khăn về đời sống; xa rời thực tế; trì trệ trong công tác quản lý; sa sút nhiệt tình dạy và học.

Nhìn lại, thành tựu là đáng tự hào mà sự yếu kém cũng đáng day dứt.

* Bộ trưởng Bộ đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Được những quan điểm đổi mới do Đại hội VI của Đảng mở đường, tham khảo những trao đổi cải cách giáo dục đào tạo của nhiều nước, nhất là của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, ngành đại học và chuyên nghiệp nước ta đã và đang tìm những hướng đi mới, cách làm mới trong điều kiện hiện nay của đất nước. Trải qua quá trình nghiên cứu, trao đổi, dân chủ bàn bạc, đấu tranh nhằm thống nhất mục tiêu, chương trình hành động và tổ chức thi điểm, từ năm học 1987 - 1988, ngành Đại học và chuyên nghiệp bắt đầu bước vào một giai đoạn thử nghiệm những chủ trương mới trong giáo dục đào tạo.

Vấn đề đầu tiên là phải thống nhất những quan điểm lớn. Đất nước ta đang đứng trước những khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội. Mỗi người có trách nhiệm đều đặt câu hỏi: làm thế nào nhanh chóng đưa đất nước ra khỏi tình trạng hiện nay để tồn tại và phát triển? Có thể có nhiều phương án khác nhau. Nhưng dù cách nào đi nữa, cuối cùng cũng vẫn dựa vào *nhân tố con người*. Chính trên ý nghĩa đó mà chúng ta có thể quan niệm « *Chiến lược con người* » là *chiến lược kinh tế - xã hội lấy con người làm động lực trung tâm, làm mục tiêu trung tâm*. Người lao động thời đại ngày nay phải là những người có chuyên môn, kỹ năng, có kiến thức khoa học, kỹ thuật. Yêu cầu đó chỉ có thể được thực hiện chủ yếu bằng giáo dục đào tạo. Vì vậy, có thể khẳng định rằng: tương lai của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc vào nhà trường, vào việc giảng dạy và giáo dục con người mới.

Bài học phổ biến rút ra được từ nhiều nước có bước phát triển nhanh (XHCN cũng như không XHCN) là: trước hết phải có một nền giáo dục cao mà đặc biệt là giáo dục chuyên nghiệp. Dù theo quan điểm kinh tế thuần túy đi nữa, thì việc đầu tư để phát triển

giáo dục đào tạo cũng là hiệu quả nhất, cả trước mắt và lâu dài, chưa nói đến yêu cầu hoàn thiện con người mới. Đó là *thứ đầu tư cơ bản quan trọng nhất, thông minh nhất*. Hoàn toàn không thể coi đó như loại đầu tư phức lợi từ thiện được. Dù trước mắt có khó khăn đến đâu cũng cần khẳng định rằng: sự nghiệp giáo dục đào tạo phải được tiếp tục *phát triển* chứ không thể duy trì tình trạng sống ngắc ngoải hoặc thu hẹp quy mô như đang làm. Nhiều người cho rằng chúng ta đang « thừa » cán bộ chuyên môn có trình độ đại học và THCN cho nên không cần mở rộng quy mô đào tạo nữa.

Thực chất có phải như vậy không?

Lực lượng lao động kỹ thuật đã được đào tạo trong thời gian qua phân lớn chỉ phục vụ trong khu vực kinh tế quốc doanh và các cơ quan quản lý nhà nước. Mới có khoảng 4% cán bộ có trình độ đại học làm ở khu vực kinh tế tập thể. Ở các thành phần kinh tế khác (tập thể, tư nhân, gia đình), các lĩnh vực quan trọng (nông, lâm, ngư nghiệp; tiểu, thủ công nghiệp) và nhiều vùng, nhiều địa phương v.v. còn rất thiếu cán bộ chuyên môn. Theo tính toán dự báo, đến năm 2000 chúng ta cần có 750 nghìn cán bộ đại học, 1,65 triệu cán bộ trung học chuyên nghiệp, 3,4 triệu công nhân, nhân viên kỹ thuật, 10 nghìn cán bộ có học vị sau đại học. Như vậy, so với năm 1987, số cán bộ đại học sẽ tăng 1,87 lần, số cán bộ trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật tăng 2,25 lần. Hiện nay ở nước ta, bình quân có 22 sinh viên trên 10 nghìn dân. Đó là tỷ lệ rất thấp trên thế giới, ngay cả so với khu vực Đông Nam-Á. Với tỷ lệ này không thể đáp ứng yêu cầu nói trên. Một nhu cầu vừa bức bách vừa lâu dài nữa là: hiện nay hằng năm có hơn một triệu thanh niên đến tuổi lao động cần được đào tạo nghề và sắp xếp công ăn việc làm. Hơn nữa, trước sự phát triển như vũ bão của khoa

học, kỹ thuật, việc học tập liên tục suốt đời đã trở thành xu thế của thời đại. Đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ học vấn, thực chất là chuẩn bị tiềm lực cho sự phát triển đất nước.

Đề tiếp tục tiến lên, góp phần có hiệu quả xây dựng nhân tố con người cho sự phát triển đất nước, ngành giáo dục đại học và chuyên nghiệp không thể không tiến hành cải cách thật sự. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, *phải có cách làm sáng tạo, phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực tự cường của bản thân hệ thống giáo dục đào tạo, khai thác có hiệu quả nhất tiềm lực sẵn có.*



Từ những suy nghĩ tổng quát trên đây, cần phải làm những gì ?

1) *Trước hết phải cải cách cơ cấu hệ thống giáo dục chuyên nghiệp* (từ đại học, trung học chuyên nghiệp đến dạy nghề) theo hướng mềm dẻo, đa dạng. Mở nhiều loại hình đào tạo và bồi dưỡng thích hợp: có chính quy, có không chính quy; có tập trung, có tại chức; có dài hạn, có ngắn hạn; có học tại chỗ, có học từ xa, có đào tạo theo chương trình hệ thống, có bồi dưỡng theo từng chuyên đề... Coi trọng việc đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên. Khuyến khích một trường đào tạo nhiều hệ, nhiều loại hình, nhiều bậc. Cho mở trường dân lập, tư thục. Có sự chọn lọc, chuyển đổi học sinh giữa các hệ, các bậc học. Khuyến khích mở các trung tâm dạy nghề quận, huyện, các lớp trong xí nghiệp. Phát triển mạnh mạng lưới dạy nghề ở địa phương, tiến tới phổ cập nghề cho thanh niên. Sắp xếp lại mạng lưới trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng bớt đầu mối, gọn mà mạnh. Liên kết nhiều mặt giữa các

trường với nhau, trường với cơ sở sản xuất, trường với viện nghiên cứu khoa học. Quan tâm mở các lớp dự bị cho các đối tượng chính sách, các lớp năng khiếu cho những mầm mống nhân tài. Cơ cấu đầu tư cho sự nghiệp giáo dục đào tạo cũng cần sửa đổi. Bên cạnh ngân sách nhà nước trung ương, cần có quy định (thậm chí thành luật) về sự đóng góp của các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất, của người di học cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Chấm dứt tình trạng là "sản phẩm" cao cấp nhất, tức là con người được đào tạo, lại là thứ rẻ nhất, thậm chí "chờ không" có nơi cũng không muốn nhận.

2) *Xây dựng lại danh mục ngành học, hệ thống mục tiêu đào tạo theo hướng ngành rộng.* Trên cơ sở đó xây dựng lại chương trình, nội dung theo hướng cơ bản hóa đồng thời coi trọng năng lực hoạt động thực tiễn, kiến thức quản lý, xã hội, ngoại ngữ... gần với yêu cầu của ba chương trình kinh tế lớn, yêu cầu của thực tiễn Việt nam; từng bước hiện đại hóa. Quan tâm thỏa đáng đến các ngành khoa học xã hội, các ngành về công nghệ sản xuất...

3) *Tổ chức lại quá trình đào tạo theo hướng mềm dẻo* để phát huy tối đa tính tích cực, tinh thần chủ động cá nhân, óc sáng tạo của học sinh. Tạo điều kiện cho từng học sinh quyết định khối lượng học thêm, tốc độ hoàn thành chương trình.

Trong chương trình học có phần bắt buộc, có phần tự chọn, có phần tùy ý. Cho thi so le, cho học vượt. Học sinh học theo chương trình cá nhân. Học sinh cùng lớp không nhất thiết cùng tốt nghiệp một lần, mà không phải lưu ban. Cho thi lấy chứng chỉ và được tích lũy chứng chỉ để xét cấp bằng. Cho học lấy nhiều bằng. Có sàng lọc nghiêm khắc... Giảm giờ lên lớp lý thuyết, tăng giờ bài tập, thực hành, nghiên cứu khoa

học. Sử dụng các phương pháp sư phạm tích cực...

Ở bậc đại học được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 chủ yếu học các môn cơ bản, học theo nhóm ngành. Sau giai đoạn này được cấp chứng chỉ (nếu học đạt). Những học sinh khá và giỏi mới được lên giai đoạn 2 học chuyên môn theo ngành đến cuối khóa. Số còn lại sẽ được bổ túc nghiệp vụ và cho ra trường.

4) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, học sinh nhằm bồi dưỡng và phát huy tinh năng động sáng tạo của mỗi người theo cách nghĩ và cách làm mới phù hợp với nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Thực hiện cuộc vận động làm trong sạch các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Kịp thời phê phán, ngăn chặn và xử lý thích đáng những vụ, việc tiêu cực đồng thời tuyên dương, khen thưởng người tốt, việc tốt.

5) Tổ chức lại hệ tập trung dài hạn thành hệ có chất lượng, chuẩn mực cho mọi bậc học: đại học, trung học chuyên nghiệp, và dạy nghề. Đây là chủ trương trọng tâm của cải cách lần này. Hệ này trong những năm trước mắt không phát triển về số lượng mà chủ yếu phấn đấu nâng cao chất lượng để có đội ngũ cán bộ chuyên môn giỏi, cũng để làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục đào tạo.

6) Tích cực phát triển việc đào tạo sau đại học ở trong nước là chủ yếu (vào khoảng năm 1995). Mở hệ cao học để nâng cao trình độ rộng rãi cán bộ giảng dạy đại học trẻ, cán bộ nghiên cứu trẻ. Cải tiến mục tiêu đào tạo nghiên cứu sinh, phổ tiến sĩ trong nước theo hướng nâng cao « nền rộng—cơ bản » (phần tối thiểu tương đương chương trình cao học). Khuyến khích lấy đề tài từ các vấn đề khoa học—kỹ thuật, sản xuất, xã hội trong nước. Ưu tiên cho nghiên cứu sinh

trong nước được đi thực tập ở nước ngoài. Cần phải nâng cao chế độ phụ cấp cho nghiên cứu sinh. Xóa bỏ chế độ đào tạo tiến sĩ mà thay bằng cách đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học phục vụ thực tiễn phát triển kinh tế—xã hội để xét phong học vị này.

7) Tiêu chuẩn hóa, lập quy hoạch, tích cực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ giáo viên các cấp đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Sớm khắc phục tình trạng thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, không ổn định về nhân sự (thâm niên bình quân không cao) chủ yếu là ở các trường THCN và DN, các trường đại học và cao đẳng ở phía Nam. Giải quyết tốt chỗ hẫng gián đoạn giữa lớp cán bộ giảng dạy đại học lớn tuổi và lớp sau. Các cấp đảng, chính quyền, các đoàn thể cần có sự quan tâm toàn diện để cải thiện địa vị xã hội của nhà giáo. Trước hết là cần có chính sách thỏa đáng đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đây là đội ngũ quyết định sự nghiệp đào tạo, quyết định thành công của cải cách đào tạo.

8) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học—lao động sản xuất trong trường, thực hiện phương châm học kết hợp với hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo lực lượng khoa học. Ở nhiều nước, các trường đại học đóng vai trò quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học. Ở nước ta, tuy đội ngũ các nhà khoa học ở các trường là đông đảo nhất, nhưng ít được giao nhiệm vụ, ít được tạo điều kiện vật chất để nghiên cứu. Anh chị em đã cố gắng nhiều bằng cách trực tiếp hợp đồng với các cơ sở sản xuất mà nhận đề tài, nhưng chưa phát huy được bao nhiêu, do nhiều nguyên nhân đáng xem xét nghiêm túc để tháo gỡ. Cần tổ chức lại lực lượng, phục vụ trực tiếp 3 chương trình kinh tế lớn của đất nước, tham gia đắc lực vào các nội

dung hợp tác khoa học, kỹ thuật với Hội đồng tương trợ kinh tế. Chuyển dần cơ chế quản lý các cơ sở sản xuất, các trung tâm nghiên cứu ở các trường, trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật, lao động sản xuất của ngành sang cơ chế hạch toán nội bộ. Hình thành những tổ chức đào tạo - khoa học - sản xuất; liên kết các trường thuộc khối kỹ thuật, công nghiệp, nông - lâm - ngư nghiệp với nhau, tiến tới liên kết ở các loại trường khác. Đề khuyến khích việc nghiên cứu khoa học, chính sách phân phối thành quả nghiên cứu khoa học phải được cải tiến, bảo đảm tính công khai, công bằng. Hệ thống giáo dục đào tạo phấn đấu bằng hoạt động nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất có thể tạo thu nhập tương đương phần ngân sách nhà nước cấp, để bù đắp những thiếu hụt, cải thiện điều kiện đào tạo.

9) *Xây dựng cơ chế quản lý có hiệu quả.* Phân cấp kiểm tra kiến thức nghiên cứu sinh, xét kỹ luật, tốt nghiệp, cấp bằng, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo từ trưởng phòng, ban trở xuống... từ nay đều giao cho trường. Nghiên cứu xây dựng thể chế tự quản, kết hợp với chế độ định mức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra. Thực hiện dân chủ hóa và công khai hóa. Từng bước mở rộng việc bầu cán bộ lãnh đạo các cấp quản lý trong ngành; bổ nhiệm cán bộ có nhiệm kỳ.

Từng bước xây dựng sự liên thông, liên kết giữa các trường để sử dụng chung cơ sở vật chất và đội ngũ; chống khép kín, tản mạn. Nghiên cứu xây dựng các trung tâm thông tin, trung tâm tính toán, trung tâm đo lường chung cho từng khu vực.

Từng bước mở rộng cơ chế hợp đồng đào tạo giữa trường với địa phương hoặc cơ sở sản xuất.

10) *Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế,* trước hết với Liên xô trong các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý học sinh ở nước ngoài, tích cực góp phần phát triển các hình thức hợp tác chuyên gia, lao động có nghề, các hình thức hợp tác "chất xám" khác nhau với các nước, các tổ chức ngoài nước.

Trước mắt phải đặc biệt quan tâm phấn đấu giảm bớt khó khăn về đời sống. Ở nhiều trường, học sinh phải nghỉ học hoặc bữa cơm bữa cháo (vì học bổng không đủ sống, thiếu lương thực, thực phẩm). Do vậy, cùng với những biện pháp cấp bách cần thiết của Nhà nước (ban hành chế độ học bổng mới; có chế độ phụ cấp cho giáo viên...), các trường, các cơ sở phải chủ động, sáng tạo, phát huy mọi tiềm năng để bù đắp một phần cho đời sống cán bộ, giáo viên, học sinh. Đó là điều kiện trước tiên cho mọi hoạt động của nhà trường.



Tóm lại, đời mới của ngành Đại học, THCN và ĐN là cải cách cơ cấu hệ thống, mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo, gọi tắt là cải cách đào tạo và chuyên nghiệp; là đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất, cải thiện điều kiện vật chất - kỹ thuật của đào tạo; là xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đại học và chuyên nghiệp. Các nội dung lớn nói trên hình thành 3 chương trình đồng bộ có mục tiêu mà ngành đại học và chuyên nghiệp phấn đấu thực hiện trong những năm trước mắt.

Ngành Đại học và chuyên nghiệp đang quyết tâm cố gắng hết sức mình thực hiện ba chương trình đó để từng bước thoát ra khỏi tình trạng trì trệ, khó khăn hiện nay, vươn lên đáp ứng những yêu cầu to lớn của cách mạng. Để đạt được kết quả mong muốn, một phần quan trọng là cần phải có sự giúp đỡ, ủng hộ có hiệu quả của các ngành, các cấp ủy đảng, các cơ sở sản xuất và toàn xã hội.

CHỐNG BỆNH KINH NGHIỆM, GIÁO ĐIỀU, ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN

NGUYỄN NGỌC LONG *

Để thực hiện sự đổi mới có tính cách mạng, tư duy lý luận phải nhận thức lại mình với tinh thần tự phê phán.

1 - Không ai nghĩ ngờ rằng, điều quan trọng trong quá trình đổi mới tư duy lý luận là « cải tổ » cả một hệ thống các khái niệm làm công cụ của tư duy mới. Song, điều cũng không kém quan trọng là, trước hết, tư duy lý luận phải tự ý thức được sự lạc hậu của mình.

Đối với chúng ta, đến nay vấn đề không còn là lý luận có lạc hậu hay không, mà là lạc hậu như thế nào? Cũng không còn là việc nêu lên những biểu hiện riêng biệt của sự lạc hậu, mà là phân tích những nguồn gốc dễ hiểu thực chất của tình trạng đó. Trong việc trả lời câu hỏi này ý kiến còn khác nhau không ít.

Việc lĩnh hội lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một quá trình không ngừng. Mỗi thế hệ những người mác xít phải luôn xem xét lại nhận thức của mình nhằm giải quyết những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra. Trong quá trình đó, sự thay đổi những luận điểm, những kết luận không còn phù hợp với thực tế hiện nay không những không phải là xét lại theo nghĩa từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà chính là trung thành, thậm chí nhuần thấm tinh thần cách mạng và khoa học của nó. Và sẽ là sai lầm nếu từ những « biến dạng » có thực trong quan niệm và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội hiện thực đi tới hoài nghi tính chân lý của

chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thắng lợi của nó trong hiện thực. Có người bảo chữa cho sự lạc hậu trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội bằng cách cho rằng đến nay « chưa có một chủ nghĩa xã hội đích thực » (?) để làm mẫu mực. Lập luận này có phần hạ thấp ý nghĩa những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực, và hạ thấp sức mạnh hiện thực của lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Dương nhiên, khi tự phê phán, tư duy lý luận phải kiểm tra lại dưới ánh sáng thực tiễn cả nguồn gốc di sản tinh thần của mình. Song phương pháp tiếp cận nhằm vào bản thân tư duy của chúng ta đưa lại khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề một cách có kết quả hơn. Bởi vì, nếu như các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã không và không thể đưa ra những « đơn thuốc » có sẵn, những câu trả lời đầy đủ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hiện nay (vì các ông không muốn làm người không tưởng) thì vấn đề đặt ra là làm thế nào để *tư duy của chúng ta* có khả năng sáng tạo trong việc khai thác và bổ sung kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

2 - Trình độ phát triển của năng lực tư duy lý luận phụ thuộc trước hết vào trình độ tri thức của chủ thể đang tư duy và xét đến cùng, vào thực tiễn xã hội. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở Việt nam là từ một

* Phó tiến sĩ triết học.

nền kinh tế lạc hậu, trình độ học vấn của nhân dân thấp kém. Sản phẩm tinh thần của hoàn cảnh lịch sử xã hội đó là kiểu tư duy kinh nghiệm cảm tính, thiếu yếu tố duy lý cần thiết. Những dấu tri buổi ban đầu, cả cái mờ mịt kinh nghiệm chủ nghĩa, lẫn cái rập khuôn giáo điều, không phải bao giờ cũng là biểu hiện tình trạng tư duy bệnh hoạn. Trình độ lý luận thấp kém có thể dẫn đến bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều còn tùy thuộc vào sự tác động của những yếu tố khác nữa. Đáng chú ý là chủ nghĩa chủ quan duy ý chí. Nó có thể dẫn người ta đến bám giữ một tín điều hay bác bỏ một chân lý theo mục đích chủ quan. Điều muốn nhấn mạnh ở đây là nó làm cho chủ thể tư duy không tự ý thức được sự yếu kém của mình, do đó không khắc phục được sai lầm. Ở nước ta, khi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mới còn ở những bước đi ban đầu trên một nửa nước và đất nước đang ở trong hoàn cảnh chiến tranh, mà đã có không ít cán bộ đảng viên nghĩ rằng Đảng ta đã đạt tới đỉnh cao lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Dại hội lần thứ VI của Đảng đã vạch ra nguồn gốc giai cấp - xã hội của những sai lầm về tư tưởng. « Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa « tả » khuynh, vừa hữu khuynh » (1). Tư tưởng tiểu tư sản làm biến dạng chủ nghĩa xã hội dễ thích nghi với ảo tưởng chủ quan của mình. Trong Tuyên ngôn Cộng sản, Mác và Ăng-ghe-n đã vạch rõ tính chất « vừa không tưởng vừa phản động » của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản. Thực tế cũng cho thấy bệnh chủ quan trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội diễn ra khá phổ biến, nhưng ở những nước kinh tế tiểu nông, người ta dễ rơi vào quan niệm của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Do đó, việc thoát ra khỏi « sự lười cuồn bởi nhiệt tình » khó hơn và nguy cơ mắc chủ nghĩa chủ quan duy ý chí càng lớn.

Cần xem xét kỹ hơn chủ nghĩa giáo điều, vì nói chung có thể coi nó là nguyên nhân chủ yếu của sự lạc hậu về lý luận. Ở Việt nam, cái đặc thù của chủ nghĩa giáo điều mang dấu ấn rõ rệt của những điều kiện lịch sử xã hội đã nói trên. Nhiều khuyết điểm dường như là hậu quả của chủ nghĩa giáo điều, nhưng thực ra lại liên quan chặt chẽ với bệnh chủ quan dựa trên kinh nghiệm bản thân được đề lên thành chân lý. Lấy những khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp và trong chủ trương công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm ví dụ. Phải khẳng định cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là những vấn đề có tính quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khuyết điểm là ở chỗ không thấy rõ sự khác nhau rất lớn giữa thực tiễn Việt nam và kinh nghiệm của Liên xô cùng các nước khác trong việc xác định thời điểm, tốc độ, phương pháp và hình thức tiến hành, lại thêm tư tưởng chủ quan nóng nảy, muốn đốt cháy giai đoạn. Sai lầm chủ yếu của cách tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong thời gian vừa qua bắt nguồn ngay từ việc xác định mục tiêu xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, tương đối hoàn chỉnh. Nền kinh tế như vậy, theo lô-gic của nó phải « ưu tiên » phát triển công nghiệp nặng ngay từ đầu thời kỳ quá độ để có được nền tảng công nghiệp nặng « của mình ». Sai lầm này được đẩy đến tột đỉnh vào thời kỳ 1976 - 1980. Đó cũng là thời kỳ « sau thắng Mỹ », chủ nghĩa chủ quan duy ý chí tìm được sức sống mới do ảo tưởng về khả năng vô hạn của nhiệt tình và lòng dũng cảm; về khả năng tranh thủ vốn và kỹ thuật hiện đại nhất của toàn thế giới; từ đó dẫn đến muốn mau chóng tạo ra một « mẫu mực » mới của chủ nghĩa

(1) Văn kiện Đại hội VI, NXB Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 26.

xã hội — một chủ nghĩa tập thể vẫn minh nảy sinh từ truyền thống cộng đồng. Sai lầm của quá trình hợp tác hóa nông nghiệp trong thời gian qua bắt nguồn từ cách đặt vấn đề: dùng quan hệ sản xuất « tiên tiến » đi trước mở đường cho lực lượng sản xuất, nhập cục quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất làm một, tưởng rằng cứ dùng quan hệ sản xuất « tiên tiến » ấy là nghiêm nhiên đầy được lực lượng sản xuất tiến lên. Nhưng khi tình hình thực tế sản xuất nông nghiệp không chứng minh điều đó thì không tìm cách sửa chữa quan hệ sản xuất, mà lại đổ lỗi cho lực lượng sản xuất; từ đó càng nôn nóng đẩy nhanh công nghiệp hóa. Thật ra, nhận thức đơn giản và lệch lạc về quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất và về chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa có thể khắc phục được nếu không bị chủ nghĩa chủ quan duy ý chí cản trở.

Cái lô ghích và lịch sử của quá trình hình thành và thực hiện đường lối kinh tế cho thấy, trước khi bệnh giáo điều tham gia vào nguyên nhân của những khuyết điểm, nó đã là kết quả của chủ nghĩa chủ quan duy ý chí. Như vậy, nói về bệnh giáo điều trong tư duy lý luận ở nước ta cần chú ý những đặc điểm sau: 1) Nó là sản phẩm của tình trạng kém lý luận; 2) Không phải lý luận sách vở trừu tượng chiếm vai trò định hướng và khuôn mẫu cho suy nghĩ và hành động, mà trái lại, đóng vai trò công cụ biện hộ cho mục đích và phương pháp được đặt ra dựa theo nguyện vọng và kinh nghiệm của chủ thể; 3) Sự cùng tồn tại và đan xen lẫn nhau, khó phân chia ranh giới với bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa. Chẳng hạn suy nghĩ và hành động rập khuôn máy móc cũng chủ yếu là rập khuôn kinh nghiệm, hơn nữa lại là kinh nghiệm bản thân. Bệnh « sinh danh từ » nặng nhất lại là đưa ra những « khái niệm » thiếu tính xác định khoa học do đã thực hiện

« sự quy nạp không hoàn toàn » những kinh nghiệm ít ỏi. Những « lý luận » xa rời cuộc sống nhiều khi bắt nguồn từ thái độ thiếu nghiêm túc khoa học đối với lý luận, từ sự « khái quát » dài dãi của một vài người.

3 — Việc khắc phục sự lạc hậu của tư duy lý luận đi đôi với quá trình phát triển năng lực tư duy, trau dồi tư duy biện chứng. Nếu như trau dồi tư duy biện chứng, phát triển năng lực tư duy lý luận là quá trình khó khăn, thường xuyên và không ngừng thì yêu cầu trước hết đặt ra cho quá trình đổi mới tư duy lý luận là phải gạt bỏ những trở lực ngăn cản bước tiến của chúng ta trong quá trình ấy. Đó không chỉ là những quan niệm, những thế chế lỗi thời đang đè nặng lên đầu óc con người, « trói buộc » hoạt động công tác lý luận, mà còn là cả những con người đã trở thành vật cản trong quá trình đổi mới. Bầu không khí dân chủ và có đạo đức lành mạnh là một nhân tố cơ bản đảm bảo thành công của quá trình đổi mới xã hội nói chung, đổi mới tư duy lý luận nói riêng. Đó là « bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý... » (2)

Để thực hiện dân chủ hóa trong lĩnh vực lý luận, trước hết phải uốn nắn những lệch lạc trong quan niệm về tính đảng. Mối quan hệ giữa tính đảng và tính khoa học của lý luận là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc định hướng cho tư duy lý luận của chúng ta. Trên sách báo mức xit, sự thống nhất tính đảng cộng sản và tính khoa học trong chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được giải quyết về nguyên tắc. Song không phải vì thế mà không cần kiểm tra lại quan niệm về tính đảng theo tư duy chính trị mới. Ở nước ta vấn đề còn là ở chỗ phải khắc

(2) Tài liệu đã dẫn, tr. 126.

phục những quan niệm không đúng về quan hệ giữa chính trị và lý luận, về tính đảng trong công tác lý luận. Chẳng hạn quan niệm đồng nhất chính trị và lý luận. Tính đảng của lý luận được hiểu đơn giản chỉ là phục vụ chính trị; mà phục vụ chính trị chỉ là tuyên truyền phổ biến đường lối cách mạng và các nghị quyết của đảng. Kết quả là nhiều vấn đề chính trị — thực tiễn không được giải quyết có căn cứ khoa học. Còn lý luận do chỉ được nói lại những điều đã ghi trong nghị quyết dưới hình thức khác, lâu ngày thành thói quen, khiến tư duy lý luận không được « mài sắc ». Điều đó cũng góp phần cắt nghĩa một thực tế dường như nghịch lý: trong khi lý luận không đủ sức giải đáp nhiều vấn đề bức bách của cuộc sống thì trong xã hội nhiều người có cảm giác về sự « thừa » lý luận. Quan niệm tính đảng còn thô thiển đến mức đồng nhất thậm quyền chính trị và nhận thức lý luận của cả nhân người lãnh đạo các cấp bộ đảng. Đường như sự thay đổi cấp bậc lãnh đạo trong đảng cũng làm thay đổi luôn cả trình độ lý luận của con người.

Những điều nói trên cũng đã cho thấy quan niệm không đúng về tính đảng sẽ dẫn đến những quy định, những thể chế góp phần tạo nên bầu không khí thiếu dân chủ trong công tác lý luận nói riêng, trong đời sống nói chung. Thực tiễn cách mạng mấy chục năm qua khiến cho những vấn đề chính trị luôn được đặt lên hàng đầu trong đời sống xã hội. Sự lãnh đạo của đảng, vai trò định hướng của tư tưởng chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn của dân tộc, của chế độ. Công tác lý luận của đảng vốn đã mang tính chất chính trị công khai và trực tiếp nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo của đảng. Bản thân sự hình thành đối ngữ câu bộ lý luận và các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy lý luận cũng thể hiện tính đảng rõ rệt hơn ở các ngành khoa học khác. Trong

tình hình ấy, quan niệm đơn giản, lệch lạc về tính đảng dễ xảy ra không những ở người lãnh đạo chính trị, mà cả ở những người nghiên cứu, giảng dạy lý luận.

Vấn đề hiện nay là ở chỗ bản thân nhiệm vụ chính trị có những nội dung mới, đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác lý luận; bản thân công tác lý luận cũng đã có phần đổi mới mặc dù còn lạc hậu so với yêu cầu phát triển của thực tiễn cách mạng. Thực tiễn đòi hỏi không những phải khắc phục những khuyết điểm kéo dài từ lâu mà còn phải đổi mới quan niệm, phương thức lãnh đạo và tổ chức hoạt động lý luận của đảng. Công tác lý luận phải góp phần tích cực vào việc thực hiện quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội, mà đến nay mới đạt sự chuyển biến ban đầu. Công cuộc đổi mới xã hội nói chung, nhất là việc làm chuyển biến tình hình kinh tế của đất nước đặt ra những đòi hỏi mới rất cao đối với công tác lý luận. « Sự chuẩn bị về lý luận càng sâu sắc bao nhiêu, cuộc đổi mới càng thành công bấy nhiêu » (3). Mặt khác, chính qua thực tiễn của công cuộc đổi mới diễn ra trên đất nước (và trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới) mà lý luận ngày càng được đổi mới.

Đổi mới tức là trên cơ sở nhận thức hiện thực trong bối cảnh lịch sử cụ thể của đất nước để tìm những giải pháp thích hợp với nước ta trong giai đoạn hiện nay. Do đó tư duy lý luận mới, trước hết phải dựa trên sự nhận thức cụ thể điểm xuất phát của quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta với đầy đủ những nét riêng biệt và phức tạp của nó. Đặc điểm lớn nhất của điểm xuất phát đó là một nền kinh tế lạc hậu được gọi bằng một thuật ngữ thông dụng ở nước ta

(3) Nguyễn Văn Linh: « Cách mạng Tháng Mười và cách mạng Việt nam », *Tạp chí Cộng sản*, số 11-1987, tr. 6.

là « sản xuất nhỏ ». Trên thực tế, những sai lầm chủ quan, nóng vội của chúng ta trong thời gian qua « chủ yếu là do không nắm vững và nghiên cứu sâu sắc những đặc điểm đó » (4). Điều đó chứng tỏ khái niệm « sản xuất nhỏ » chưa được nhận thức ở trình độ khoa học của tư duy lý luận.

Việc phân tích với tinh thần phê phán những kinh nghiệm — cả thành công và thất bại — giúp cho việc thanh toán nhiều nhận thức triết học sai lầm, nhất là về mâu thuẫn xã hội dưới chủ nghĩa xã hội, về quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất... Từ đó tư duy lý luận có khả năng nhận thức được tính biện chứng khách quan của thời kỳ quá độ ở nước ta. Tư duy kinh tế đang phải tự « cởi trói » bởi thiên kiến sai lầm đối với quan hệ hàng hóa — tiền tệ cùng những hình thức kinh tế gắn với quan hệ đó mà lâu nay chúng bị gán cho cái bản chất tư bản chủ nghĩa. Điều này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng kinh tế trong điều kiện « sản xuất nhỏ » nhưng chưa có sản xuất hàng hóa một cách phổ biến.

Trên các lĩnh vực chính trị — xã hội, tư duy lý luận càng phải vươn lên giải quyết những vấn đề thực tiễn bức bách của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phù hợp với sự biến đổi lớn lao của thời đại.

Sự chú ý đến nhân tố con người theo quan niệm của tư duy mới phải trở thành vấn đề cấp thiết hàng đầu đối với quá trình đổi mới nói chung, đổi mới tư duy lý luận nói riêng của chúng ta. Tính cấp bách đó ở nước ta còn đòi hỏi phải tự giác giải quyết những mâu thuẫn của bản thân nhân tố chủ quan. Một mặt, hoàn cảnh đòi hỏi phải phát huy cao độ tinh năng

động sáng tạo của nhân tố chủ quan. Mặt khác, chính hoàn cảnh đã tạo nên những hạn chế, những nhược điểm lớn không tránh khỏi về mặt lịch sử, bởi vì, như Mác đã chỉ ra, năng lực thực tiễn của con người « bị giới hạn bởi những điều kiện trong đó người ta sống, bởi những lực lượng sản xuất đã gom góp được từ thế hệ này qua thế hệ khác, bởi hình thái xã hội đã có trước họ và không phải do họ tạo ra, mà do thế hệ trước tạo ra » (5).



Tư ý thức được tình trạng lạc hậu và nguyên nhân của tình trạng đó là bước khởi đầu sự đổi mới của tư duy lý luận. Sự biến đổi cách mạng và sâu sắc của bản thân tư duy chỉ có thể đạt được trong sự gắn bó với thực tiễn cách mạng, trong đó như Mác nói, con người trong khi biến đổi hoàn cảnh, đồng thời biến đổi đầu óc của mình. Kinh nghiệm cho thấy, cần tránh sự dao động giữa hai cực đoạn sai lầm đã diễn ra vừa qua. Có những người lấy việc quy mọi lỗi lầm cho « thủ phạm » là « tư duy cũ » thay cho việc phân tích cụ thể một tình hình thực tiễn cụ thể. Khi thấy những khó khăn, vấp vấp, thậm chí cả những lệch lạc nào đó trong đổi mới tư duy lý luận lại quay sang với chủ nghĩa kinh nghiệm, không thấy rằng sự chuyển biến tình hình của đất nước và đổi mới tư duy lý luận đều phải thấu suốt tinh thần thống nhất lý luận và thực tiễn. Đó là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

(4) Nguyễn Văn Linh : Tác phẩm đã dẫn, tr. 7.

(5) Mác — Ăng-ghen : Tuyên bố, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tập 1, tr. 788.

Dân chủ hóa công tác cán bộ

TIẾN HẢI•

CÔNG tác cán bộ của chúng ta, bên cạnh những mặt làm tốt, còn mắc phải một số thiếu sót khá cơ bản. Đó là tình trạng thiếu dân chủ, chưa kết hợp đúng đắn giữa tập trung và dân chủ, hoặc chỉ dân chủ hình thức.

Đã đến lúc, vấn đề dân chủ hóa công tác cán bộ cần được đặt ra một cách nghiêm túc hơn. Nghĩa là, tính dân chủ cần được quán triệt đầy đủ trên mọi mặt của công tác cán bộ. Song, xuất phát từ tình hình thực tế của Việt nam, có lẽ chúng ta nên triển khai ngay việc mở rộng dân chủ trên một số khâu công tác trọng yếu để tạo tiền đề cho việc mở rộng dân chủ trong toàn thể công tác cán bộ.

I - Trước hết, cần mở rộng dân chủ trong đánh giá cán bộ.

Lâu nay, việc đánh giá cán bộ ở ta thường được coi là công tác bí mật, là việc riêng của thủ trưởng và bộ phận tổ chức cán bộ. Một cán bộ nào đó được đánh giá là tốt hay xấu, có năng lực hay không có năng lực, phẩm chất của người đó như thế nào, hằng năm anh ta có hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình hay không, khả năng phát triển ra sao, ít người được biết. Thậm chí, bản thân người cán bộ đó cũng không được biết những nhận xét, đánh giá của cấp trên về mình. Hồ sơ cán bộ luôn luôn được coi là tài liệu mật, nằm trong kết sắt, chỉ có thủ trưởng và bộ phận tổ chức cán bộ mới được xem.

Cách làm trên đây đã bộc lộ khá nhiều nhược điểm, thiếu sót. Nó làm cho việc đánh giá cán bộ thiếu khách quan, thiếu chính xác; không phát huy được ý thức trách nhiệm và tính tích cực chính trị-xã hội của bản thân người cán bộ; quần chúng không kiểm tra, giám sát được cán bộ bởi vì không có những thông tin chính xác. Và, đương nhiên là việc bố trí, sắp xếp, đề bạt cán bộ cũng không tránh khỏi những sai lầm. Đã có không ít những trường hợp, cán bộ tốt lại bị đánh giá là xấu chỉ vì không hợp "gu" thủ trưởng. Đã có những người suốt đời công tác chịu oan trái vì những tập hồ sơ với những sai lầm, khuyết điểm mà họ chưa hề mắc phải. Nhưng bản thân người cán bộ đó làm sao có thể thanh minh được, quần chúng cũng chịu không giúp được gì, bởi lẽ không ai được biết. Hồ sơ cán bộ cùng với những nhận xét, đánh giá hằng năm của cấp trên gần như trở thành khu vực cấm, ít người được ghé mắt vào. Người cán bộ suốt cả đời công tác, bao nhiêu lần chuyển chuyển là bấy nhiêu lần hồ sơ, lý lịch đi theo, nhưng người cán bộ đâu có được xem, bởi vì nó được gửi theo đường dây riêng - đường dây mật của hệ thống tổ chức cán bộ. Ngược lại, cũng có không ít người thật sự xấu lại được đánh giá là tốt bởi vì hợp "gu" thủ trưởng, vừa lòng cấp

• Phó trưởng Ban xây dựng đảng TCCS.

trên, ăn cạnh với cán bộ tổ chức... Những chuyện như thế là di chứng của tình trạng thiếu dân chủ trong việc đánh giá cán bộ.

Để khắc phục tình trạng trên, việc đánh giá cán bộ cần dựa vào những chuẩn mực nhất định. Đó là một nguyên tắc. Đánh giá cán bộ cần cứ vào chuẩn mực sẽ khắc phục được tình trạng làm theo cảm tính, theo ý « thích » hay « không thích » của thủ trưởng hoặc cấp có thẩm quyền. Đánh giá cán bộ cần cứ vào chuẩn mực cũng sẽ hạn chế được những dụng ý xấu, hạn chế được tình trạng truy trù, ghét bỏ. Và, như thế cũng có nghĩa là tình dân chủ được bảo đảm.

Vậy thế nào là đánh giá cán bộ theo chuẩn mực? Tiêu chuẩn chung nhất đối với bất cứ người cán bộ nào, đối với bất cứ loại cán bộ nào ở nước ta hiện nay là: phải thích ứng với công cuộc đổi mới. Tiêu chuẩn đó được biểu hiện ở những yêu cầu về phẩm chất, năng lực và hiệu quả công tác của mỗi người. Người cán bộ có phẩm chất thích ứng với công cuộc đổi mới phải là người có quyết tâm thực hiện sự nghiệp đổi mới, thẳng thắn, trung thực, dám nói, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, lời nói đi đôi với việc làm, làm nhiều hơn nói, năng động, sáng tạo, có tinh thần tập thể, dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình, có ý thức tổ chức kỷ luật, quan hệ chặt chẽ với quần chúng, có lối sống trong sạch, lành mạnh. Về mặt năng lực, sự nghiệp đổi mới đòi hỏi người cán bộ phải thành thạo công việc, quán triệt đường lối của đảng và biết cụ thể hóa đường lối đó trong hoạt động thực tiễn, biết tổ chức quản lý và điều hành công việc, biết làm công tác đảng, công tác quần chúng. Còn hiệu quả công tác phải được thể hiện ở khối lượng và chất lượng công việc mà người đó đạt được, tác dụng của những việc làm đó trong thực tiễn ra sao...

Trên cơ sở những yêu cầu chung như thế, cần cụ thể hóa, định rõ tiêu chuẩn cho từng loại cán bộ, từng chức danh. Cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, cán bộ làm công tác văn hóa văn nghệ, v.v. mỗi loại đều phải có những yêu cầu về năng lực và phẩm chất tương ứng.

Tất cả những điều nói trên là những căn cứ để đánh giá cán bộ một cách khách quan. Mà theo Lê-nin, khách quan là một trong những biểu hiện của dân chủ.

Để bảo đảm dân chủ, việc đánh giá cán bộ cũng cần phải tuân theo nguyên tắc tập thể. Nghĩa là phải kết hợp việc đánh giá của người thủ trưởng, của bộ phận tổ chức cán bộ với việc đánh giá của bản thân người cán bộ và việc hỏi ý kiến của các loại đối tượng có liên quan như: cán bộ cùng cấp, cùng làm việc; quần chúng và cán bộ cấp dưới có quan hệ công tác, cán bộ cấp trên, đảng ủy và đoàn thể quần chúng có liên quan, cán bộ và nhân dân ở nơi cư trú, v.v. Cần tổ chức cho người cán bộ được báo cáo công tác, trình bày ý kiến của mình trước tập thể; tập thể chất vấn, người cán bộ đó trả lời, đối thoại. Bất cứ người cán bộ nào cũng phải làm việc trong một hệ thống tổ chức nhất định và sống trong một cộng đồng người nhất định. Trong cái hệ thống tổ chức và trong cái cộng đồng đó, người cán bộ nào cũng có cấp trên của mình, đồng thời có cả đồng đẳng quần chúng xung quanh mình. Vì vậy, đánh giá cán bộ mà chỉ dựa vào ý kiến của cấp trên, hoặc chỉ dựa vào ý kiến của quần chúng đều chưa đủ. Muốn đánh giá cán bộ chính xác, nhất thiết phải kết hợp nhận xét của cấp trên với nhận xét của quần chúng và tự nhận xét của bản thân người cán bộ.

2— Bên cạnh việc đánh giá cán bộ, việc bố trí cán bộ cũng cần bảo đảm tính dân chủ.

Tính dân chủ trong bố trí cán bộ hoàn toàn phủ nhận cách làm tùy tiện, áp đặt từ trên xuống hoặc từ dưới đưa lại. Lâu nay, chúng ta vẫn thường đòi hỏi người cán bộ cách mạng phải nhận bất cứ nhiệm vụ nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào và ở bất cứ nơi đâu khi tổ quốc cần. Điều đó về mặt nguyên tắc chung là hoàn toàn đúng. Song, vì vận dụng nguyên tắc đó một cách cứng đờ, máy móc cho nên chúng ta đã vấp phải không ít sai lầm. Đã có rất nhiều trường hợp, người giỏi việc này lại bố trí làm việc khác, người bất tài lại bố trí đảm nhận những công việc quan trọng. Trước những nhiệm vụ được giao, nhiều cán bộ không được cấp trên hỏi ý kiến, bản thân không được trình bày nguyện vọng, khả năng công tác cũng như mặt mạnh, mặt yếu của mình. Người cán bộ chỉ được phép trả lời nhận hay không nhận. Đây là chưa kể tới những trường hợp bố trí cán bộ vì cảm tính, nể nang hay vì truy trù, ghét bỏ. Sự bố trí cán bộ thiếu dân chủ như vậy đã làm suy yếu chính bản thân đội ngũ cán bộ và gây ra những thiệt hại không nhỏ, thậm chí hết sức nghiêm trọng cho đảng và nhà nước.

Không dân chủ thì khó có thể bố trí đúng cán bộ. Có lẽ không ai hiểu người cán bộ bằng chính họ. Vì vậy, trước khi bố trí người cán bộ đảm nhận nhiệm vụ gì, ở cương vị nào và ở đâu đều cần trao đổi trước với người cán bộ đó. Thủ trưởng hoặc bộ phận tổ chức cán bộ cần nói rõ lý do phân công, ý đồ của tổ chức, của lãnh đạo và hướng phát triển của bản thân người cán bộ. Một cán bộ trung thực hầu như bao giờ cũng tự đánh giá đúng về mình, thấy rõ những mặt mạnh, mặt yếu của mình và xác định đúng đắn trách nhiệm của mình trước

những nhiệm vụ được giao. Đối thoại dân chủ với cán bộ, chúng ta sẽ thấy được điều đó và như vậy, đương nhiên, việc bố trí cán bộ sẽ chính xác hơn. Thực tiễn công tác cán bộ ở Liên xô và một số nước anh em đã cho thấy, nhờ những cuộc đối thoại dân chủ như thế mà nhiều khi những quyết định của tổ chức được kịp thời thay đổi.

Tính dân chủ trong bố trí cán bộ cũng đối lập với khuynh hướng đảng trị. Ở nước ta lâu nay hầu như đã trở thành nguyên tắc là, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, không riêng gì ở cấp cao, mà ở cấp thấp cũng vậy, nhất thiết phải là đảng viên, cho dù trong địa phương đó, ngành đó, đơn vị đó, bộ phận đó có những người ngoài đảng mà cả về phẩm chất và năng lực đều tốt hơn người đảng viên nọ. Sự bố trí cán bộ như thế thực chất là thiếu dân chủ. Đảng lãnh đạo chứ đảng không cai trị. Do đó trong việc bố trí cán bộ, đảng càng dân chủ thì càng tập hợp được đông đảo quần chúng, càng phát triển được trí tuệ và tài năng của họ góp phần làm cho sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của đảng càng đạt được những thành quả tốt đẹp.

Bố trí cán bộ đương nhiên cần phải qua bàn bạc tập thể và dân chủ. Dân chủ và tập thể là hình thức tốt nhất để bảo đảm tính đúng đắn của việc bố trí cán bộ.

3— Tính dân chủ cũng cần được quán triệt cả trong việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử.

Bản thân việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử đã bước đầu thể hiện tính dân chủ rồi. Song, vấn đề quan trọng hơn là ở chỗ chúng ta muốn đòi hỏi một sự dân chủ thực chất, dân chủ với đúng nghĩa của nó chứ không phải là dân chủ giả vờ, dân chủ hình thức.

Hiện nay ở Liên xô và một số nước anh em khác, việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử đang được tiến hành rộng rãi, nhất là đối với các đơn vị kinh tế.

Ở Việt nam ta, việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử đã được thử nghiệm ở một số nơi. Việc làm này tuy chưa được triển khai rộng rãi, song ở những nơi đã làm thử, ta thấy có dấu hiệu tốt đẹp chứng tỏ tính ưu việt của phương pháp này.

Đề cho việc bầu cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý mang tính dân chủ thật sự thì cần phải chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc, tránh lối làm hình thức chiếu lệ. Đã tổ chức bầu cử thì phải theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, kết quả bầu cử phải được công bố công khai. Song, dễ làm tốt được việc này không dễ, nhất là đối với nước ta, việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa trở thành nền nếp. Những hiện tượng thiếu khách quan, vô trách nhiệm, thích ai thì bầu cho người đó, không thích thì bỏ, chẳng cần biết hậu quả sẽ ra sao, rất dễ xảy ra. Vì thế, kết hợp với việc bầu, cần có sự lãnh đạo, hướng dẫn và kiểm tra đúng đắn và vô tư. Hơn nữa công tác quy hoạch cán bộ, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ phải được làm thường xuyên và làm tốt. Chỉ có trên cơ sở một đội ngũ cán bộ đã được quy hoạch, đã được đào tạo, bồi dưỡng tốt thì quần chúng mới có thể lựa chọn được người lãnh đạo, người quản lý xứng đáng.

Thực tế cho thấy, việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử có những ưu điểm rõ rệt:

— Người được quần chúng bầu, được quần chúng tín nhiệm thật sự là người làm được việc. Quần chúng nói chung là khách quan và sáng suốt. Bầu ai, không bầu ai, họ đều cân nhắc

kỹ lưỡng, bởi vì ngoài ý thức trách nhiệm, ngoài lương tâm và danh dự, thì việc bầu người lãnh đạo, người quản lý còn có ảnh hưởng cả tới miếng cơm, manh áo hằng ngày của họ.

— Người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý do quần chúng bầu ra và được cấp trên chấp nhận là người được sự đồng tình ủng hộ của cả hai phía, cấp trên và quần chúng dưới quyền, do đó dễ làm việc.

— Vấn đề dân chủ và công khai được bảo đảm, quần chúng được tôn trọng. Họ được phép tự lựa chọn người lãnh đạo của mình, do đó phấn khởi, tin tưởng và thực lòng ủng hộ lãnh đạo.

— Lựa chọn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý bằng phương pháp bầu cử đã làm cho tình trạng mất đoàn kết trong các ban lãnh đạo giảm hẳn đi, hiệu quả công tác của bộ phận lãnh đạo được nâng lên rõ rệt, bởi vì chính các thành viên của bộ phận lãnh đạo cũng tham gia bầu người đứng đầu của đơn vị mình.



Từ việc đi sâu phân tích vấn đề mở rộng dân chủ trên một số khâu công tác trọng yếu trong công tác cán bộ, nổi lên mấy điểm cần quan tâm. Đó là:

Nói dân chủ hóa công tác cán bộ không có nghĩa là chúng ta phủ nhận yếu tố tập trung, cũng không có nghĩa là chúng ta muốn tuyệt đối hóa vấn đề dân chủ. Dân chủ — tập trung, hai yếu tố này trong công tác cán bộ phải được đặt trong một mối quan hệ biện chứng. Mở rộng dân chủ phải gắn liền với tập trung và đặt dưới sự chỉ đạo tập trung của cấp trên, nếu không sẽ sinh ra dân chủ quá trớn. Ngược lại, tập trung phải trên cơ sở dân chủ

(Xem tiếp trang 73)

Nông dân và nông thôn Việt nam hiện nay: những vấn đề cần quan tâm

ĐINH THU CÚC ★



Ở tư cách là đồng minh của giai cấp công nhân và là lực lượng đông đảo nhất, lớn mạnh nhất trong khối quần chúng được Đảng ta lãnh đạo, giai cấp nông dân đã đóng vai trò rất to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Lịch sử đã ghi nhận những đóng góp to lớn của giai cấp nông dân vào thành công của Cách mạng Tháng Tám, vào chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Và lịch sử cũng đã chứng kiến những biến động xã hội sâu sắc của nông thôn nước ta trong ngót ba chục năm qua. Từ một nông thôn phong kiến, trong đó giai cấp nông dân tồn tại với tư cách là những người cày thuê ruộng đất của địa chủ, hoặc là những người sản xuất nhỏ cá thể, đã trở thành một nông thôn mới, trong đó chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất đã ra đời, và người chủ của nó là nông dân. Có thể nói, giai cấp nông dân nước ta đã tiến một bước dài trong cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ nông thôn phong kiến để xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đã làm cho người nông dân Việt nam trở thành người chủ thực sự mảnh ruộng của mình. Và mối quan hệ đặc biệt giữa đảng, giai cấp công nhân với giai cấp nông dân đã giúp cho người nông dân tự nguyện đi theo Đảng, với ước mơ cao đẹp là

xây dựng xã hội mới, văn minh, hạnh phúc ngay tại các vùng nông thôn, nơi họ lao động và sinh sống.

Trong lao động sản xuất, người nông dân đã dần dần đi vào làm ăn tập thể với các hình thức sản xuất từ thấp đến cao. Đến nay, đông đảo nông dân trong cả nước đã là thành viên của 16 331 hợp tác xã, 39 380 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, 4 000 hợp tác xã lâm nghiệp, 961 hợp tác xã và 2 571 tập đoàn sản xuất thủy sản.

Nền nông nghiệp nước ta đã có những biến đổi về trình độ lực lượng sản xuất. Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng trong nông nghiệp. Một số cơ sở kinh tế - xã hội của việc cải tạo tâm lý sản xuất nhỏ đã xuất hiện và đang được nuôi dưỡng.

Những điều nói trên chứng tỏ rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã bước đầu đặt được cơ sở trong lĩnh vực kinh tế vốn lạc hậu nhất ở nước ta là nông nghiệp, rằng trong những điều kiện nhất định của sự phát triển lực lượng sản xuất thì quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa có thể đứng được ở nông thôn.

Song, bên cạnh những mặt được đó, mấy chục năm qua, trong cải tạo và xây dựng nền kinh tế nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã

★ Phó tiến sĩ sử học

quả nhấn mạnh đến yếu tố sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất mà coi nhẹ các yếu tố quản lý và phân phối xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà lực lượng sản xuất trong nông nghiệp kém phát triển, không những không thể tái sản xuất mở rộng, mà ngay cả tái sản xuất giản đơn cũng khó thực hiện được.

Cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp và sự lạc hậu của nhiều chính sách kinh tế của đảng, nhà nước đối với nông dân trong thời gian qua cũng đã chi phối nặng nề và gây ảnh hưởng tiêu cực trong nông thôn. Những cơ sở bước đầu của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn không những không được củng cố, hoàn thiện tiếp, mà trái lại bị phá vỡ trên nhiều mặt. Số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất yếu kém chiếm một tỷ lệ đáng kể ở hầu khắp các tỉnh.

Việc tìm tòi một cơ chế quản lý thích hợp cho các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất để mở đường cho nông nghiệp phát triển đã được đặt ra ngay từ đầu những năm 80. Từ khi cơ chế « khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động » được chính thức ban hành (chỉ thị 100 của Ban bí thư, tháng 1-1981), nó đã phát huy được tác dụng trong sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực. Tuy nhiên, thực tế đòi hỏi phải gắn liền việc hoàn chỉnh cơ chế khoán với việc củng cố hợp tác xã, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế trên cơ sở đổi mới toàn diện và đồng bộ chính sách đối với nông nghiệp và nông dân. Hàng loạt công tác ở nông thôn (như công tác kế hoạch hóa, công tác tài chính và tín dụng, trao đổi vật tư, định giá cả, tiêu thụ sản phẩm, thuế nông nghiệp, lao động nghĩa vụ v.v.) cần được thay đổi cho phù hợp với tính chất sở hữu của các thành phần kinh tế.

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp nhằm giải phóng

sức sản xuất, khai thác tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất-kỹ thuật và tiềm năng khoa học hiện có để tăng nhanh sản phẩm nông nghiệp cho xã hội, tăng thu nhập cho người nông dân là yêu cầu cấp bách hiện nay.



Thực trạng của giai cấp nông dân và nông thôn Việt nam hiện nay còn đặt ra những vấn đề xã hội đòi hỏi phải giải quyết gấp. Những vấn đề đó cũng cấp bách không kém gì những vấn đề kinh tế.

Trước hết, đó là việc phải luôn luôn đấu tranh chống lại những di sản tiêu cực có tính lịch sử của nông thôn còn rơi rớt lại. Những di sản này đã sống dai dẳng và tác động trực tiếp đến cuộc sống của nông thôn ngày nay, đặc biệt là trong mấy năm gần đây.

Như trên đã nói, nông dân Việt nam đã tiến một bước dài trong cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ nông thôn phong kiến để xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Người nông dân đã dần dần được nâng cao trình độ văn hóa, được trang bị nhân sinh quan và thế giới quan mới. Tuy vậy, nếp sống cổ truyền vẫn còn in khá đậm nét trong tâm lý, tập quán, phong cách, suy nghĩ và hành động của họ.

Những biểu hiện tốt đẹp của nếp sống cổ truyền ở nông thôn như tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất và đời sống cũng như trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, sự gần bó của mỗi người với lợi ích chung của làng, của nước vẫn được duy trì. Song, những hạn chế của nếp sống cổ truyền cũng rất lớn và đã ảnh hưởng tiêu cực tới công cuộc xây dựng nông thôn mới ngày nay. Những luật lệ, đạo đức và lễ nghi

phong kiến đã từng là xiềng xích ràng buộc người nông dân trong xã hội cũ thì ngày nay vẫn tiếp tục cản bước tiến của họ. Những trật tự gia trưởng, trật tự lão quyền, trật tự quan liêu, trong đó trật tự quan liêu là trật tự quan trọng nhất vẫn còn in đậm nét trong nông thôn hiện nay. Địa vị trong hệ thống quan liêu là môi trường tranh chấp gay gắt trong hàng ngũ phong kiến, đưa đến hiện tượng gây bè cánh, dèm pha, lật đổ nhau. Chế độ phong kiến quan liêu và chế độ tư hữu đã đẻ ra sản phẩm tai hại là nạn cường hào. Bọn này đã bóc lột, áp bức nông dân bằng những thủ đoạn tham ô, bớt xén, cướp đoạt, đàn áp, chiếm dụng tài sản công (trong làng xã cũ là ruộng công và tiền quỹ của làng). Trước kia, thông qua mảnh ruộng công, bọn cường hào đã có rất nhiều mảnh khoe bóc lột nông dân. Ngày nay, nhiều vụ việc tiêu cực cũng xảy ra xung quanh việc sử dụng công quỹ và ruộng đất của tập thể. Nhiều cuộc điều tra thực tế cho thấy, ở không ít địa phương, cấp ủy đảng, chính quyền, ban quản trị hợp tác xã thực chất là biến tướng của tầng lớp cường hào cũ. Từ địa vị những đại biểu của nhân dân, của làng xóm, họ đã trở thành những kẻ quay lại áp bức, bóc lột, đàn áp nông dân, trở thành những con sâu mọt, đục khoét nông dân. Tầng lớp «cường hào mới» đã lợi dụng chức quyền và các quan hệ dòng họ, thân tộc—một vấn đề mà những năm gần đây nổi lên rất đáng quan tâm—để thao túng, lôi bè kéo cánh, trù dập, đàn áp người lao động ngay thẳng và chân chính, gây mất đoàn kết nội bộ. Tâm lý cộng đồng làng xã là nét tích cực trong đời sống tinh thần của nông dân đang dần dần mai một đi. Trước kia, người nông dân đã dám đoàn kết để chống cường hào, ác bá, thì nay nhiều người nhìn thấy sự bất công mà không dám đấu tranh, sợ bị quy tội chống đảng, chống chính quyền! Ở nhiều nơi, một

cấu trúc đẳng cấp mới đã hình thành mà cốt lõi của nó là những người nắm chức quyền cùng vây cánh của họ. Cấu trúc này đã chi phối các quan hệ kinh tế—xã hội ở nông thôn, tạo nên sự bất bình đẳng nghiêm trọng trong việc phân phối lương thực, hàng công nghiệp, vật tư nông nghiệp, trong việc cấp đất làm nhà, phân chia ruộng khoán, trong việc bổ nhiệm các chức vụ ở địa phương... Họ đặt ra nhiều loại «quy» và nhiều «luật lệ» rất vô lý để kiểm soát trên sức lao động của nông dân. Tình hình này đã gây ra tình trạng mất dần chủ năng nề ở nông thôn.

Trước đây, các làng xã, bằng sức mạnh cố kết chặt chẽ đã lợi dụng tinh thần tự quản, tự trị để đấu tranh chống lại sự áp bức của địa chủ, quan lại, của nhà nước quan chủ chuyên chế, chống lại sự can thiệp của nhà nước vào công việc của làng xã nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động. Ngày nay, nhiều kẻ có chức, có quyền đã bóp méo truyền thống đó theo kiểu «phép vua thua lệ làng», vi phạm các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước, biến địa phương mà họ đứng đầu thành «bầu trời riêng» để mưu lợi ích riêng. Nhiều nơi ở nông thôn, sự phân hóa và sự chênh lệch giàu—nghèo ngày càng rõ rệt. Người lao động chân chính, một nắng hai sương chỉ được hưởng một phần tối thiểu số sản phẩm mà họ làm ra, đời sống không được bảo đảm. Sở dĩ như vậy một phần do các chính sách của nhà nước chưa hợp lý, nhưng một phần đáng kể do những người lãnh đạo ở địa phương đã chiếm đoạt làm của riêng hoặc sử dụng lãng phí. Rõ ràng lợi ích kinh tế không chính đáng là nguồn gốc của chế độ quan liêu và nạn «cường hào mới», và muốn tiêu diệt chúng thì không có cách nào khác là cán bộ đảng viên và nông dân lao động phải đấu tranh thẳng thắn và kiên quyết, đồng thời kết hợp các

chính sách kinh tế với các chính sách xã hội một cách đúng đắn, thích hợp.

Còn một vấn đề mà những người hoạch định chính sách kinh tế-xã hội đối với nông dân - nông thôn và những người làm công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, công tác hội nông dân phải quan tâm là, trong mười năm gần đây, *trình độ văn hóa chung ở nông thôn có chiều hướng giảm sút*. Người nông dân ít quan tâm hơn đến sinh hoạt văn hóa cũng như việc nâng cao trình độ học văn của mình. Có tình hình này, một mặt do thiếu sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Nhiều yêu cầu về văn hóa, xã hội tối thiểu của người nông dân chưa được giải quyết, nhất là ở vùng biên giới, hải đảo. Tình trạng thiếu thầy, thiếu trường học; thiếu cơ sở chữa bệnh, thiếu thuốc và thầy thuốc... phổ biến ở nông thôn. Mặt khác, những khó khăn về kinh tế, những lo toan cho mảnh ruộng khoán và mảnh ruộng riêng (mà hầu như mọi gia đình phải tự quyết định lấy mọi công việc đồng áng với công cụ thô sơ, kỹ thuật thấp và phải gánh chịu sự may rủi của thời tiết) đã hạn chế sự mở mang tri thức của họ, mặc dù họ vốn là những người ham hiểu biết, thích cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất. Nhiều thành tựu của cuộc cách mạng về sinh học trước kia áp dụng rất có hiệu quả ở nông thôn thì mấy năm gần đây ít được chú ý. Hoạt động của các đội khoa học-kỹ thuật, các thư viện, câu lạc bộ, đội văn nghệ địa phương giảm rõ rệt. Tình trạng «lóa chữ» và mù chữ ở nông thôn là một hiện tượng đáng báo động. Đã có không ít gia đình

nông dân buộc phải cho con em thôi học để ở nhà sản xuất.

Mấy năm gần đây, *những hủ tục cũ ở nông thôn đang sống lại rất nhiều* (ma chay, cưới xin linh đình và tốn kém, nạn mê tín dị đoan...). Nguyên nhân chính của tình trạng đó là do đời sống kinh tế, văn hóa còn thấp kém và các chính sách kinh tế-xã hội ở nông thôn hoặc chưa phù hợp, hoặc chưa được thi hành triệt để. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, văn hóa, thể giới quan và nhân sinh quan mới cho nông dân, đặc biệt cho thanh niên nông thôn, có phần bị buông lỏng. Nếu như trước kia, các thành viên làng xã khao khát, vinh dự được thừa nhận và biểu dương khi có những đóng góp cho tập thể, coi việc xây dựng và củng cố làng xã là bổn phận, thế hệ trước có trách nhiệm nêu gương cho thế hệ sau, thì ngày nay, mặc dù thế giới quan và nhân sinh quan đã được mở rộng hơn, nhiều người lại co lại, rút về gia đình, thu vén cho mình hơn.

Để gạt bỏ lối sống cá nhân ích kỷ dẫm đạp lên mọi giá trị đạo đức và văn hóa mà nhân dân ta đã tích lũy được từ bao đời nay, thiết lập lại trật tự mới ở nông thôn (thể hiện trong đời sống kinh tế, đời sống chính trị và văn hóa tinh thần) thì trước hết cần phải củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ ở cơ sở bao gồm cấp ủy đảng, ủy ban nhân dân, ban quản trị hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, hội nông dân, đoàn thanh niên cộng sản, hội phụ nữ... Đó là điều kiện quan trọng đầu tiên bảo đảm thắng lợi của những chính sách đổi mới ở nông thôn hiện nay.



C. MÁC, PH. ĂNG-GHEN, V.I. LÊ-NIN VÀ HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ CÁN BỘ

NGƯỜI LÃNH ĐẠO VÀ QUẦN CHÚNG. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ

★ C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN

Đặc biệt, nghĩa vụ của các lãnh tụ là phải làm cho mình ngày càng sáng tỏ tất cả mọi vấn đề lý luận, ngày càng tự giải thoát khỏi ảnh hưởng của những câu nói thuộc về thế giới quan cũ và bao giờ cũng phải thấy rằng, chủ nghĩa xã hội, từ khi nó đã trở thành một khoa học, thì cũng đòi hỏi người ta phải đối xử với nó như là một khoa học, nghĩa là phải nghiên cứu nó. Cái ý thức ngày càng sáng tỏ, đã có được bằng cách đó, cần phải được phổ biến trong quần chúng công nhân với một nhiệt tâm ngày càng tăng, và tổ chức đảng và tổ chức của các công đoàn phải ngày càng được củng cố vững chắc hơn nữa.

Tuyên tập, Nxb Sự thật.
Hà nội, 1982, t. 3, tr. 633.

... Quảng đại quần chúng công nhân sẽ không bao giờ chịu tin rằng những công việc chung của đất nước họ lại đồng thời không phải là những công việc của chính họ; xét về bản chất, họ là những người tích cực về mặt chính trị và bất cứ người nào định làm cho họ rời bỏ chính trị, rốt cuộc sẽ bị họ rời bỏ.

Tuyên tập, t. 4, tr. 564 — 565.

Cả Mác và tôi bao giờ cũng chống lại bất cứ sự biểu dương đối với một số nhân vật nào trước công chúng; chỉ có thể chấp nhận điều đó trừ khi nhờ nó, có thể đạt được một mục tiêu đáng kể nào đó; nhưng hơn hết là chúng tôi chống lại những sự biểu

đương đối với cá nhân chúng tôi khi chúng tôi còn sống.

Toàn tập. Tiếng Nga. Nhà chính trị. Mát-xcơ-va, 1961, t. 22, tr. 270.

Cả hai chúng tôi (Mác và Ăng-ghe-n - BBT) sẽ không đưa ngay cả một đồng xu nhỏ để được nổi tiếng. Ví dụ, đây là một dân chúng : do ghé thăm bất cứ sự sùng bái cá nhân nào cho nên, trong thời kỳ Quốc tế cộng sản tồn tại, tôi không bao giờ cho phép loan truyền nhiều lời kêu gọi trong đó thừa nhận công lao của tôi và tôi đã phát ngăn về những kêu gọi đó từ các nước khác nhau gửi tôi, - tôi thậm chí cũng không bao giờ trả lời những lời kêu gọi đó, chỉ trừ khi đôi lúc phê bình nghiêm khắc đối với những lời kêu gọi đó. Việc tham gia

trước tiên của Ăng-ghe-n và của tôi vào tổ chức bí mật của những người cộng sản (Đồng minh những người cộng sản - BBT) đã diễn ra với điều kiện tôi cần thiết là phải gạt ra khỏi điều lệ tất cả những gì giúp cho việc sùng bái uy tín.

Toàn tập, tiếng Nga, t. 31, tr. 211.

Din-ghe và Bé-ben đã viết cho tôi những lá thư rất thân thiết. Người Đức chưa thể nào quen được với tình hình là không một nhân vật : ào ở địa vị cao lại có quyền mong muốn có sự đối xử với họ mềm mỏng hơn người khác.

Toàn tập, tiếng Nga, t. 38, tr. 63.

★ V.I. LÊ-NIN

... Cần phải làm thế nào cho *toàn đảng* phải bồi dưỡng cho mình, một cách có hệ thống, tuân tực và kiên định, những cán bộ xứng đáng ở trung ương ; phải làm thế nào để đảng nhìn thấy rõ ràng, như trong lòng bàn tay, *toàn bộ sự hoạt động* của mỗi một ủy viên được dự định cử giữ chức vụ cao ấy ; để đảng thậm chí còn biết được những đặc điểm cá tính của họ, những mặt mạnh và mặt yếu của họ, những thắng lợi và « thất bại » của họ... Thoạt mới nhìn, điều này hình như bất tiện ; đối với riêng từng người lãnh đạo này, hay người lãnh đạo khác, đôi khi điều đó còn là điều « xúc phạm », nhưng chúng ta phải khắc phục cái cảm giác giả tạo ấy về sự bất tiện, đó là nghĩa vụ

của chúng ta trước đảng, trước giai cấp công nhân.

Toàn tập, Nhà Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 8, tr. 107-108.

Quần chúng phải có quyền được tự mình cử ra những người lãnh đạo có trách nhiệm. Quần chúng phải có quyền được thay đổi những người lãnh đạo của mình, phải có quyền được hiểu rõ và kiểm tra mỗi một bước nhỏ nhất trong hoạt động của những người đó. Quần chúng phải có quyền được đề bạt trong nội bộ của họ bất kỳ một công nhân nào lên phụ trách chức vụ lãnh đạo. Nhưng như vậy không mấy may có nghĩa là quá trình lao động tập thể có thể không cần một sự lãnh đạo nào, không cần có sự xác định chính xác chức trách của người lãnh đạo, không cần một

trật tự hết sức nghiêm ngặt do ý chỉ thống nhất của người lãnh đạo lập ra.

Toàn tập, t. 36, tr. 192.

... Phải sống sâu vào đời sống công nhân, phải biết tường tận đời sống công nhân, biết xác định một cách chắc chắn, bất cứ trong vấn đề nào, trong lúc nào, tâm trạng của quần chúng, những nhu cầu, những nguyện vọng, những ý nghĩ thật sự của họ; biết nhận định được rõ — mà không mấy may lý tưởng hóa — trình độ giác ngộ của họ và sức mạnh ảnh hưởng của những thiên kiến hay của những tàn dư nào đó của quá khứ; biết chiếm được lòng tin cậy vô bờ bến của quần chúng bằng một thái độ hữu ái đối với họ, bằng cách quan tâm thỏa mãn những nhu cầu của họ.

Toàn tập, t. 41, tr. 426.

Với một sự nhạy cảm rất tài tình, quần chúng cần lao nắm được sự khác nhau giữa những đảng viên cộng sản trung thực, tận tụy và những kẻ đang làm cho những người sinh sống bằng mồ hôi nước mắt của mình, những người không có chút đặc quyền đặc lợi, không có « đường thăng quan tiến chức », phải chán ghét.

Toàn tập, t. 41, tr. 152.

... Nếu chúng ta tích cực dạy cho công nhân và nông dân về kỷ luật thì chúng ta phải bắt đầu dạy từ bản thân mình.

Toàn tập, t. 50, tr. 82.

... Chính sách của chúng ta và biện pháp hành chính của chúng ta đều dựa trên điểm sau đây: toàn thể đội tiên phong phải gắn liền với toàn thể quần chúng vô sản, với toàn thể quần chúng nông dân. Nếu những ai quên mất những mối liên hệ khăng khít đó, nếu họ cứ mãi mê với những biện

pháp hành chính thôi, thì đó sẽ là một tai họa.

Toàn tập, t. 45, tr. 128.

... Phải gạt ra khỏi đảng những phần tử xa rời quần chúng (cố nhiên không cần nói đến những phần tử làm ô danh đảng trước quần chúng).

Toàn tập, t. 44, tr. 152.

Cần tuyển lựa những thanh niên trong giới công nhân để thực hiện quyền giám sát của quần chúng công nhân... Không thể thu nhận những kẻ vào đảng để kiểm địa vị; phải đuổi những kẻ đó ra khỏi đảng.

Toàn tập, t. 37, t r. 55 — 56.

Sửa đổi một cách hồ đồ công tác của hàng trăm chuyên gia ưu tú, lẫn trốn vấn đề bằng những câu nói đùa thô lỗ, huênh hoang với cái quyền « không phê chuẩn » của mình — phải chăng đó không phải là điều nhục nhã?

Phải biết quý trọng khoa học, gạt bỏ mọi thái độ huênh hoang « cộng sản » của những nhà tài tử và của những anh chàng quan liêu, phải học tập làm việc một cách có hệ thống, sử dụng chính ngay kinh nghiệm của mình và thực tiễn của mình!

Toàn tập, t. 42, tr. 431.

Nếu đảng viên cộng sản là cán bộ hành chính thì nhiệm vụ thứ nhất của người đó là tránh không say mê ra mệnh lệnh, trước hết phải biết chú ý tới những điều mà khoa học đã vạch ra, trước hết phải hỏi những sự kiện đã được kiểm tra chưa, trước hết phải nghiên cứu (trong các báo cáo, trên báo chí, ở trong các buổi họp, v.v) xem chúng ta đã phạm sai lầm ở đâu, và chỉ có trên cơ sở đó mới sửa chữa uốn nắn cái đã làm. Hãy bỏ bớt cái thủ đoạn kiểu Tit

Ti-tu-tso ("tôi có thể phê chuẩn, có thể không phê chuẩn"), hãy nghiên cứu những sai lầm thực tế của chúng ta nhiều hơn nữa.

Toàn tập, t. 42, tr. 435 - 436.

Cái chúng ta cần, không phải là các pháp lệnh mới, các cơ quan mới, hay các biện pháp đấu tranh mới. *Chúng ta cần kiểm tra năng lực của nhân viên công tác, kiểm tra việc chấp hành thực tế.* Cuộc thanh đảng tới đây sẽ nhắm vào những người cộng sản *lên mặt* là quan cai trị.

Toàn tập, t. 45, tr. 19.

Phàm là người quan sát kỹ cuộc sống thực tế và có kinh nghiệm về cuộc sống, thì đều biết rằng muốn quản lý thì phải là người thông thạo chuyên môn, phải biết cách đầy

đủ và chính xác tất cả những điều kiện của sản xuất, phải hiểu được kỹ thuật của nền sản xuất đó ở trình độ hiện đại của nó, phải có một trình độ khoa học nhất định.

Toàn tập, t. 40, tr. 248.

... Phải không ngừng phấn đấu làm sao cho trên thực tế bảo đảm được trách nhiệm cá nhân của mỗi người đối với một công tác hoặc một bộ phận công tác nhất định đã được chỉ định một cách chính xác và nghiêm ngặt. Những sự thảo luận tập thể cần phải giảm xuống đến mức tối thiểu cần thiết và không bao giờ được cản trở việc giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và quả quyết, không được làm lu mờ trách nhiệm của mỗi cán bộ.

Toàn tập, t. 39, tr. 349 - 350.

★ HỒ CHÍ MINH

... Mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích... Vì vậy mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải: sáng suốt, khôn khéo, cần thận, kiên quyết, siêng năng, nhất trí.

... Trong lúc này tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất có quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly đi một dặm.

Toàn tập, Nxb Sự thật,
Hà nội, 1984, t.4, tr. 291.

... Chúng ta phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm sau đây:

a) Địa phương chủ nghĩa.

Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mình mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Làm việc ở bộ phận nào chỉ biết bênh vực vun đắp cho bộ phận ấy. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung.

b) Óc bề phát.

Ái hầu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ái không hầu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ phải mấy cũng không nghe.

Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho Đoàn thể mất cân bằng, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

c) Ốc quân phiệt quan liêu.

Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hoặ. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc « ông tướng, bà tướng » ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, Đoàn thể xa nhân dân.

d) Ốc hẹp hòi.

Chúng ta phải nhớ rằng : người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dung chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được.

Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù ít bạn. Người mà hẹp hòi ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi không thể phát triển.

e) Ham chuộng hình thức.

Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm vẻ hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai...

Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kể khẩu biệu, trưng cờ biển và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết chỉ làm vì, còn hàng ngày không chịu gần gũi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của Đoàn thể.

f) Làm việc lười biếng.

Thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Ngồi một nơi chỉ tay năm ngón không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và để chỉ vạch những kế hoạch thì hành chỉ thị, nghị quyết của Đoàn thể cho chu đáo. Những chỉ thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống các địa phương có thực hiện được hay không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát

phong trào không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thì hành được đến nơi đến chốn.

g) Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm.

...

Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, di nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nề nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm Đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phân động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại Đoàn thể ta.

h) Ích kỷ, hủ hóa.

Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được ủy viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc.

.....

Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cụt, càng giỏi, càng phải khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ, phải nhớ câu nói của ông thầy chúng ta : « Phải học, học thêm, học mãi. » (1) Tự mãn, tự túc là cơ mình tại, không cho mình tiến bộ thêm.

Có những đồng chí còn giữ thói « một người làm quan cả họ được

(1) Ý của Lê-nin : Xem V. I. Lê-nin : *Tổng tập. NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.45, tr. 444.*

nhờ ». đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hồng việc Đoàn thể chịu, cốt cho bà con bạn hữu có địa vị là được.

Tồn tập, t. 4, tr. 291-295.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tinh thần kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ.

«Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân», tạp chí *Học tập*, số 2, 1969, tr. 7.

Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải kính yêu nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt «quan cách mạng» ra lệnh ra oai. Phải nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. Phải thật thà, ngay thẳng: không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm, phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo; phải thực sự cầu thị, không được chủ quan. Phải luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải «chí công vô tư», và có tinh thần «lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ». Đó là đạo đức của người cộng sản.

Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên.

....

Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách, nêu gương «cần kiệm liêm chính», không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân; phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh là nguồn gốc sinh ra tham ô, lãng phí. Trong mọi công việc, phải tính toán, cân nhắc cẩn thận. «Thi giờ là vàng bạc». Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khỏe mà không kết quả thiết thực.

.....

... Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước.

«Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội», tạp chí *Học tập*, số 4, 1961, tr. 6, 8

... Công việc cách mạng là nghìn điều muôn loại phức tạp, khó khăn. Đề cập nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, đề giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lê-nin.

Có học tập lý luận Mác - Lê-nin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình.

Tuyên tập, t. 2, tr. 105.

Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công.

Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng bằng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng.

.....

Nhưng hiện nay, chủ nghĩa cá nhân đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần

chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì.

*Tuyên lập, t. 2, tr.
103 - 101.*

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thâm nhập *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Tuyên lập, t. 2, tr. 541 - 542

Nghiên cứu — Trao đổi

Quản lý nhà nước về kinh tế *

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

TRƯỜNG SƠN **



TRONG bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã chỉ rõ: « Trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, có hai vấn đề cơ bản đặt ra: đổi mới cơ chế quản lý ở cấp đơn vị cơ sở và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Thực tiễn cũng như lý luận chỉ ra rằng, đó là hai vấn đề gắn bó hữu cơ, không thể làm cái này mà bỏ cái kia, hoặc ngược lại » (1). Lâu nay chúng ta đã bàn nhiều về đổi mới cơ chế quản lý ở cấp đơn vị cơ sở, tức là thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Dưới đây là một số ý kiến về vấn đề đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

1. Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế

Quản lý nhà nước về kinh tế là chức năng quản lý kinh tế của các cơ quan nhà nước như QH, HĐNN, HĐBT, các bộ và UBND các cấp, cho nên có thể nói gọn là quản lý nhà nước hay quản lý kinh tế. Và nói đến nhà nước là nói đến hành chính, cho nên cũng có lúc còn nói là quản lý hành chính - kinh tế. Như vậy các từ quản lý nhà nước về kinh tế hay là quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý hành chính - kinh tế đều cùng một nghĩa mà trong bài này gọi chung là quản lý kinh tế.

Quản lý kinh tế rộng hơn quản lý sản xuất. Quản lý kinh tế là quản lý cả quá trình tái sản xuất xã hội. Quản lý kinh tế cũng rộng hơn quản lý kinh doanh. Quản lý kinh doanh là quản lý vi mô, quản lý một đơn vị kinh tế, còn quản lý kinh tế là quản lý vĩ mô, quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 4-1988.

** Chuyên viên kinh tế

(1) Tạp chí Cộng sản, số 9-1987, tr. 6.

Nói một cách khái quát, quản lý kinh tế và vận dụng các quy luật kinh tế vào điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước để xây dựng và phát triển kinh tế, làm cho nhân dân giàu có, đất nước phồn vinh. Hiểu theo nghĩa rộng, quản lý kinh tế bao gồm cả chiến lược kinh tế và cơ chế quản lý. Hiểu theo nghĩa hẹp, quản lý kinh tế là vận hành cơ chế quản lý để thực hiện chiến lược kinh tế.

Trước đây chỉ nói quản lý kinh tế, nay thường nói quản lý kinh tế - xã hội. Nói như vậy, trước hết là vì sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Chính sách xã hội không phải là phần « còn thừa » của chính sách kinh tế mà là mục tiêu của chính sách kinh tế. Nói như vậy còn vì mối quan hệ hữu cơ giữa kinh tế và xã hội. Không thể phát triển kinh tế nếu không tạo được các tiền đề xã hội mà quan trọng nhất là phát huy nhân tố con người. Cũng như không thể thực hiện được các mục tiêu xã hội, nếu không dựa vào cơ sở phát triển kinh tế. Hơn nữa phát triển kinh tế nói ở đây còn bao hàm cả phát triển văn hóa vì không có văn hóa thì cũng không thể phát triển được kinh tế. Do đó, nói quản lý kinh tế hiểu theo nghĩa đầy đủ là sự kết hợp hài hòa các nhân tố: dân chủ, chính trị, tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, phát triển văn hóa, phát huy nhân tố con người.

Quản lý kinh tế nói chung là như vậy, còn quản lý kinh tế nói cụ thể là thực hiện các công việc sau đây :

1. Điều tra, nghiên cứu và đánh giá đúng điều kiện tự nhiên, tài nguyên và thực trạng kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm quản lý kinh tế của nước mình, đồng thời tìm hiểu và học tập có chọn lọc kinh nghiệm của các nước khác trên thế giới.

3. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật, xây dựng quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.

4. Lập tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất trong cả nước, lập quy hoạch phát triển các vùng kinh tế.

5. Xây dựng các chương trình mục tiêu, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, 5 năm và hằng năm; bảo đảm những cần đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân.

6. Xây dựng chiến lược quản lý và thường xuyên bổ sung, đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý.

7. Ban hành và hướng dẫn chỉ đạo thực hiện luật pháp kinh tế, chính sách kinh tế đối nội và đối ngoại.

8. Thực hiện chính sách cán bộ, quy định các chức danh và tiêu chuẩn cán bộ, quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ.

9. Thực hiện sự kiểm soát của nhà nước đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế, bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách kinh tế.

10. Tạo môi trường thuận lợi về kinh tế, xã hội cho hoạt động kinh doanh, xử lý những việc ngoài khả năng tự giải quyết của các đơn vị kinh doanh để bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ được nhà nước giao.

Chức năng nói chung là như vậy, còn chức năng cụ thể của từng bộ, từng địa phương thì phạm vi rộng hay hẹp có khác nhau. Thí dụ như Bộ giao thông vận tải thì xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn 5 năm và hằng năm của toàn ngành vận tải, còn thành phố Hà Nội thì xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Hà Nội v.v.

11. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế

Quản lý nhà nước về kinh tế là như trên đã nói, nhưng lâu nay trong

cơ chế tập trung quan liêu—bao cấp, các cơ quan nhà nước của ta lại không làm đúng như vậy. Nghĩa là rất ít làm chức năng quản lý vĩ mô mà lại đi can thiệp vào kinh doanh, bao biện, làm thay chức năng kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Do đó, cần phải đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế thực chất là tách nhà nước khỏi xí nghiệp, tách hành chính khỏi kinh doanh — tức là các cơ quan nhà nước không can thiệp vào kinh doanh mà trở lại làm tốt chức năng đích thực về quản lý kinh tế của mình. Nói một cách khác, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế là phân biệt rõ và kết hợp tốt hai chức năng quản lý kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh theo hướng: quản lý kinh tế không bắt quản lý sản xuất kinh doanh phải chạy trên hai “đường ray” của quản lý kinh tế mà được đi trong “hành lang” của quản lý kinh tế. Hay là nhà nước không điều khiển các đơn vị kinh tế như điều khiển các đội “đồng diễn” mà nên như người trọng tài điều khiển các đội bóng đá, cho phép các đội bóng được tìm mọi cách làm bàn và ghi thời còi khi họ phạm luật.

Về mối quan hệ cụ thể giữa quản lý kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh trên một số lĩnh vực chủ yếu, có thể hiểu như sau:

Về *kế hoạch*, nhà nước xây dựng kế hoạch kinh tế quốc dân và thông báo cho các đơn vị kinh tế biết các nội dung liên quan. Các đơn vị kinh tế dựa vào định hướng của kế hoạch nhà nước, khả năng của mình và nhu cầu của xã hội để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh thông qua hợp đồng kinh tế. Trước mắt, nhà nước còn giao cho các xí nghiệp từ 1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh như đã nói trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng, nhưng sau này có thể thay chỉ tiêu pháp lệnh bằng hình

thức đơn đặt hàng và thuế kinh doanh.

Về *tài chính*, nhà nước ban hành chính sách tài chính quốc gia và các luật pháp về thuế. Đối với các xí nghiệp, nhà nước chỉ cấp vốn ban đầu một lần, và các xí nghiệp sẽ hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế toàn phần, tự cấp vốn, lấy thu bù chi, lời ăn, lỗ chịu.

Về *giá cả*, nhà nước ban hành chính sách và quy định mức giá hoặc khung giá đối với một số loại vật tư, hàng hóa và dịch vụ trọng yếu nhất của nền kinh tế, còn nói chung đối với những hàng hóa khác thì thực hiện cơ chế giá kinh doanh, giao quyền cho người bán và người mua thỏa thuận giá với nhau theo nguyên tắc thuận mua vừa bán.

Về *tiền lương*, nhà nước ban hành chính sách chung, không khống chế mức lương tối đa và sẽ dùng thuế thu nhập để điều tiết những trường hợp thu nhập quá cao. Về quỹ tiền lương, hình thức trả lương và mức trả lương cụ thể đều do xí nghiệp quyết định gắn với doanh lợi của xí nghiệp và kết quả lao động của công nhân.

Về *xuất nhập khẩu*, nhà nước thống nhất quản lý ngoại thương và ký các hiệp định về ngoại thương với chính phủ các nước. Các xí nghiệp có đủ điều kiện xuất nhập khẩu theo quy định của nhà nước sẽ được trực tiếp ký kết và thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu với các tổ chức kinh tế liên quan của nước ngoài v.v.

Tóm lại, mối quan hệ giữa nhà nước với các đơn vị kinh tế theo cơ chế mới: xí nghiệp là những đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập, vận mệnh của nó không hoàn toàn phụ thuộc vào những mệnh lệnh chỉ thị của nhà nước. Nhà nước quản lý các xí nghiệp chủ yếu bằng pháp luật; trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước, các xí nghiệp được tự chủ sản xuất kinh doanh, có quyền làm mọi

việc cần thiết, hợp lý và có lợi để phục vụ tốt nhu cầu xã hội, thực hiện đúng cam kết với nước ngoài và nộp đủ thuế kinh doanh cho nhà nước.

Nhà nước nói đây bao gồm cả chính phủ trung ương và các cấp chính quyền địa phương, cho nên một nội dung quan trọng của đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế là tăng cường quyền hạn, trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các cấp chính quyền địa phương. Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng, vấn đề này được giải quyết như sau:

— Dựa vào quy hoạch và kế hoạch kinh tế quốc dân, chính quyền địa phương tiến hành xây dựng quy hoạch và kế hoạch trên địa bàn lãnh thổ để phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và làm tròn nghĩa vụ kinh tế đối với nhà nước trung ương.

— Trên cơ sở phân vùng kinh tế cả nước, chính quyền địa phương phải gắn kinh tế trên địa bàn địa phương với kinh tế chung của từng vùng lớn và của cả nước, khắc phục sự chia cắt theo cấp và theo địa giới hành chính. Chính quyền địa phương có trách nhiệm thúc đẩy quan hệ liên kết kinh tế và tổ chức điều hòa phối hợp hoạt động giữa các đơn vị kinh tế trung ương và địa phương trên địa bàn lãnh thổ, bảo đảm trật tự và an toàn xã hội.

— Việc phân cấp quản lý các đơn vị kinh tế phải xuất phát từ hiệu quả kinh tế xã hội; nguyên tắc là cấp nào quản lý có lợi nhất cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở thì giao cho cấp ấy quản lý.

— Ngân sách quốc gia là một thể thống nhất. Việc phân cấp quản lý ngân sách giữa trung ương và địa phương phải theo một tỷ lệ hợp lý trong từng thời kỳ để bảo đảm chỉ tiêu cho cả trung ương và địa phương.

khuyến khích những nơi làm ăn có hiệu quả, đồng thời bảo đảm sự phát triển đồng đều giữa các vùng, có ưu tiên đối với vùng trọng điểm.

— Cơ chế quan hệ kinh tế giữa trung ương và địa phương là cơ chế “giao khoán”. Trung ương sẽ ổn định nghĩa vụ cho các địa phương trong từng thời gian và trên cơ sở làm tròn nghĩa vụ đối với trung ương, các địa phương có quyền sử dụng toàn bộ giá trị và sản phẩm còn lại để phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân địa phương.

Để có thể đổi mới quản lý về kinh tế, cần làm hai việc quan trọng:

Một là, tăng cường công tác thông tin kinh tế, thông tin khoa học kỹ thuật, kể cả trong nước và thế giới. Đặc biệt chú ý thông tin về tình hình thị trường, giá cả và tiến bộ kỹ thuật. Đổi mới công tác thống kê cả về nội dung, phương pháp và tổ chức, nâng cao độ tin cậy của các số liệu để đáp ứng yêu cầu thông tin kinh tế và phát tích kinh tế. Phát triển nhiều hình thức dịch vụ và thông tin hoạt động theo phương thức hạch toán kinh tế, tiến tới thành lập ngân hàng dữ liệu.

Hai là, chấn chỉnh bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương theo hướng giảm bớt đầu mối quản lý, bỏ các khâu trung gian không cần thiết và tinh giản mạnh mẽ chế hành chính. Ở trung ương, vừa qua chúng ta đã sáp nhập một số bộ, nay cần nghiên cứu thu gọn hơn nữa. Cần thu gọn các bộ là vì hai lý do: nếu còn nhiều bộ, nhiều người thì bộ máy đó sẽ xâm nhập kinh doanh, sẽ bày đặt ra những việc không cần thiết gây phiền hà cho cơ sở; trái lại nếu còn ít bộ ít người thì cấp trên có muốn can thiệp nhiều vào cơ sở cũng không được. Khi đã phân biệt rõ hai chức năng quản lý và giao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị kinh tế thì ở trung ương chỉ làm các việc “vĩ mô”, không

cần thiết phải có nhiều bộ. Bộ máy ở các tỉnh thành cũng sẽ giảm bớt một cách tương ứng, không nhất thiết ở trung ương có bộ nào thì ở địa phương có sở ấy.

Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế là một vấn đề mới, những ý kiến trên đây nhằm đóng góp vào công việc nghiên cứu chung hiện nay.

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TRẦN THÁI NGUYÊN *

NHÀ nước xã hội chủ nghĩa có vai trò hết sức to lớn đối với các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước, cũng như đối với quá trình kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế.

Tuy nhiên, với tư cách là nhà nước, dù đó là nhà nước xã hội chủ nghĩa thì sự tác động của nó vào các quá trình kinh tế vẫn có những giới hạn nhất định chứ không phải nhà nước và chủ thể kinh doanh hòa với nhau làm một. Việc nghiên cứu để tìm kiếm những giới hạn mà ở đó, nhà nước vừa *phát huy* mạnh mẽ hiệu lực quản lý của mình, vừa không gây cản trở đối với các chủ thể kinh doanh, ngược lại, tạo ra những điều kiện, môi trường, những « kênh » vận động để chủ thể kinh doanh tự do hành động, sẽ có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Đây là một vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp, tuy đã được

đề cập đến nhiều lần, nhưng hoạt động thực tiễn thường không đem lại kết quả như chúng ta mong muốn. Ngược lại, trên một chừng mực nào đó, sự cản trở, chông chéo giảm dần lên nhau ngày càng nặng nề, sự hành trướng về bộ máy tổ chức của các cơ quan nhà nước ngày càng lớn và kém hiệu lực. Gánh nặng đó đã đặt lên vai ngân sách nhà nước, lên các cơ sở sản xuất và người lao động trên cả hai mặt: tiêu phi thu nhập quốc dân quá mức và cản trở sản xuất phát triển.

Rõ ràng không chỉ và không thể tách riêng vấn đề chức năng quản lý của nhà nước để nghiên cứu mà phải đặt và giải quyết nó trong tổng thể những vấn đề hết sức cơ bản có liên quan.

1—Về cách tiếp cận vấn đề. Thực tiễn ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng như ở nước ta cho thấy việc cải tổ về căn bản bộ máy nhà nước là một yêu cầu, một đòi hỏi khách quan nhằm hoàn thiện cơ chế dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, chính quyền về tay nhân dân đã mấy chục năm, nhưng quãng thời gian để nhà nước tiếp cận với các quá trình kinh tế còn rất ngắn ngủi. Nội dung nhà nước quản lý về kinh tế lại bị che lấp và bị xuyên tạc bởi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, với quan niệm rất giản đơn và sai trệch về chức năng kinh tế của nhà nước, muốn xây dựng ngay các quan hệ kinh tế - xã hội theo lý tưởng, muốn nhà nước trực tiếp ra lệnh bằng chỉ tiêu cho từng

* Vụ trưởng - Ban nông nghiệp TƯ

hoạt động kinh tế — dù nhỏ — đối với mọi thành phần kinh tế. Từ quan niệm không đúng về chức năng quản lý của nhà nước về kinh tế, dẫn đến sự lo ngại các quan hệ kinh tế tuột khỏi tay cơ quan nhà nước, bị điều chỉnh bằng quan hệ thị trường, và xem đó như là nhà nước đã rời bỏ chức năng kinh tế của mình.

Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải làm rõ ở một mức độ cần thiết xem đâu là các hành vi nhà nước, đâu là các hành vi kinh doanh.

2 — Phải bắt đầu từ cơ sở. Các cơ sở kinh tế hay chủ thể kinh doanh với tư cách là đối tượng « quản lý » của nhà nước có vị trí cực kỳ quan trọng, nó quy định cả về nội dung và hình thức hành vi nhà nước. Kiểu tổ chức cơ sở nào có cách ứng xử của nhà nước tương ứng.

— Đối với kiểu chủ thể kinh doanh (cả quốc doanh và tập thể) hoạt động theo cơ chế « cấp phát — giao nộp » thì nhiều việc của cơ sở, nhà nước làm thay như bố trí cơ cấu sản xuất (các cây, con, mùa vụ), xây dựng cơ sở vật chất (bao nhiêu sân, kho, chuồng trại và quy mô lớn, bé ra sao), định mức thù lao, định mức kinh tế kỹ thuật, định quy mô tổ chức, định bộ máy giúp việc... Có nhiều việc khác đã *lam quyền* cơ sở như duyệt mua cái này hay cái khác, duyệt sử dụng các quỹ, thậm chí điều hành sử dụng quỹ của hợp tác xã và xí nghiệp; tự quyết định kiểm tra tài chính bất kỳ lúc nào tùy theo « yêu cầu của nhà nước »...

Với những « chức năng » đó bộ máy nhà nước ngày càng phình to ra, nhưng hiệu lực quản lý lại giảm dần. Thực tế Nhà nước ta đang làm rất nhiều việc, thậm chí lo cả sự lỗ lãi của xí nghiệp, lo cả sự no đói của công nhân. Song tâm trạng chung của tất cả mọi thành viên được nhà nước lo cho vẫn cảm thấy sự « thừa » của nhà nước, và luôn luôn tìm cách trốn tránh sự giúp đỡ, kiểm soát của nhà

nước. Đáng tiếc là tình hình đó ngày càng nặng nề, nhất là đối với các xí nghiệp quốc doanh. Thực trạng đó là: nhà nước « nắm » cơ sở theo kiểu « đười ươi giữ ống »; còn cơ sở chủ động kinh doanh theo kiểu « thoi kèn nhưng người khác bịt lỗ ». Ở huyện II, một huyện vào loại nghèo của nước ta có 70 chủ nhiệm hợp tác xã, hơn 20 giám đốc xí nghiệp, mà có tới 200 cán bộ ngân hàng, trong đó có 140 người làm nhiệm vụ « chuyên quản » (tức là được giao nhiệm vụ phụ trách một số xí nghiệp và thường xuyên theo dõi, giám sát việc chi tiêu, làm ăn của xí nghiệp). Ở huyện này không phải chỉ có ngân hàng « chuyên quản » mà tài chính, công an, kiểm sát, thanh tra, tổ chức v.v. cũng đều được phân công như vậy. Phải chăng đây là « mô típ » chung cho cả nước! Còn cấp tỉnh, cấp trung ương thì có gì khác hay về cơ bản vẫn không thay đổi? Liệu 200 cán bộ ngân hàng này đã là đủ hay còn thiếu? Đây là lực lượng chủ yếu chống lại một cách mãnh liệt chủ trương giảm biên chế hành chính của nhà nước.

Nhân đây, cần nhắc lại một ví dụ: đã một thời, chúng ta còn quản lý cả xe đạp, cả ra đi ô của công dân. Khi đó chúng ta đã lập luận rằng nếu không có sự quản lý như vậy (cấp giấy chứng nhận sở hữu, xét duyệt đi chuyên, v.v.) thì trong xã hội sẽ xảy ra nhiều tiêu cực, nhưng từ ngày có quyết định xóa bỏ kiểu quản lý đó tình hình không vì thế mà tiêu cực hơn, trái lại đỡ phiền hà hơn! Phải chăng đây là một thực tế để ta mạnh dạn « truy tìm » những kiểu quản lý gì đang tồn tại giống kiểu « quản lý xe đạp » khi xưa. Vấn đề ở đây là: những cái gì không cần thiết thì kiên quyết xóa bỏ, chứ không phải chỉ « giảm » quy mô và cường độ các việc đó. Vì lẽ đó, ngay cách đặt vấn đề « chống sự can thiệp sâu của nhà nước vào hoạt động kinh doanh của xí nghiệp », theo tôi cũng là không chính xác.

— Nếu chuyển sang kiểu *xi nghiệp tự quản* (tự cấp phát tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả kinh doanh, tự tái sản xuất mở rộng...) thì tình hình chắc chắn sẽ khác. Phần lớn những "công việc" nhà nước" như trên sẽ không cần thiết, phải trả lại cho cơ sở (không phải là "mở rộng quyền" theo kiểu ban ơn mà nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm cho cơ sở các quyền mà cơ sở phải có). Không phải vì thế mà nhà nước buông lỏng quản lý hoặc cơ sở tự do tùy tiện. Nhà nước hoàn toàn có điều kiện và khả năng xác lập chỗ đứng trên những vấn đề cơ bản, bởi lẽ, nếu không phải là nhà nước thì không ai thay thế được. Đây là vấn đề khó khăn phức tạp và còn rất mới mẻ, cần được quan tâm nghiên cứu và có sự thử nghiệm thận trọng.

3 — *Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước* bao gồm: đổi mới công tác kế hoạch hóa, đổi mới hệ thống các chính sách đòn bẩy kinh tế (thuế, đầu tư, giá cả, lưu thông tiền tệ, lao động và tiền lương), đổi mới các công cụ luật pháp, đổi mới hệ thống tổ chức bộ máy và các mối quan hệ. Việc xác định "chức năng" quản lý nhà nước có liên quan chặt chẽ và được quyết định bởi toàn bộ những nội dung cơ bản này.

Bài này không đề cập đến nội dung các vấn đề trên, mà chỉ bàn đến một khía cạnh nhỏ là xác định đúng *chức năng và nhiệm vụ* của các cơ quan nhà nước, đặc biệt về phương diện quản lý kinh tế. Về mặt này, nhà nước cần phải làm tốt một số chức năng sau:

Chức năng thứ nhất là định hướng phát triển nền kinh tế. Chức năng này bao gồm các công việc vạch chiến lược phát triển kinh tế—xã hội và kế hoạch kinh tế quốc dân dài hạn; xây dựng những ngành kinh tế mũi nhọn

hay then chốt; xây dựng cấu trúc hạ tầng, lựa chọn các hình thức tổ chức và bước đi thích hợp cho quá trình cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới; nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật và công nghệ; đào tạo cán bộ; tổ chức dịch vụ thông tin kinh tế, v.v.

Chức năng thứ hai là điều chỉnh các hoạt động kinh tế—xã hội theo định hướng chiến lược thông qua một hệ thống chính sách kinh tế được thể chế hóa thành một hệ thống pháp luật thống nhất, có hiệu lực như chính sách thuế, chính sách đầu tư, lãi suất, chính sách xuất nhập khẩu...

Chức năng thứ ba là kiểm tra, kiểm sát, thực hiện quản lý luật pháp (ban hành và giám sát thi hành). Nước ta chưa có luật lệ gì đáng kể, có thể nói đây là lĩnh vực lỏng lẻo nhất. Mặt khác, chúng ta lại thiên về loại thể chế "nửa luật", từng mẩu, từng việc không mang tính hệ thống và cơ bản, tạo ra tình thế rất "lĩnh động" cho cả người thi hành và người giám sát thi hành. Trong luật thi có khuynh hướng thiết chế hóa trước hết và chủ yếu dành cho các đối tượng quản lý mà không có sự ràng buộc chế ngự đối với các tổ chức quyền lực. Tình hình này đánh lừa hoạt động thực tiễn của chúng ta. Nhiều ý kiến cho rằng ta chưa có điều kiện để luật hóa là không đúng. Chính đó cũng là một nhân tố làm yếu sự quản lý nhà nước.

Trong mối quan hệ giữa luật pháp và công dân, giữa luật pháp và hoạt động kinh doanh của cơ sở, ta thấy rằng, càng được tự do nhiều bao nhiêu, càng tự chịu trách nhiệm vật chất lớn bao nhiêu thì cơ sở sản xuất—chủ thể kinh doanh càng cần đến luật pháp, cần đến sự bảo hộ và giúp đỡ của nhà nước lớn bấy nhiêu.

Nếu không kiên quyết gạt bỏ cơ chế kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, không xác lập được cơ chế kinh doanh đúng đắn cho các đơn vị cơ sở và

người lao động thì không thể xác định chức năng quản lý phù hợp đối với các cơ quan nhà nước.

Để thực hiện chức năng trên đây, các cơ quan nhà nước phải đổi mới một cách căn bản phương thức hoạt động từ chỗ dùng mệnh lệnh hành chính, can thiệp trực tiếp vào các đơn vị kinh doanh, chuyển sang tác động gián tiếp thông qua hệ thống chính sách kinh tế, các công cụ luật pháp và các điều kiện vật chất mà nhà nước có được v.v.

Hiện nay, ở nước ta chức năng, nhiệm vụ cơ bản phải được xác định cụ thể cho từng cấp: tỉnh, huyện, xã. Việc phân định này cần tuân thủ một số nguyên tắc như:

— Trách nhiệm và quyền hạn mỗi cấp phải rõ, không chồng chéo, không làm thay, đùn đẩy cho nhau. Mỗi cấp phải tự chịu trách nhiệm về các phương pháp, các hình thức hoàn thành nhiệm vụ của mình.

— Quyền hạn phải gắn với trách nhiệm (cả kinh tế và hành chính), giao nhiệm vụ phải tạo điều kiện để hoàn thành, phải bảo đảm hài hòa giữa lợi ích từng cấp và cả nước.

— Việc gì cấp thấp hơn có thể làm được tốt thì kiên quyết trả cho cấp đó làm, cấp trên chỉ hướng dẫn, kiểm tra.

— Các chính sách chế độ quản lý phải bảo đảm sự thống nhất về nguyên tắc, đồng thời phải có dự địa được

quy định rõ để cấp dưới vận dụng cho phù hợp với thực tế đa dạng, phức tạp của đất nước. Bảo đảm sự thống nhất căn bản giữa « phép vua » và « lệ làng » vốn chưa thể xóa bỏ ngay một lúc trong phạm vi cả nước.

— Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh và kịp thời mọi sự vi phạm, gây hậu quả xấu.

Trên một mức độ lớn, vấn đề tiếp tục phân cấp cho cấp dưới còn phải được nghiên cứu và tiến hành triệt để hơn chứ không phải đã « quá nhiều ». Đồng thời cần khẳng định UBND, các sở không phải là cơ quan kinh doanh.

Đối với các cơ quan quản lý tổng hợp của nhà nước cũng cần nghiên cứu một cách nghiêm túc nhằm nâng cao hiệu lực và chất lượng hoạt động cho phù hợp với cơ chế quản lý mới, đặc biệt là các tổ chức như ngân hàng, ngoại thương là những cơ quan đang nhập cục hai chức năng trong một tổ chức: vừa quản lý nhà nước, vừa quản lý kinh doanh.

Đối với các bộ gọi là « quản lý ngành » cũng còn hàng loạt vấn đề cần được làm rõ chứ không thể kéo dài thực trạng hiện nay. Việc nhập bộ này với bộ kia, tuy có những mặt hợp lý, nhưng về cơ bản chưa giải đáp đúng những vướng mắc hiện nay và chưa nâng cao chất lượng hoạt động cho bản thân các cơ quan nhà nước trên lĩnh vực mà mình phụ trách.

Hội nghị bàn tròn

VĂN NGHỆ TA ĐỔI MỚI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG *

BÙI CÔNG HÙNG: Về mối quan hệ giữa đời sống và văn học, tôi cho rằng phạm vi đời sống phản ánh trong văn học không chỉ là các sự kiện lịch sử, chính trị, các hoạt động trực tiếp sản xuất, chiến đấu, mặc dù đó là phạm vi đề tài quan trọng và phải đặc biệt chú ý. Chúng ta vốn sợ cái đời thường đã quá lâu. Gần đây nhiều tác phẩm nghệ thuật đã phản ánh đời sống với một dung lượng phong phú, đa dạng, hợp lý hơn. Đó là sự thành công của Mùa lá rụng trong vườn, Bao giờ cho đến tháng mười, Người đàn bà ngồi đan, Đợi đến mùa xuân, Thời xa vắng, Gió từ miền cát... Một mặt, cần phản ánh đời sống con người sao cho phong phú, toàn diện hơn. Mặt khác, văn học ta phải tìm hiểu cách nói, cách nghĩ và những vấn đề của con người trên hành tinh ở cuối thế kỷ 20 để ta có thể đóng góp phần của ta và tham gia thảo luận với toàn thế giới.

Về phương thức phản ánh hiện thực, có thời gian chúng ta chỉ ca ngợi phương thức phản ánh cuộc sống giống như nó vốn tồn tại trong thực tế, lấy đó làm chuẩn mực. Trong khi đó, để phản ánh hiện thực còn có biết bao

phương thức khác: lãng mạn, huyền thoại, tượng trưng, ẩn tượng...

Về tác dụng của văn nghệ đối với đời sống, đối với cách mạng, phải xét **tổng hợp** của rất nhiều tác phẩm, nhiều thời kỳ, nhiều loại hình khác nhau. Không thể đòi tất cả mọi thứ trong một tác phẩm vì người ta có phải chỉ đọc, chỉ xem một tác phẩm ấy đâu. Nếu xét tác phẩm trong tổng thể rộng lớn thì ta đánh giá bởi khiên cường, tùy tiện, khắt khe, đơn giản.

Trong phản ánh hiện thực, theo tôi cần phải tìm tòi, mở rộng từ nội dung, đề tài đến hình thức, thể loại. Tất nhiên mọi sự tìm tòi, mở rộng đều nằm trong giới hạn có thể của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt nam, đều dựa trên cơ sở những thành tựu của đường lối văn nghệ đúng đắn của Đảng ta.

(Nhân đây, xin nói thêm rằng trong tham luận của anh **LÊ THÀNH NGHỊ** gửi trước đến hội nghị (1) cũng có bàn đến vấn đề này như sau :

* Xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 3-1983.

(1) Có một số đồng chí đã gửi đề cương, những ý kiến về phát biểu, nhưng vì lý do đột xuất không đến được.

«Phản ánh hiện thực — đó là thuộc tính của văn học, nhưng mục đích của văn học có lẽ không chỉ dừng lại ở đó. Dùng hiện thực làm phương tiện, văn học còn đi xa hơn nữa: nó nhằm mục đích hoàn thiện con người... Ở nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc phản ánh chân thực cuộc sống được nâng lên ở một cấp độ mới, làm nên đặc điểm mới của văn học. Đó là hiện thực cuộc sống được nhận thức, đánh giá và phản ánh trong sự phát triển, nghĩa là một hiện thực muôn màu, muôn vẻ đang chuyển động, gồm những điều đã, đang và sẽ xảy ra... Chính điều này làm xuất hiện nhiều hơn, kích thích nhiều hơn khả năng nhìn thấy trước, dự báo trước... của nghệ sĩ đối với hiện thực cuộc sống...»

Theo tinh thần ấy, trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, văn học ta có nhiều tác phẩm xuất sắc chính phục được đông đảo bạn đọc, đặc biệt ở tình trung thực hiện thực. Hình ảnh hai cuộc kháng chiến, trong đó cốt lõi nhất là vai trò của quần chúng nhân dân chiến đấu và hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc, được đặc biệt in đậm trong bức tranh hiện thực chung của văn học.

Tuy nhiên nhìn lại, chiến tranh đã kết thúc hơn mười năm rồi mà chúng ta vẫn chưa chú ý đầy đủ đến mọi khía cạnh của cái thực trong văn học. Ở đây có các quan niệm đơn giản và phiến diện như đánh đồng hiện thực cuộc sống khách quan và hiện thực trong tác phẩm, chỉ tiếp cận một mặt nào đó của hiện thực, nghèo ở cách biểu đạt sự thật... Các quan niệm đó vô tình chỉ khuyến khích có mỗi một cách viết, đó là đi tìm « cái giống như thật » của đời sống trong văn học. Trong các bài phê bình mấy chục năm qua, chúng ta luôn bắt gặp một cách làm quen thuộc là đối chiếu hiện thực được phản ánh trong tác phẩm với thực tế cuộc sống tại địa điểm mà cuốn sách đề cập đến... »).

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ: Tôi xin nói vài lời dưới góc độ của người sáng tác. Theo tôi, muốn nói lên công việc hôm nay và sự đổi mới phải nhớ lại quá khứ, nhìn nhận, đánh giá nó trên quan điểm lịch sử và trước yêu cầu của đổi mới.

Trước 1975, trong không khí cả nước có chiến tranh, văn học bám sát nhiệm vụ chính trị: tất cả đề đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tất cả đề thống nhất Tổ quốc. Người viết luôn phải đặt mình trước sứ mệnh cao cả thiêng liêng và xã hội cũng nhìn nhận và đánh giá nhà văn theo yêu cầu đó. Những gì ngược lại, những gì làm ảnh hưởng đến yêu cầu đó đều bị phê phán, loại trừ.

Đi về những nơi tiền tuyến, viết về những người tiền tuyến, đó là những lời kêu gọi. Không có văn bản nào ngăn cấm viết về cái xấu, cái tiêu cực, nhưng trên thực tế viết về những điều đó rất khó, đòi hỏi người viết phải có bản lĩnh — trước tiên là với biên tập nhà xuất bản. Tiểu thuyết Đất làng của tôi — kết quả sau những chuyến đi thực tế dài ngày về những nơi tiền tuyến (nhưng lại có những người xấu, có những tệ nạn xã hội) — đã gặp nhiều khó khăn và 7 năm sau mới được in. Gần đây nhất cuốn Hạt mùa sau (in năm 1981) có một câu ghi ở trang đầu cuốn sách: « Những sự việc viết trong sách tôi không nhằm vào cá nhân cụ thể nào... » nên mới có thể xuất bản được. Mời đây, một độc giả trẻ hỏi tôi: « Tại sao một cuốn sách viết những chuyện khá mạnh dạn như thế lại có những câu đề tựa như thế ? » Tại sao ư ? Thà cuốn sách được in với một câu thanh minh như thế còn hơn là không được in.

Vì thế, theo tôi, khi nhìn nhận lại quá khứ chúng ta phải đặt nó trong không khí chung: sự khác nhau giữa thời chiến và thời bình, mâu thuẫn địch ta và mâu thuẫn nội bộ trong cuộc đấu tranh và phát triển.

Tôi nghĩ, nếu trước đây viết về cái tốt, ngợi ca, biểu dương thành tích, né tránh cái xấu, cái tiêu cực là giản đơn, là phiến diện thì việc hôm nay chỉ nói về cái xấu, cái tiêu cực, cái cản trở, bỏ qua những mặt tốt đẹp của cuộc sống lại cũng là cực đoan, phi lý và không hiện thực. Bởi vì cuộc sống dù ở thời điểm nào cũng không phải chỉ có tốt, có tiến tiến, anh hùng hoặc chỉ có xấu, có tiêu cực. Điều cốt yếu là gọi ra được đúng tên, ca ngợi hay phê phán đúng độ, làm sao cho người đọc yêu mến khám phục cái tốt đẹp, cái cao cả cũng như phải ghê sợ, căm ghét cái xấu xa.

Tôi rất ngại những ai thời nào cũng tỏ ra mình là người đúng đắn và tiến bộ nhất. Trước đây thì lớn tiếng phê phán và đe nẹt những người viết về cái xấu, cái tiêu cực, bây giờ thì cũng chính những người ấy lại la lối, phi báng viết như trước đây là công thức là minh họa!

Có những khó khăn mới tưởng như rất nhỏ nhưng lại ảnh hưởng lớn đến sáng tác: giá giấy quá cao, giá thành một cuốn sách quá đắt. In một cuốn sách nhà xuất bản phải bù lỗ nhiều, vì thế có những cuốn sách tốt phải nằm chơ. Khuyết hưởng thương mại trong văn học đang như có nguy cơ phát triển và lấn lướt. Số trang bao nhiêu là vừa, tên sách là gì cho hấp dẫn, viết về đề tài gì thì bán chạy? Nhà văn lại phải nghĩ nhiều đến việc làm sao để sách của mình được in ra mà nhà xuất bản không phải bù lỗ (vì không phải bù lỗ thì cuốn sách mới được in). Có những cuốn sách giá trị văn học không cao nhưng đáp ứng được thị hiếu của loại độc giả đang làm chủ thị trường, đã được in với số lượng gấp bội và bán rất chạy, đem lại lợi nhuận cao. Nhân nhân trên các quầy sách, giá sách là những cuốn chuyện làm ly ái tình, giết gán, vụ án... Nhà văn sẽ phải dừng cân đề giáo dục thẩm mỹ độc giả hay là chạy theo bất cứ thị hiếu nào của họ? Đó

phải chăng là những điều cần xem xét, khắc phục và đòi hỏi một sự đổi mới để tạo dựng nên một nền văn học đích thực, chân chính?

PHƯƠNG LUY: Trong việc đánh giá cái đã qua, chúng ta đã đi đến thống nhất phải vừa có quan điểm lịch sử, vừa có quan điểm hiện đại, nhưng khi «ráp khớp» để soi xét những vấn đề thực tế, vẫn còn thấy vướng. Có lẽ ở đây còn có những quan hệ như giữa ưu với khuyết, cá nhân với lịch sử, phê phán với kế thừa v.v. cần được đi sâu thêm. Nếu có lúc có những ưu điểm của cá nhân đã hạn chế bớt sai lầm của lịch sử như trường hợp *Quê hương Việt nam* của anh Xuân Trinh vừa nêu thì cũng có những sai lầm của cá nhân đã tô đậm thêm cho những hạn chế của lịch sử. Cho nên, quan điểm lịch sử không có nghĩa là không nói đến những sai lầm, và ngược lại quan điểm hiện đại càng không có nghĩa là bỏ qua những thành tựu. Thành tựu và khuyết điểm đều phải được chỉ ra thật đầy đủ, không vì cái này mà thêm bớt cái kia.

Riêng về những biểu hiện sai sót trong quan hệ giữa văn nghệ với chính trị trước đây, xét về một mặt nào đấy, có thể khái quát như sau: chính trị chân chính như trung tâm thần kinh của xã hội. Nó đã quan trọng lại khó, cho nên mới sinh ra nhiều «hàng giả» và lan tràn ra toàn bộ đời sống xã hội, ngay cả trong khoa học, giáo dục v.v. chứ đâu phải chỉ ở văn nghệ. Tôi tán thành ý kiến anh Nguyễn Văn Hạnh, chính trị chân chính và lãnh đạo giới là phải làm cho mọi ngành hoạt động xã hội vẫn giữ nguyên được đặc trưng của chúng. Biến mọi thứ đều thành chính trị thì còn gì nữa mà lãnh đạo. Văn nghệ cũng có năm, bảy thứ, nhưng đã là văn nghệ chân chính thì luôn luôn chống đối thứ chính trị «giả» đó. Nhưng cũng chính vì thế mà nó lại vô cùng gần bó với chính trị chân chính, nhất là trong tình hình hiện nay...

Tôi tán thành hai khía cạnh trong sự day dứt của anh Nguyễn Minh Châu: văn nghệ mà minh họa thì phải vứt đi, và có nhiều tác phẩm minh họa cho chính trị. Nhưng nếu nói minh họa là do gần với chính trị thì sẽ vấp phải hai trở ngại. Một là có không ít tác phẩm rất chính trị mà không phải minh họa, như **Đường chúng ta đi** của Nguyễn Ngọc chẳng hạn. Hai là, viết về bất cứ cái gì thì tác phẩm hay bao giờ cũng rất ít, còn minh họa sông rộng cho ý đồ bản thân vẫn là nhiều. Một trăm bài thơ tình, chỉ có một bài hay mà thôi.

... Xưa nay văn nghệ vẫn chan chứa những cảm hứng quốc gia, dân tộc và thời đại. Không có lĩnh vực nào của chính trị, kể cả những lĩnh vực cơ mật, sẽ mãi mãi là vườn cấm đối với văn nghệ. Văn nghệ không nên và cũng chẳng tội gì mà tuyên bố chỉ chuyên về thân phận con người. Tóm lại, không nên phân biệt văn nghệ với chính trị từ những dấu hiệu như thời, từng nơi, từng lúc, có tính chất hình thức n'ư rộng hẹp, trên dưới, chung riêng, và kể cả dài ngắn nữa! Rất gần bó nhưng văn nghệ khác xa một trời một vực với chính trị. Chính trị là thứ «thực tiễn - tình thần». Nó có chế định đường lối, tuyên truyền chính sách, nhưng cuối cùng là phải giải quyết vấn đề thực tiễn. Văn nghệ, trái lại, là thứ «tình thần - thực tiễn» (Mác), đã đành là nó phải bám vào thực tiễn, nhưng chủ yếu là tác động vào tâm hồn con người...

Về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, nên xem lại ý kiến chính thức của Ban văn hóa văn nghệ TƯ ĐCS Liên xô (*Thông tin văn hóa văn nghệ* số 1/1988, tr. 60). Chúng ta cũng đã có ý kiến chính thức của đồng chí Tổng bí thư và Bộ chính trị về vấn đề này. Mặc dù vậy, theo thiện ý của tôi, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa với tư cách là một phương pháp sáng tác là một vấn đề học thuật, cần phải

được tiếp tục tìm tòi. Do đó, trên cơ sở thật lòng mong muốn nền văn học nước ta «phản ánh nguyện vọng sâu xa của nhân dân và quyết tâm của Đảng đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi», các ý kiến khác về phương pháp sáng tác này (cho rằng nó không tồn tại, không cần thiết hoặc có một phương pháp sáng tác nào (tốt hơn v.v.) đều không những có thể mà còn rất nên đưa ra để thảo luận. Dĩ nhiên, không phải chỉ tuyên bố mà phải chứng minh, không phải chỉ đề xuất mà còn phải phản bác lại toàn bộ quan niệm hiện có. Và đối với một số đồng chí, sự phản bác phải bao hàm sự tự phản bác, hoặc tự phê phán như chị Ngọc Tú đã nói, Tự phản bác sẽ làm cho sự phản bác trở nên nghiêm chỉnh hơn. Theo tôi, chỉ có những quan niệm lỗi thời về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mới bị tiêu vong, còn bản thân nó vẫn tồn tại bằng cách không ngừng đổi mới theo sự phát triển của thực tiễn cách mạng và ý thức hệ Mác-Lênin.

HÀ MINH ĐỨC: Từ sau Cách mạng Tháng Tám đường lối chính trị, văn nghệ của Đảng và hiện thực cách mạng đã đem lại cho văn nghệ một sức sáng tạo và tâm vóc mới. Đặc biệt qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, văn nghệ đạt được nhiều thành tựu. Không tránh khỏi còn có những sáng tác minh họa nhưng nhiều tác phẩm có thể đứng lại được với thời gian. Đường lối chính trị của Đảng và thực tế đôn lao của đất nước là hai nguồn lớn tác động đến sáng tác văn nghệ. Trong giai đoạn này có sự thống nhất cao giữa lý tưởng và hiện thực, giữa cái chung và cái riêng, giữa tác phẩm và người tiếp nhận. Đó cũng là cơ sở để tạo nên giá trị của những tác phẩm văn học chống Mỹ. Ở điểm này tôi đồng nhất với các anh Bùi Hiền, Xuân Trinh, chị Ngọc Tú: cảm hứng chủ đạo lúc đó là cảm hứng có thật.

gắn liền với lý tưởng. Đúng như anh Nguyễn Văn Hạnh nói, có làm lại chúng ta cũng không làm thêm được bao nhiêu.

Tuy nhiên ngày nay nhìn lại cũng thấy rõ phần hạn chế của một số sáng tác trong thời kỳ này. Đặc trưng nghệ thuật của tác phẩm còn yếu, nhiều mặt trong đời sống không được khai thác và phản ánh trong văn nghệ, vai trò sáng tạo chủ quan của người nghệ sĩ chưa được chú trọng và phát huy đúng mức, cái riêng ít được quan tâm, hướng nhận thức và giải quyết vấn đề trong tác phẩm văn nghệ có chỗ còn đơn giản. Những nhược điểm trong văn nghệ giai đoạn chống Mỹ có phải là tất yếu không? Phần nào do lịch sử, phần nào do cá nhân, có sự hạn chế nào không nằm trong đường lối, chính sách văn nghệ?

Từ 1975 đến nay chúng ta nhận thức và giải quyết những vấn đề đặt ra trong văn nghệ hơi chậm. Lẽ ra cần nhạy cảm tiếp nhận và phát huy cái mới nảy sinh trong đời sống và trong nghệ thuật. Lẽ ra cần có thái độ triệt để và kiên quyết hơn với những xu hướng nghệ thuật chạy theo thương mại và thị hiếu tầm thường. Văn nghệ phát triển chưa phù hợp với yêu cầu của đời sống, có những mặt còn nghèo nàn. Nhưng 12 năm vừa qua cũng là thời gian tìm tòi, trần trở trong sáng tác và hình thành nhiều cái mới thật sự trong văn nghệ, từ thơ ca, truyện ký đến sân khấu. Tuy thơ ca chưa phải là thể loại tiêu biểu nhất cho sự đổi mới, nhưng chúng ta cũng thấy nhiều cái mới trong sáng tác của Ý Nhi, Nguyễn Duy, Nguyễn Đình Thi, Ý Phương... Những đóng góp của Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu trong cách nhận thức và lý giải về cuộc sống, sự đòi hỏi cảm hứng sáng tạo và đối tượng phản ánh trong tác phẩm của Lê Lưu, cách tiếp cận và sử dụng chất liệu hiện thực trong nhiều truyện ngắn của các tác giả trẻ đều

là những nét mới trong truyện và ký những năm gần đây. Tôi nghĩ rằng, trong sự đổi mới chúng ta cần chỉ ra một cách thẳng thắn những hạn chế trong các tác phẩm của giai đoạn vừa qua, nhưng cũng phải tập trung sự chú ý vào việc phân tích, giới thiệu, khẳng định cái mới. Cái mới trong sáng tác văn chương là gì? Đã bộc lộ và hiện hình lên ở những mặt nào, với dáng vẻ nào (ở các thể loại văn học và các tác giả khác nhau)? Cái mới đã xuất hiện cần được nhận diện, khẳng định, tạo những điều kiện thuận lợi nhất để mở rộng sức sáng tạo của nó.

TẾ HANH: Tôi đồng ý với ý kiến anh Hồ Sĩ Vịnh, đúng là chúng ta rất nghiêm khắc với cái hữu khuynh nhưng ít phê cái tả khuynh; tôi cũng đồng ý với anh Trần Độ, anh Nguyễn Văn Hạnh là không nên đối lập văn nghệ với chính trị, nhưng nhập nó lại là sai, vì văn nghệ có đặc thù riêng của nó.

Đối với sự lãnh đạo của Đảng, tôi thấy rằng Đảng có những lúc mắc sai lầm, nhưng tôi bức dọc với tư cách người công dân nhiều hơn là với tư cách người sáng tác. Mình đi với Đảng trời lên sụt xuống cũng nhiều, nhưng thái độ của tôi là "dù người ta có đem thơ tôi gói bánh mì thì tôi vẫn đi với cách mạng" - nói như nhà thơ Hen-ri-ích Hai-nơ. Tự do hay không là do người sáng tác, ở trong tù nhiều khi vẫn sáng tác tự do kia mà! Người ta thường nói trước Cách mạng anh viết hay hơn sau Cách mạng, nhưng đó không phải là do Cách mạng, đó là tại anh thôi. Anh viết được hay không là do anh, yếu tố lãnh đạo chỉ là yếu tố khách quan.

Đi vào những chuyện cụ thể thì thời kỳ "Nhân văn - Giai phẩm" cũng có cái nói quá. Có tác giả viết là mùa hè nhìn thấy cây phượng già có độc, thì có người lại bảo đó là ám chỉ

Bác Hồ Tôi cho rằng thời kỳ ấy đấu tranh với « Nhân văn - Giai phẩm » là đúng nhưng có những cái quá đi và Hội nhà văn đề đến 30 năm mới xem lại vấn đề hội tịch của một số anh em thì quả là lâu quá... Các hội khác họ đều làm cả rồi như tổ chức triển lãm cho Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng v.v. Hay là đối với thơ mới ta cũng đã có những cái nhìn không đúng. Nhưng tôi không đồng ý là cả nền thơ 40 năm từ Cách mạng Tháng Tám đến nay không bằng thơ mới. Nhìn chưa đúng thì nhìn lại chứ không phải là sỗ toét những cái khác. Chuyện « phục hồi » cũng vậy. Pátéc-nhắc bảy giờ mới được phục hồi nhưng không phải người ta không thấy cái lớn của ông ta từ trước, chúng tôi biết từ năm 1967. Hàn Mặc Tử cũng vậy. Phục hồi nhưng phục hồi đến mức nào thôi. Hàn Mặc Tử lớn nhưng không có cái may gặp cách mạng. Anh Xuân Diệu không được thấy cái đổi mới hôm nay (ấy, tôi cứ hay lý luận cùn như vậy!). Những tác phẩm chính của tôi in ra có phải đều suôn sẻ cả đâu, tập thơ trữ tình *Gửi miền Bắc* hồi năm 1957 chẳng hạn. Nhưng tôi nghĩ không nên sỗ toét đi tất cả trong những lúc khó khăn. Cố nhiên là Đảng có những cái sai nhưng ngay cả những lúc nguy khó nhất Đảng vẫn dành nhiều thời gian cho văn nghệ.

HÀ XUÂN TRƯỜNG: Đề không khí sinh động hơn, đề nghị các đồng chí đổi thoại. Vấn đề đánh giá hôm qua từ quan điểm lịch sử như anh Phương Lưu nói, chúng ta đồng ý hay không đồng ý? Quan điểm từ hiện tại mà nhìn lịch sử và quan điểm lịch sử có gì mâu thuẫn?

Rồi mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị: trong trường hợp Đảng không đúng (cái này Đảng cũng đã nói) ta xử sự như thế nào? Ta đứng trong tập thể, nếu tập thể sai, ta cùng sai thì có phải là do ta chưa có bản

lĩnh không? Tôi nhớ anh Huy Cận có đọc cho tôi nghe bài thơ *Gửi đồng chí của Na-dim Ilit-mét* về sự tranh cãi đúng, sai, tìm chân lý của người đảng viên cộng sản: «...Đồng chí tin rằng đồng chí có chân lý. Xin đồng chí hãy cố chân lý cùng Đảng, có chân lý trong Đảng, có chân lý vì Đảng». Páp-lô Nê-ru-đa cũng có ý tương tự. Nhất là trong xã hội ta, chúng ta là máu thịt với Đảng, chúng ta sẽ xử sự ra sao khi có sự bất đồng của người văn nghệ sĩ với Đảng?

Các đồng chí đã nêu nhiều ý kiến về vấn đề văn nghệ và hiện thực. Cần nhìn nhận khách quan từ sau Đại hội VI của Đảng văn nghệ ta đổi mới được những gì, phải chăng như một số người nói, chúng ta mới nói những gì trước đây ta không nói hoặc chưa được nói? Phải chăng từ sau Đại hội VI, năm 1987 văn nghệ mới có khởi sắc? Những đánh giá của chúng ta về thành tựu những năm gần đây trên các hoạt động văn học và nghệ thuật để chào mừng những ngày kỷ niệm lớn của năm 1985 còn đúng nữa không? Căn cứ của thành tựu là tác phẩm. Ví dụ như *Thời xa vắng*. Tác phẩm viết năm nào anh Lê Lưu nhỉ? (Lê Lưu: viết năm 1981...) Đề nghị các đồng chí phát biểu cho rõ.

Nhiều đồng chí đã nhấn mạnh trách nhiệm của người văn nghệ sĩ trước sự đổi mới của Đảng. Theo tôi, đây là vấn đề quyết định cho sự cống hiến của văn nghệ đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng.

TẾ HANH: Tôi muốn nói thêm một câu: Tôi không cho anh Nguyễn Tư Nghiêm, anh Nguyễn Sáng giống các anh Lê Đạt, Trần Dần. Tôi chỉ muốn nói là Hội mỹ thuật làm sớm hơn thôi.

HÀ XUÂN TRƯỜNG: Tôi rất hiểu anh Tế Hanh. Tôi cũng quan tâm đến chuyện này. Theo tôi, không phải chỉ trong mỹ thuật, mà cả trong sân khấu, điện ảnh, âm nhạc gần như không có trường hợp nào như ở Hội nhà văn.

Có thể nói, tất cả những anh chị em ở các ngành trên có sai lầm trong vụ « Nhân văn—Giải phàm » đều tiếp tục hoạt động, đều trở lại là hội viên, có anh vào Ban chấp hành, có anh viết bài trên báo Đảng, làm đại biểu ra nước ngoài... Tại sao ở Hội nhà văn lại xảy ra tình trạng như vậy? Nhân đây cũng xin nói rằng khi còn có trách nhiệm ở Ban tuyên huấn và sau này ở Ban văn hóa—văn nghệ TƯ, tôi có nhắc các anh lãnh đạo Hội nhà văn về vấn đề này. Nhưng thủ thật, tôi chỉ tham gia đấu tranh về quan điểm, khi mở đầu, sau đó tôi đi học, tôi không hiểu các anh bị kỷ luật ở Hội nhà văn, cũng không biết anh nào là hội viên, anh nào là không hội viên. Nay đã có ý kiến của Ban bí thư rồi thì Hội nhà văn nên theo đó mà làm cho đúng (*). Nói đến sự lãnh đạo của Đảng (cái đúng cũng như cái sai), chúng ta cần phân tích có căn cứ, tránh chung chung, chỉ lời nói mà thiếu phân tích—để rơi vào chủ quan, tùy tiện.

PHAN CỤ ĐỆ: Nói về sự lãnh đạo của Đảng, về mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, gần đây có nhiều bài viết đã soi sáng ở những góc độ mới đáng quan tâm. Tuy nhiên, có những vấn đề, theo tôi, cần được trao đổi. Chẳng hạn, cho rằng « xu hướng chủ đạo », của văn nghệ trong 30 năm chiến tranh là *đã tuyệt đối hóa chính trị, đồng nhất chính trị với văn nghệ, đồng nhất phê bình văn học với phê bình tuyên huấn*. Hoặc trong « giai đoạn văn nghệ minh họa » đó, nhà sáng tác chỉ làm việc tình cảm hóa nội dung chính trị, chỉ nói lên những cảm hứng và tư tưởng do Nhà nước bao cấp; còn trong lĩnh vực lý luận phê bình thì diễn ra « *sự thống trị quá ư tuyệt đối của giọng phê bình quyền uy, của tư duy quyền uy* » và bên cạnh phê bình quyền uy là phê bình xu phụ, nó là « *đầy tớ* », là « *bạn đường* » của phê bình quyền uy! Do « sự độc đoán

và chế áp của lãnh đạo văn nghệ », do « *sự chuyên quyền độc đoán và thối nhũn lại thời gian trước* » nên mấy chục năm qua, tư do sáng tác chỉ có đối với văn học minh họa. Thứ văn học này là của những nhà văn đánh mất cái đầu và những tác phẩm văn học đánh mất tinh tu tưởng.

Những nhận định nói trên về quyền tự do sáng tác của văn nghệ sĩ, về mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ có màu sắc cực đoan và thiếu cơ sở khoa học. Ngay từ hồi 1979—1980 cũng có ai nói đến hai chữ « *phủ nhận* » đâu, nhưng nội dung và cách nói bao trùm cả nền văn nghệ như thế đã gây một ấn tượng và tác hại khập khiễng quan là phủ nhận, khiến cho nhiều đồng chí lãnh đạo và các nhà lý luận phê bình, các nhà sáng tác phải lên tiếng phê phán. Nếu « *đặc điểm phổ quát* » của văn nghệ mấy chục năm qua là « *chủ nghĩa hiện thực phải đạo* » thì còn gì là văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Quan niệm đó hồi 1979 là không đúng, bây giờ so với cách đánh giá của Nghị quyết BCT tháng 12 năm 1987 cũng vẫn không đúng. Mà hiện nay, thái độ phủ nhận xem ra lại còn gay gắt hơn trước. Thái độ phủ nhận đó không phù hợp với tinh thần đổi mới tư duy chân chính. Liên xô làm tuyển 15 tập về văn học Việt nam hiện đại đâu phải là ngẫu nhiên, chỉ để tuyên truyền? Trong thời gian qua, trên văn bản, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng đã thường xuyên nhắc nhở các cán bộ chính trị của Đảng phải tôn

(*) Về vấn đề « Nhân văn—Giải phàm » Ban bí thư Trung ương Đảng đã có ý kiến: Đây là một vụ án chính trị đã được kết luận và giải quyết, không xét lại vụ án này. Hiện nay, Ban bí thư đồng ý đề Ban văn hóa—văn nghệ TƯ cùng các cơ quan hữu quan xem xét cụ thể từng văn nghệ sĩ đã tham gia « Nhân văn—Giải phàm » và từng tác phẩm của họ, căn cứ vào thái độ và hoạt động của từng người mà xét việc kết nạp lại hội viên Hội nhà văn Việt nam (không gọi là *khôi phục hội tịch*) (Ngọc Lê).

trọng tính chủ động và óc sáng tạo của nghệ sĩ, phải chú ý đến những đặc trưng và quy luật riêng của nghệ thuật. Tuy nhiên, ở từng thời điểm, từng địa phương, từng cơ quan và tạp chí nhất định, chúng ta vẫn phạm những thiếu sót, những sai lầm nhất định do nhận thức ấu trĩ về lý luận văn nghệ, do phương thức quản lý còn có chỗ gò bó, thiếu dân chủ, do những điều kiện hạn chế khắc nghiệt của chiến tranh, do sự giao lưu văn hóa với nước ngoài chưa được mở rộng. Tôi cho rằng những thiếu sót, những sai lầm đó về cơ bản không bắt nguồn từ bản chất của đường lối chính trị, đường lối văn nghệ của Đảng. Chiến thắng lịch sử năm 1975 đánh bại cuộc chiến tranh tổng lực của đế quốc Mỹ là chiến thắng của đường lối chính trị, đường lối quân sự và cả đường lối văn nghệ đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta.

Qua các cuộc thảo luận, chúng ta đã thống nhất với nhau, trước đây nói « văn nghệ phục vụ chính trị » có nghĩa là văn nghệ phục vụ đường lối chính trị của Đảng chứ không phải hình thái văn nghệ phục vụ hình thái chính trị hay cán bộ văn nghệ phục vụ cán bộ chính trị. Chúng ta cũng tìm hiểu sâu hơn về những đặc trưng của văn nghệ so với chính trị. Tuy nhiên chúng ta chưa nói nhiều đến sự tác động qua lại giữa chúng với nhau, đặc biệt là sự thống nhất giữa chính trị và văn nghệ trong nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Một số đồng chí cho rằng *chính trị là tiếng nói của cái chung, là lợi ích của số đông, còn văn học là tiếng nói của cái riêng, là tiếng nói nhân danh cá nhân, là nỗi đau riêng của từng cá thể...* Thật ra không có sự phân công quá tách biệt như trên. Văn học vừa nói cái riêng lại vừa nói cái chung, hay chính xác hơn, *văn học phản ánh cái chung thông qua cái riêng, thông*

qua giọng điệu và phong cách riêng của nhà văn.

Về vấn đề tự do của văn nghệ sĩ, một số đồng chí cho rằng trong 30 năm chiến tranh, các nhà văn bị chính trị gò bó, không được quyền có tư tưởng riêng; rằng chính trị là pháp quyền, là cơ chế quan phương trong khi nghệ thuật là thứ ý thức phi quan phương, nên không tránh khỏi khả năng « đụng độ ». Những ý kiến này cần được thảo luận. Theo tôi, không nên nói chính trị chung chung hay văn nghệ chung chung. Tất nhiên, để bảo đảm tự do sáng tác phải có một phương thức quản lý thực sự dân chủ. Nhưng cốt lõi của vấn đề tự do sáng tác dưới chế độ ta là ở chỗ người nghệ sĩ tự nguyện gắn bó cá nhân mình với sự nghiệp chung của dân tộc, của Đảng. Điều cuối cùng tôi muốn phát biểu là chúng ta đôi khi phải dựa trên cơ sở khoa học và thực sự đoàn kết.

NGUYỄN VĂN LƯU : Văn nghệ ta hiện nay cần phải đôi khi tất cả các khâu, các mặt dựa trên nguyên tắc đoàn kết và khoa học. Về những quan điểm lý luận, về đường lối chung trong văn nghệ tôi thấy không cần phải bàn lại. Điều cần bàn là trình độ nhận thức và vận dụng của chúng ta, là cách tổ chức của chúng ta.

Chẳng hạn, trong lý luận có nói đến chức năng khám phá nhận thức của văn nghệ, nhưng trong thực tiễn chúng ta chưa giải quyết đúng. Chúng ta tuyệt đối hóa sự đúng đắn của đường lối nghị quyết của Đảng, cho rằng văn nghệ chỉ cần phải phản ánh hiện thực theo đường lối nghị quyết đó. Yêu cầu này thật ra có lý do của nó. Nhưng chỉ nhấn mạnh mặt này chúng ta sẽ làm giảm sút tính năng động trong chức năng khám phá, nhận thức của văn nghệ.

Về quan hệ chính trị và văn nghệ thì rõ ràng chính trị và văn nghệ xã hội chủ nghĩa cùng thống nhất với nhau ở

mục đích vì con người. Nhưng phải thấy chính trị là sự khái quát đời sống để tổ chức đời sống đi theo hướng khái quát đó, còn văn nghệ là sự phản ánh một cách khái quát những con đường của đời sống đang hoặc sẽ diễn ra thông qua hình tượng nghệ thuật với chiều sâu tâm hồn và tình cảm. Sự khái quát của chính trị và văn nghệ có thể khác nhau nhưng chúng bổ sung cho nhau. Ở đây kinh nghiệm của anh Nguyễn Khải rất đáng chú ý: nhà văn khám phá, khái quát cuộc sống theo quan điểm, đường lối của Đảng, nhưng nếu thực tiễn cuộc sống có sự khác biệt thì nhà văn phải có ý thức nghệ sĩ, dám nói sự thật chứ không nên uốn éo đi.

Về lý luận chúng ta luôn đề cao vai trò của văn nghệ, chức năng và thiên chức của văn nghệ sĩ, nhưng trên thực tế việc đầu tư, đối xử lại không được như thế. Đó là chưa nói đến công tác tổ chức trong văn nghệ rất yếu. Gần đây có ý kiến cho rằng chúng ta đã biến nhà văn thành viên chức ăn lương nhà nước để làm công tác văn học. Lại có ý kiến cho rằng như vậy là cần thiết. Thật ra ở nước ta, người viết văn phần nhiều là làm tay trái, nghĩa là không phải sống bằng ngòi bút. Chế độ nhuận bút lại không ràng buộc nhà văn với giá trị tác phẩm, không bảo đảm điều kiện tối thiểu cho nhà văn sống và viết, nghĩa là cách tổ chức rất bất hợp lý, không ra chặt chẽ không ra rộng rãi. Vì thế cho nên rất ít người viết có ý thức về số đông, số trang, về chất lượng tác phẩm.

DƯƠNG VIÊN: Vừa rồi tôi được dự hội nghị về tạo hình ở Liên xô. Đồng chí Tổng thư ký Hội nghệ sĩ tạo hình Liên xô cho rằng, phương pháp sáng tác của văn nghệ xô viết là hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhưng bạn đang chia tay với những gì đã xơ cứng, trở thành giáo điều trong lý luận cũ.

Tôi đồng ý với nhiều ý kiến đã phát biểu. Cũng như anh Xuân Trinh đã gọi ra, theo tôi thì trong nghệ thuật, vấn đề chính là tài năng (cả trong hoàn cảnh cũ, cả ở thời điểm hiện nay). Phải chăm lo, tạo điều kiện cho tài năng phát triển. Sau đại hội lần thứ 2 của Hội nghệ sĩ tạo hình, chúng tôi đã bàn với anh Hà Xuân Trường và chúng tôi đã thử tổ chức triển lãm tranh của các anh Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng v.v. để công chúng đánh giá một cách rộng rãi, tổ chức cả trong Nam, cả ở ngoài Bắc. Trong mấy năm vừa qua hơn 40 tác giả và nhóm tác giả đã được triển lãm.

Những năm 60 nghệ thuật tạo hình của chúng ta được đánh giá cao tại triển lãm tranh của 12 nước xã hội chủ nghĩa. Hội chúng tôi tham gia triển lãm về hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Bun-ga-ri cũng đều được giải. Vừa rồi, trong triển lãm tranh 9 nước tổ chức ở ta, bạn đánh giá tranh Việt nam có hơi thờ thời đại và có tính dân tộc. Đó là do có những tài năng.

Tôi cũng đồng ý với chị T. iếu Mai về « văn nghệ và hiện thực ». Nhưng qua thực tế sáng tác của chúng tôi thì điều quan trọng nhất vẫn là tài năng và tâm hồn người nghệ sĩ. Trong sự nghiệp chống Mỹ hàng trăm người làm công tác mỹ thuật đã vào chiến trường, hơn 40 người hy sinh, nhưng chỉ có một người sáng tác được tác phẩm lớn. Hay như anh Nguyễn Sáng, không đi vào miền Nam nhưng do sống với những vấn đề của miền Nam, anh đã có bức tranh « Thành đồng Tổ quốc » rất giá trị.

Bây giờ muốn thật sự đổi mới thì phải đánh giá cho đúng về tác phẩm, tác giả và có chế độ chính sách thích hợp đối với văn nghệ sĩ, không gây ra khó khăn mới. Những cái sai chung Đảng đã nói rồi, những cái cụ thể trong ngành thì chúng ta phải chỉ ra cho rõ. Việc đổi mới phụ thuộc trước

hết vào từng người chúng ta. Dừng như đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã nói: trước hết phải tự cứu mình. Muốn tài năng phát triển ta phải tự cứu mình trước. Một điều nữa cần chú ý như anh Nguyễn Văn Lưu, anh Phan Cự Đệ nói là vấn đề mức độ những cái ta sai và đúng. Bây giờ cần phải biết chỉ ra cho đúng, cần xác định rõ tất cả công việc ta đang làm là để dọn đường cho tương lai, không nên quay lưng vào nhau. Chúng ta phải đi lên từ truyền thống, từ sự nối tiếp giữa các thế hệ, dù có đến thế kỷ 21 thì cũng vậy thôi. Đồng thời chúng ta phải đẩy mạnh giáo dục ý thức thẩm mỹ, đấu tranh với thị hiếu thương mại, xu thời hiện nay.

TỪ SƠN: Theo dõi nhiều cuộc thảo luận tôi thấy hình như chúng ta không khác nhau nhiều về quan điểm, mà khác nhau nhiều về những vấn đề cụ thể, về cá tính... Thật ra người này không bằng lòng người kia có khi là do cách nói: vin vào một vài vụ việc cụ thể nào đó rồi thổi lên thành quan điểm làm cho người khác khó chịu. Ví dụ anh Phan Cự Đệ có nói: «**khuyh hướng** phủ nhận nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa», nếu anh Đệ dùng quy là «**khuyh hướng**» và bỏ chữ «**nền**» đi thì chả có vấn đề gì. Trước đây, chúng ta thường vẫn hay có tâm lý «**mê tín**», trên thực tế thì Đảng hay lãnh tụ cũng có lúc có những câu nói sai. Chứ có ai dám phủ nhận thành tựu quá khứ đâu, vì phủ nhận quá khứ tức là phủ nhận thế hệ cha mẹ mình..

Nhìn lại 10 năm vừa qua tôi thấy đã có những dấu hiệu đổi mới từ trước với không ít tác phẩm dám nhìn thẳng vào sự thật bằng lương tri của người viết, nhưng không khí hồi đó không cho phép xuất hiện, không cho phép đăng trên mặt báo. Bài của anh Hoàng Ngọc Hiến, đề dẫn của anh Nguyễn Ngọc giá như bây giờ mới đăng thì không có vấn đề gì, nhưng

vào hoàn cảnh lúc đó thì phải chấp nhận như vậy thôi.

Trong việc đánh giá văn nghệ đã qua, không nên quy mọi tội cho Đảng, nhiều khi là một cá nhân nào đó (không phải lãnh đạo) nghĩ ra thôi. Tôi thấy các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng nhìn nhận văn học ta một cách rất bình tĩnh: văn học ta chưa đi kịp thời đại, cần tránh công thức, sơ lược, tô hồng. Tôi đã làm thống kê, trong 73 cái gọi là «**vụ án**» văn nghệ hay «**vụ việc có vấn đề**» từ 1960 đến nay thì chỉ có 3 «**vụ**» có văn bản của Đảng là vụ Nhân văn, kịch *Nguyễn Trãi ở Đông quan* của anh Nguyễn Đình Thi và phim *Hà nội trong mắt ai*. Hầu hết các «**vụ**» khác là do giới phê bình ta tự làm khổ nhau. Tôi tán thành ý kiến anh Phan Cự Đệ là nói gì cũng phải dựa trên văn bản cụ thể, phải khoa học. Nhưng người «**quyền uy**» thực sự hiện nay là nhà biên tập, chứ không phải là lực lượng phê bình chúng tôi.

Về dân chủ thì hiện nay vẫn có tình trạng tờ báo này cãi nhau với tờ báo kia. Cùng một tờ báo có nhiều ý kiến khác nhau, tranh luận với nhau thì hay hơn, thế mới ra được chân lý, tránh ấn tượng về phe này, nhóm ọ.

Tôi cũng nhất trí với ý kiến anh Dương Viên: đúng là ta mới chú ý nhiều đến cái *đúng, sai*, mà chưa chú ý đến cái *hay*. Chúng ta khuyến khích chủ nghĩa trung bình, chưa chú ý đến tài năng.

Một vấn đề cần kêu cứu là khuyh hướng thương mại, kinh doanh hiện nay đang rất mạnh. Người ta không muốn in sách «**nội**», nhất là sách nghiên cứu, mà chỉ muốn in sách «**ngoại**». Tình báo, tình yêu...

HÀ XUÂN TRƯỜNG (kết thúc hội nghị): Xin cảm ơn các anh, các chị đã đến dự và nhiệt tình đóng góp ý kiến. Rất tiếc là nhiều đồng chí đã gửi đề cương hoặc hẹn đến phát biểu nhưng

lại mắc bần đột xuất không dự họp được như các anh Nguyễn Đình Thi, Huy Du, Nguyễn Ngọc, Lê Thành Nghị v.v. Do điều kiện có hạn, chúng tôi không thể mở rộng cuộc hội thảo bàn tròn này để cho nhiều anh chị em muốn tham gia đều có thể tham gia. Chúng tôi nhờ các đồng chí chuyển lời xin lỗi đến tất cả các đồng chí ấy.

Một ngày thảo luận là quá ngắn ngủi. Tuy vậy, chúng ta đã đề cập đến tất cả các vấn đề đặt ra, trong đó một số vấn đề đã được làm sáng tỏ:

- Yêu cầu đổi mới trong văn nghệ gắn liền với yêu cầu đổi mới của cách mạng.

- Đề đổi mới chúng ta phải đánh giá, lý giải một cách khoa học những thành tựu cũng như những sai lầm của văn nghệ hôm qua, dựa trên cơ sở quan điểm lịch sử và những quan điểm, những yêu cầu của hôm nay.

- Văn nghệ là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của Đảng cho nên văn nghệ chịu sự lãnh đạo của Đảng, phân đấu vì đường lối, mục đích của Đảng là điều tất yếu. Văn nghệ của chế độ xã hội nào cũng đều có nhiệm vụ phải bảo vệ và xây dựng chế độ ấy. Đúng như Nghị quyết của BCT đã nói: Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ. Nhưng chính là Đảng ta đã mang lại cho chúng ta quyền tự do sáng tác ấy và bản chất quyền tự do sáng tác của văn nghệ sĩ ta nằm trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo và được quy định bởi trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi chúng ta.

- Nội dung đổi mới bao gồm đổi mới sự lãnh đạo của Đảng (từ cơ chế quản lý, chính sách văn nghệ đến phương thức chỉ đạo, kê cả sự hướng dẫn và giáo dục thị hiếu thẩm mỹ của quần chúng) và sự tự đổi mới, năng

cao ý thức trách nhiệm và phát triển tài năng của văn nghệ sĩ.

- Trong đời mới, cần tăng cường mạnh mẽ yếu tố phê phán trong các sáng tác, bằng cách tạo nên với ý nghĩa phê phán một cách sâu sắc những nhân vật tiêu cực, nhưng không thể coi nhẹ việc xây dựng những nhân vật trung tâm tích cực, nhất là những nhân vật chính diện của công cuộc đổi mới hôm nay. Đây là vấn đề khó, nhưng lại là mục đích cuối cùng của nền văn nghệ cách mạng nước ta.

Chúng ta chưa bàn nhiều, bàn sâu về vấn đề đổi mới như thế nào cũng như vấn đề quan hệ giữa văn học và hiện thực, vấn đề phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đánh giá văn nghệ thời gian qua, đặc biệt từ sau 1975 quả đang là vấn đề cần tiếp tục phân tích một cách khoa học, chân thực, khách quan: ngay trong cuộc họp này cũng đã có những ý kiến khác nhau. Cũng cần đánh giá chính xác tình hình văn nghệ năm 1987. Cần có sự đánh giá đúng đắn đường lối và sự lãnh đạo của Đảng về văn nghệ qua các thời kỳ, đặc biệt từ 1975 đến nay. Vấn đề tự do sáng tác của văn nghệ sĩ trong trường hợp có sự bất đồng với nhận định, chủ trương, thậm chí với đường lối của Đảng; quan hệ giữa sự tự do lựa chọn của quần chúng thưởng thức nghệ thuật với vai trò giáo dục thẩm mỹ theo đường lối của Đảng... Đó là những vấn đề cần được tiếp tục trao đổi. Có những vấn đề thuộc thẩm quyền và chức năng của cơ quan văn học, nghệ thuật, của bản thân giới nghệ sĩ. *Tạp chí Cộng sản* với sự cộng tác của các đồng chí cộng tác viên có mặt và không có mặt hôm nay cố gắng tham gia cùng giới văn học, nghệ thuật giải quyết những vấn đề trong phạm vi chức năng của mình.

Chúng tôi xin hoan nghênh tinh thần thẳng thắn, tôn trọng lẫn nhau, thái độ xây dựng trên những vấn đề các đồng chí phát biểu, và rất cảm

on sự tin cậy của các đồng chí đối với Tạp chí của Đảng. Cùng với các đồng chí, chúng tôi hy vọng cuộc trao đổi của chúng ta hôm nay đóng góp một phần tích cực vào sự thực hiện Nghị quyết của BCT về văn học, nghệ thuật và văn hóa, thúc đẩy, khích lệ sự đổi

mới của văn nghệ trong sự nghiệp đổi mới của toàn đảng, toàn dân ta.

Một lần nữa xin cảm ơn các đồng chí và xin thông cảm cho những gì thiếu sót trong việc tổ chức của chúng tôi.

NGỌC LÊ lược ghi

DÂN CHỦ...

(Tiếp theo trang 42)

mới đúng dân được, nếu không sẽ là tập trung quan liêu, có hại.

Yếu tố dân chủ trong công tác cán bộ **gắn rất chặt với yếu tố tập thể**. Muốn bảo đảm dân chủ phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập thể. Chỉ có thực hiện nguyên tắc tập thể mới khắc phục được các hiện tượng quan liêu, gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền — những kẻ thù của dân chủ.

Dân chủ trong công tác cán bộ còn **gắn rất chặt với công bằng**. Không thể nói dân chủ mà lại thiếu công bằng và

ngược lại. Công bằng là một trong những biểu hiện của dân chủ. Bảo đảm dân chủ cũng tức là sự công bằng đã được thực hiện.

Tinh dân chủ trong công tác cán bộ cũng **gắn liền với tính công khai**. Không có công khai thì cũng không có dân chủ. Song, chúng ta không bao giờ nên tuyệt đối hóa tính công khai. Trong công tác cán bộ vẫn có những trường hợp cần phải giữ gìn bí mật, một khi sự bí mật đó là cần thiết và không có hại gì cho việc mở rộng dân chủ.

Thư gửi Bộ biên tập

VẤN ĐỀ CỦA MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ

Trong hoàn cảnh hiện nay, chính sách đãi ngộ cán bộ hưu của Đảng và Nhà nước ta, nói chung có nhiều cố gắng, thể hiện mặt ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Song điều đáng phân nân lại là khâu thực hiện và vận dụng các chính sách đó. Ở đây chúng tôi xin nêu hai vấn đề:

1 - Động viên tinh thần, tư tưởng người về hưu: Khái niệm "sự quan tâm của Nhà nước" đối với người về hưu thường được gắn với sự săn sóc, động viên tinh thần, tư tưởng của lãnh đạo, của cán bộ cơ quan, xí nghiệp - nơi mà mấy chục năm trước họ gắn bó và làm việc. Nhưng nếu không có sự chỉ đạo tương đối thống nhất (chúng tôi nói tương đối chứ không bao giờ tuyệt đối được) của Nhà nước thì việc thực hiện sẽ sinh tùy tiện và gây những suy nghĩ, thắc mắc rất phiền toái. Giả dụ ngày kỷ niệm, ngày lễ tết, ở ngành này thì đích thân ông bộ trưởng mời cán bộ hưu đến chúc tết, tặng quà; ở ngành khác thủ trưởng đến tận nhà thăm hỏi, kèm

theo tặng phẩm khá to; ở cơ quan nọ giản tiện lại chỉ gửi một tờ thiệp còn con chúc mừng hoặc không ít đơn vị lại chẳng có gì...

Trong một gia đình, vợ chồng con cái làm việc ở những nơi khác nhau đều có thể kể cho nhau nghe và bàn luận về sự quan tâm, về lễ công bằng, về tình nghĩa cơ quan này tốt, cơ quan kia tồi, gây mặc cảm không đáng có, thậm chí mang lại nỗi buồn thầm lặng cho người về hưu! Ở các thành phố, các vùng khác nhau chắc chắn điều này thể hiện càng rõ.

Ở thành phố Hà Nội, người về hưu là quần chúng ngoài Đảng (số này khá đông) cảm thấy mình rất bơ vơ, lạc lõng. Đảng không, dĩ nhiên; công đoàn cơ quan thì thôi rồi; công đoàn phường và quận chưa thấy hỏi gì đến; tổ phụ lão từ lâu coi như không hoạt động; tổ hưu hàng năm không họp. Câu lạc bộ phường chưa có, câu lạc bộ quận, nơi có nơi không; còn câu lạc bộ Thăng long không phải ai đến cũng được. Ngay câu lạc bộ lớn này, điều kiện hoạt động cũng rất hạn chế. Niềm vui nho nhỏ còn khó đạt được, người về hưu đâu dám mơ tưởng đến tham quan, nghỉ mát hay du lịch? Một sự hụt hẫng, mất mát đè nặng lên cuộc sống người về hưu...

Nên chăng, có những tổ chức sâu rộng hơn để người về hưu có dịp tụ tập, gặp gỡ nhau, gần mình với xã hội, với bạn bè, với cuộc sống, thêm sống và vui sống?

2 - Cải tiến việc giải quyết chế độ chính sách : Người về hưu, dẫu về đã lâu hay mới về, không người nào có thể trả lời dứt khoát và lưu loát những câu hỏi : Lương bác bao nhiêu ? Lĩnh ngày nào ? Có bù giá không ?... nghĩa là bao giờ lĩnh biết bấy giờ, lĩnh bao nhiêu biết bấy nhiêu. Hàng căng tin lại càng chập chờn. Tất cả đều ngóng trông ở ông tổ trưởng. Tổ trưởng tốt, liêm khiết thì tổ viên được nhờ, ngược lại, thì tổ viên chịu thiệt. Tổ trưởng bị kêu nhiều, xin từ chức, cấp ủy bảo : " Chứ, chính quyền không có người !". Một câu trả lời thật đơn giản. Nếu quả thật không có người, vậy ngành thương binh xã hội, cơ quan chủ quản, quản lý những người về hưu nghĩ gì và có biện pháp cải tiến như thế nào để đáp ứng yêu cầu của hàng triệu người đang trông đợi hiện nay ? Đồng lương của chúng ta so với nhu cầu hiện tại không đáng là bao, nhưng cảnh thân già đến nhà ông tổ trưởng vài lần hỏi lương, kẻ cũng ngại. Hàng căng tin cũng không nhiều nhưng lệ phí, cước chuyển chỗ, tiền

lễ, tiền chẵn, thiếu thừa, phân phối cân đong thăng hoặc nơi này nơi kia đã sinh những hiện tượng nhập nhèm, cắt xén, đáng buồn.

Cơ quan nhà nước đang thiếu người, điều đó chưa dễ tin. Có người, nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tấm lòng, khoán trắng thì đó là điều có thật ; chưa dân chủ, chưa công khai nói hết sự thật để người về hưu thông cảm, cũng đang là hiện tượng phổ biến.

Vậy xin đề nghị, nên thành lập ngay một quỹ hưu bổng có ngành dọc gọn gàng từ trung ương đến địa phương nằm trong một bộ hay một ngành nào đó hợp lý (kinh nghiệm này các nước bạn không thiếu). Vấn đề bức xúc đặt ra : Hôm nay là tôi, ngày mai là anh, đó là quy luật. Xin Nhà nước sớm quan tâm, đưa khâu này vào nền nếp để mọi người, mọi nhà yên tâm.

LÊ MỸ VĂN

(Hà nội)

Thế giới: vấn đề, sự kiện

HỘI NGHỊ KHOA HỌC : « CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GIAI ĐOẠN MỚI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT » Ở BÉC-LIN

VỚI chủ đề: « Chủ nghĩa xã hội và giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật », cuộc Hội nghị các tổng biên tập các tạp chí lý luận của các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, do tạp chí **Thông nhất**, cơ quan lý luận của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức tổ chức, đã họp từ 22-3 đến 24-3-1988 tại Béc-lin (CHDC Đức).

Tham dự cuộc họp có 15 đoàn đại biểu: CHDC Đức, Cu-ba, Lào, Ru-ma-ni, CHDCND Y-ê-men, Liên xô, CHDCND Triều tiên, Ê-ti-ô-pi, Mông cổ, Tiệp khắc, Ba lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Việt nam và tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*.

Trừ đoàn Lào do đồng chí Đại sứ Lào tại CHDC Đức thay mặt (vì trong nước không có điều kiện cử đại biểu sang), các đoàn khác đều do các đồng chí tổng biên tập hoặc phó tổng biên tập dẫn đầu và đọc tham luận. Xen kẽ giữa các bản tham luận, các đại biểu đã thảo luận về các vấn đề: điều

kiện vật chất và cán bộ để phát triển KHKT; kinh tế với công tác tư tưởng; chuyên môn hóa và vai trò chủ nghĩa Mác - Lê-nin; sự lãnh đạo của Đảng đối với KHKT sau khi có chính quyền; đấu tranh giai cấp và KHKT; KHKT phục vụ nhân dân; KHKT và hòa bình thế giới... Vì thời gian có hạn, các đại biểu tập trung thảo luận một số vấn đề; một số vấn đề khác không thảo luận hoặc chỉ thảo luận lướt qua.

Qua tham luận và thảo luận, các đoàn đại biểu đã thông báo cho nhau những thành tựu và những khó khăn, những quan điểm, cách nhìn nhận của mỗi đảng chung quanh cách mạng KHKT đang diễn ra rất mạnh mẽ trên thế giới; đồng thời nêu lên một số vấn đề lý luận quan trọng liên quan đến sự nghiệp cải tổ và đổi mới hiện nay của các nước xã hội chủ nghĩa. Hội nghị đã xác định vai trò của tạp chí lý luận của các đảng trong việc truyền bá những nhận thức đúng đắn về cách mạng KHKT và thúc đẩy sự phát triển của cách mạng KHKT

Dưới đây là tóm tắt những ý kiến chính của các đoàn (xếp theo thứ tự chữ cái đầu tên tập chữ):

« **Cu-ba xã hội chủ nghĩa** » (Cu-ba): KHKT là vấn đề của thế giới. Các lực lượng phản động lợi dụng KHKT để tiến công các nước chậm phát triển. Các nước xã hội chủ nghĩa phải giúp nhau phát triển KHKT để chứng minh chủ nghĩa xã hội là người cầm cờ trên lĩnh vực này chứ không phải chủ nghĩa tư bản. Cu-ba rất coi trọng công tác tư tưởng, giáo dục về đạo đức xã hội chủ nghĩa, về trách nhiệm của mọi người đối với sở hữu xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, nâng cao giác ngộ của người lao động là vấn đề hàng đầu trong giáo dục xã hội chủ nghĩa. Cu-ba tập trung phát triển sinh học, công nghiệp điện tử.

« **Kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa** » (Ru-ma-ni): Cuộc cách mạng KHKT trong mỗi nước không tách khỏi sự phát triển KHKT trên thế giới. Trong việc phát triển KHKT phải chú ý vấn đề công bằng xã hội, đề cao dân chủ, chống chủ nghĩa trung tâm. Ru-ma-ni chú trọng tiết kiệm chất khoáng, sử dụng nguồn nhiên liệu nhân tạo, sử dụng vi tính. Những thành tựu KHKT 20 năm trước là tiền đề để thực hiện nhiệm vụ phát triển KHKT trong kế hoạch 1981 - 1990 và đến năm 2000.

« **Kadaya al-Asr** » (CHDCND Y-ê-men): Nhấn mạnh vai trò của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển KHKT và giúp đỡ các nước chậm phát triển. Khẳng định KHKT là một lĩnh vực đấu tranh tư tưởng.

« **Người cộng sản** » (Liên xô): Nếu rõ yêu cầu bức thiết của cải tổ và mối quan hệ giữa KHKT với cải tổ ở Liên xô. Nhiệm vụ chính trị của đất nước xô viết là tạo nên một cơ cấu kinh tế có hiệu quả, đưa sản xuất vào chiều sâu, đẩy mạnh KHKT. Phải nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục - cơ sở của tiềm năng KHKT

của đất nước. Vạch rõ thiếu sót trong việc chuẩn bị cho làn sóng mới của cách mạng KHKT, đặc biệt trong ngành điện tử và tin học; khuyết điểm trong việc giải quyết sự liên kết giữa KHKT phục vụ nhiệm vụ quân sự và KHKT phục vụ nhiệm vụ kinh tế: tập trung một lực lượng khá lớn các nhà khoa học và của cải vào KHKT quân sự, trong lúc đó lại tách quân sự thành một lĩnh vực khép kín, bí mật, dẫn tới khó khăn trong việc chuyển KHKT quân sự sang phục vụ cho kinh tế. Cho thấy: các nước phương Tây hy vọng Liên xô thụt lùi trong việc sử dụng KHKT phục vụ kinh tế, và họ sẽ thắng trong cuộc thi đua giữa hai hệ thống; từ đó nảy sinh nguy cơ đối với an ninh của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy phải điều chỉnh nghiêm ngặt các « ưu tiên ». Nếu cao vai trò con người đối với KHKT, công cuộc cải tổ vì con người, vì sự nhân văn hóa của chủ nghĩa xã hội. Nhấn mạnh: phải coi trọng việc đào tạo các nhà khoa học, quan tâm đúng mức tới những người làm KHKT. Các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế cần giúp nhau nâng cao trình độ chung của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

« **Cần lao** » (CHDCND Triều tiên): Nhấn mạnh vấn đề tự lực phát triển KHKT, CHDCND Triều tiên đã tự lực xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đồng tro tàn của chiến tranh, và đạt được nhiều thành tựu trong công nghiệp hóa chất, xi măng, trong thực hiện tự động hóa v.v.

« **Sinh hoạt đảng** » (Mông cổ): Nổi lên tầm quan trọng của vấn đề liên kết giúp đỡ của các nước anh em, nhất là của Liên xô, trong việc phát triển KHKT ở Mông cổ. Nhấn mạnh: cần kết hợp sự sáng tạo của mỗi nước với việc sử dụng thành tựu của các nước anh em. Theo hướng đó, Mông cổ đang phát triển kinh tế theo chiều sâu.

“**Tư tưởng mới**” (Tiệp khắc): Cần tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là giữa các nước xã hội chủ nghĩa, tránh mò mẫm tìm tòi những gì mà thế giới đã phát minh. KHKT không phải là việc riêng của các nhà khoa học mà là tiềm năng phát triển của toàn xã hội. Phải có thông tin, chống rập khuôn, chống bình quân chủ nghĩa và những gì làm giảm nhiệt tình của các nhà khoa học. Đảng nhất thiết phải lãnh đạo KHKT.

“**Con đường mới**” (Ba lan): Để có điều kiện phát triển KHKT, phải tăng cường đầu tư. Phải thu hút đông đảo thanh niên vào hoạt động KHKT. Phải chống chủ nghĩa quan liêu cát cứ rồi KHKT với sản xuất. Tiến bộ KHKT gắn liền với việc tạo không khí dân chủ trong hoạt động kinh tế và khuyến khích sự phát minh sáng tạo của các nhà khoa học. Cần có những hình thức thích hợp bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với KHKT.

“**Thời đại mới**” (Bun-ga-ri): Phải hết sức coi trọng yếu tố con người trong việc phát triển KHKT, đồng thời phải tính đến các yếu tố khác trong xã hội. Phải tạo ra mô hình mới về KHKT. Phải nâng cao trình độ cho quần chúng, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, chống quan liêu và sự tập trung quá đáng. Phải đào tạo một đội ngũ các nhà khoa học phục vụ chủ nghĩa xã hội; vấn đề này khoa học xã hội phải trả lời. Cách mạng KHKT phụ thuộc cấu trúc xã hội, cấu trúc con người.

“**Tạp chí Cộng sản**” (Việt nam): (Xem toàn văn ở trang 22)

“**Bình luận xã hội**” (Hung-ga-ri): Ngoài nguyên nhân thiếu vốn, cản trở cơ bản của sự hoàn thiện kỹ thuật trong lĩnh vực kinh tế ở Hung-ga-ri còn là tình trạng ứ đọng trong các hoạt động của ngoại thương và nội thương. Thành tựu của chương trình phát triển kinh tế - xã hội một phần quan trọng phụ thuộc vào việc

chúng tôi có khả năng thực hiện đến đâu việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, công tác của Chính phủ và nói chung sự đổi mới của cả hệ thống các cơ quan chính trị. Không chỉ cách mạng KHKT mà cả những ảnh hưởng lớn của bước ngoặt tư tưởng trong thập kỷ gần đây trên thế giới đòi hỏi gấp rút Ilung-ga-ri phải tiến hành đổi mới mạnh mẽ.

“**Tháng chín**” (Ê-ti-ô-pi): Đề đi vào cách mạng KHKT, ở Ê-ti-ô-pi, vấn đề bức thiết là phải đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân mà tuyệt đại bộ phận còn là nông dân. Tình hình kinh tế hiện nay, đặc biệt nạn hạn hán kéo dài đe dọa làm trầm trọng thêm nạn đói và thất nghiệp của mấy triệu người.

“**Thống nhất**” (CHDC Đức): Phải phát huy ưu thế của chủ nghĩa xã hội và tùy điều kiện mỗi nước mà đẩy mạnh phát triển KHKT. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, làm cho học sinh sớm làm quen với KHKT; đào tạo, nâng cao trình độ KHKT cho cán bộ, công nhân. Cần quan tâm đến các vấn đề xã hội và cuộc sống toàn diện của con người. Phải coi trọng việc gắn KHKT với sản xuất. CHDC Đức trước đây phát triển KHKT chậm là do nhận thức chưa đúng về vai trò của KHKT và về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Thành thạo và nắm lấy KHKT là một nhiệm vụ cơ bản của Đảng. Đảng phải tạo điều kiện cho KHKT phát triển. Đảng phải giáo dục chính trị, tư tưởng cho các nhà khoa học, phải chống những khuynh hướng tư tưởng tư sản. Giữa cách mạng KHKT với cơ cấu xã hội, với con người, với trình độ chuyên môn - nghề nghiệp, với giáo dục, văn hóa của con người và với thiên nhiên, có mối quan hệ chặt chẽ. Cuộc đấu tranh cho sự cùng tồn tại hòa bình không loại trừ đấu tranh giai cấp, tính đối

lập giữa hai hệ thống. Các nước phải tự lực phát triển KHKT, nhưng điều đó không có nghĩa là không liên kết với các nước khác để có thể sử dụng những thành tựu và sức lao động của nhau.

« Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội » (Tập chỉ lý luận và thông tin của các đảng cộng sản và công nhân): Nhấn mạnh vấn đề đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp và tồn tại hòa bình, đấu tranh giai cấp và cách mạng KHKT. Nêu rõ: phải biết sử dụng thành quả KHKT của các nước tư bản; xã hội luôn luôn đổi mới và sự phát triển của KHKT cũng đặt ra những vấn đề mới phải giải quyết. Xác định tạp chí sẽ cố gắng giới thiệu kinh nghiệm của các nước trong việc thực hiện cách

mạng KHKT và những con đường cụ thể giúp vượt qua những khó khăn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau hai ngày họp, đồng chí M. Barna-sác, ủy viên TƯ ĐXHCNTN Đức, Tổng biên tập tạp chí Thống nhất, tổng kết Hội nghị

Sau Hội nghị, đồng chí Ê-gôn Kren-xơ ủy viên Bộ chính trị, Bí thư TƯ ĐXHCNTN Đức, đã tiếp các trưởng đoàn. Trong buổi tiếp, đồng chí đã thông báo những nét lớn của tình hình « hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển » ở CHDC Đức.

Hai ngày sau đó, các đoàn đã đi thăm Ec-phước — một trung tâm lớn nhất về điện tử của CHDC Đức —, qua đó bạn giới thiệu tình hình thực hiện chiến lược kinh tế của ĐXHCNTN Đức, đặc biệt là vấn đề tiến hành và làm chủ cách mạng KHKT.

VỀ THUYẾT « BIÊN GIỚI CHIẾN LƯỢC KHÔNG GIAN 3 MẶT HỢP LÝ »

PHAN LANG

THEO đuổi biên giới chiến lược không gian 3 mặt hợp lý — đó là dấu đề một bài báo lớn của Từ Quang Dự đăng trên trang nhất tờ **Quân giải phóng** (Trung quốc) số ra ngày 3-1-87. Không phải ngẫu nhiên mà ngay sau khi ra mắt, bài viết này đã lập tức gây ra một sự chú ý đặc biệt của dư luận các nước trên thế

giới, trước hết là các nước ở vùng Đông Nam Á có « không gian 3 mặt » nối liền hoặc kề cận Trung quốc.

Dĩ nhiên, không thể dẫn hết ra đây toàn bộ mọi điều được trình bày trong bài báo dài tới sáu nghìn từ. Song, hoàn toàn có thể trích ra những đoạn viết có hàm lượng thông tin có dụng nhất.

Từ Quang Dự cho rằng có hai chữ không phải chỉ một khái niệm biên giới: ngoài biên giới địa lý, còn có biên giới chiến lược. Ông ta định nghĩa: «Nói biên giới địa lý là nói tới ranh giới, phạm vi lãnh thổ, lãnh hải, lãnh không tương ứng. Còn khi nói biên giới chiến lược là nói tới ranh giới địa lý, phạm vi không gian có liên quan đến lợi ích quốc gia mà lực lượng quân sự của một nước có thể khống chế trên thực tế»

Phân tích mối quan hệ qua lại giữa biên giới địa lý và biên giới chiến lược, người phát ngôn cho giới cầm quyền Bắc kinh viết tiếp, nguyên văn như sau:

«... Biên giới địa lý và biên giới chiến lược có sự khác nhau. Cái trước lấy lãnh thổ quốc gia, lãnh hải và lãnh không tương ứng được quốc tế công nhận làm chuẩn. Còn cái sau thì không chịu sự giới hạn của lãnh thổ, lãnh hải, lãnh không tương ứng của quốc gia». Mặt khác, «giữa chúng, lại có thể có sự chuyên hóa. Ví dụ: khi biên giới chiến lược của một nước trong một thời gian dài nhỏ hơn biên giới địa lý mà lại không có khả năng làm cho hai cái đó thống nhất với nhau, thì biên giới địa lý sẽ nhỏ hơn biên giới chiến lược — nước đó sẽ mất một bộ phận đất đai. Trái lại, nếu một nước có thể khống chế hữu hiệu và lâu dài biên giới chiến lược bên ngoài biên giới địa lý của mình, thì có thể dẫn tới sự bành trướng về biên giới địa lý».

Đó là phần trình bày «nguyên lý», còn đây là đoạn tác giả vận dụng «nguyên lý» ấy vào thực tiễn Trung quốc:

«... Biên giới chiến lược quyết định không gian sinh tồn của một quốc gia. Tuy nó bao gồm không gian 3 mặt song điều đó thể hiện đặc biệt nổi bật ở mặt không gian biển cả. Vùng đặc quyền kinh tế trên biển, thêm lục địa, vùng dầu mỏ khí đốt... đối với các nước ở vùng biển đông vai trò thậm

chỉ là nhân tố quyết định cho sự sinh tồn và phát triển. Trung quốc là một nước đất rộng, nhiều tài nguyên nhưng cho dù như thế, thì tài nguyên trên đất liền cũng chỉ có hạn... Theo đà phát triển của kinh tế và khoa học kỹ thuật, song song với việc tiếp tục khai thác đất liền, chúng ta còn rất cần biển cả để lấy được nhiều thứ tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, giành lấy không gian sinh tồn rộng lớn hơn... Trong thời đại phát triển kỹ thuật quân sự rất cao như hiện nay, Trung quốc còn rất cần biển cả, tìm mọi cách đẩy chiến trường từ biên giới địa lý ra biên giới chiến lược, đề phòng thủ từ xa, báo động từ xa, mở rộng tung thâm chiến lược».

Toàn bộ lý lẽ, luận điểm, luận cứ của thuyết «biên giới chiến lược không gian 3 mặt» là như thế. Nếu muốn vắn tắt hơn nữa thì có thể toát yếu như sau:

1) Biên giới của một quốc gia không phải là «tiết nhiên định phận tại thiên thư»; cho dù đã «được quốc tế công nhận» thì nó vẫn có thể co dãn và sự co dãn này là tùy thuộc vào hai yếu tố: nhu cầu và khả năng của nước muốn mở rộng biên giới chiến lược.

2) Biên giới địa lý có thể co lại, nhỏ hơn biên giới chiến lược và ngược lại. Sự chuyên hóa này được quyết định bởi sự «khống chế trên thực tế» của lực lượng quân sự từng nước.

3) Biên giới chiến lược bao gồm không gian 3 mặt, song mở rộng không gian chiến lược cả đối với Trung quốc là một vấn đề quyết định sinh tồn.

Còn gì nữa mà chưa rõ ràng: giới cầm quyền Bắc kinh tự họ đã phơi bày trước nhân dân thế giới toàn bộ mọi tham vọng, mưu đồ cùng những tính toán ap ú từ lâu, đặc biệt là từ sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa năm 1949.

Thuyết «biên giới chiến lược không gian 3 mặt» là một sự phi báng thô bạo mọi pháp lý quốc tế sơ đẳng:

Nó đã tung hô, thẳng tay vứt bỏ mọi hiểu biết thông thường của thế giới xưa nay về biên giới giữa các quốc gia. Nó dựng lên những nguy thuyết mô đường cho việc vẽ lại bản đồ lãnh thổ của các nước.

Thuyết «biên giới chiến lược không gian 3 mặt» còn là sự đề cao đến tận mây xanh đạo luật rừng «mạnh được yếu thua». Nó trắng trợn cho rằng sự chuyển hóa giữa biên giới địa lý và biên giới chiến lược là «một thực tế» do khả năng không chề khác nhau giữa các lực lượng quân sự mạnh yếu khác nhau của các nước là «một thực tế».

Thuyết «biên giới chiến lược không gian 3 mặt» còn có thể xem là một bản tuyên ngôn giấy trắng mực đen, là một cương lĩnh hành động của giới cầm quyền Bắc kinh trong những năm trước mắt nhằm thực hiện giấc mộng làm chủ biển Đông, triển khai chiến lược châu Á - Thái bình dương của họ. Nguy thuyết này, tự nó, là thêm một bằng chứng không còn chối cãi vào đầu được, chứng minh cho sự thật chủ nghĩa bành trướng Bắc kinh là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với hòa bình và ổn định ở châu Á, đặc biệt là ở vùng Đông Nam Á.

Đĩ nhiên, không phải đợi cho đến lúc có bài báo nói trên đăng trên tờ **Quân giải phóng**, các nước ở xung quanh vùng biển Đông mới chợt thấy ra «con rồng đỏ Bắc kinh đã bắt đầu nhe nanh giương vuốt» như một tờ báo In-đô-nê-xi-a đã viết gần đây, sau một loạt sự kiện hải quân Trung quốc gây ra trong vùng quần đảo Trường sa của Việt nam.

Cách đây mấy thập kỷ, ngay khi so «lực lượng quân sự Trung quốc còn chưa thể «khống chế trên thực tế», người ta đã nghe thấy tiếng kêu gào «muốn đưa 500 triệu bản nông dân xuống làm chủ vùng Đông Nam Á» của giới cầm quyền nước này.

Nhân dân các nước vùng biển Đông không thể không lo lắng và chăm chú

theo dõi các động thái của Trung quốc, đặc biệt là việc họ dốc những nỗ lực thật khác thường vào việc hiện đại hóa hải quân nhằm «mở rộng không gian chiến biển cả». Chỉ riêng một hạm đội Nam hải của họ, đến nay cũng đã phát triển rất nhanh, có tới trên dưới 700 chiến hạm, trong đó có cả tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân do Trung quốc đóng. Đảo Hải nam đã được họ nâng cấp hành chính, trở thành tỉnh thứ 30 của Trung quốc và được xây dựng thành một căn cứ hải quân, không quân lớn, phục vụ cho các hoạt động quân sự của hải quân Trung quốc trên biển Đông.

Tiếp theo hành động đánh chiếm Hoàng sa của Việt nam năm 1974, từ ngày 31/1/88 họ đã đưa tàu chiến vào vùng quần đảo Trường sa, gây ra sự kiện ngày 14/3 và cho tới nay, đã lần chiếm các bãi đá Ga-ven, Ken-nan, Chữ thập, Châu viên, Gạc ma, Xu bi v.v. của Việt nam.

Lịch sử thỉnh thoảng dường như lại có sự trùng lặp. Vào quãng những năm đầu thập kỷ 30 thế kỷ này, đi đôi với việc ráo riết xây dựng, phát triển lực lượng, quân sự hóa nền công nghiệp nước Đức quốc xã, bè lũ Hitler cũng đã có một sự chuẩn bị khá chu đáo về lý luận nhằm mở đường, biện hộ cho những hành động xâm lược sau này của chúng như người ta đã thấy trong chiến tranh thế giới thứ 2. Lúc bấy giờ, đã xuất hiện «triết gia» Spengler cũng học thuyết «không gian sinh tồn». Ngày nay chỉ cần bỏ đi một vài câu chữ và thay đổi đôi chút niên đại, người ta sẽ thấy nó và thuyết «biên giới chiến lược không gian 3 mặt» của Tư Quang Dự chẳng qua chỉ là anh em sinh đôi.

Thuyết «không gian sinh tồn» cũng những lỗ hổng của nó đã bị ném vào bãi thải lịch sử. Số phận cuối cùng dành cho thuyết «biên giới chiến lược không gian 3 mặt» chắc chắn cũng không thể nào khác thế.

Qua sách báo các nước anh em

DÂN CHỦ, CHUYÊN CHÍNH VÀ TỰ QUẢN NHÂN DÂN DÂN CHỦ TRƯỚC VÀ TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Những vấn đề nêu trên đã được A-na-tô-li Bu-ten-cô, tiến sĩ triết học, giáo sư Trường đại học tổng hợp quốc gia Mát-xcô-va, đề cập trong một số tác phẩm mới đây của ông.

Dưới đây là bản lược thuật những ý kiến đáng chú ý của ông về những vấn đề trên trong cuốn **Đảng trong hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa** do Nhà xuất bản APN (Liên xô) xuất bản năm 1987.

Dân chủ, chuyên chính và tự quản nhân dân. Khái niệm

Nếu không đi sâu vào chi tiết mà chỉ xuất phát từ những quan điểm chung nhất thì dân chủ, trước hết, là thành quả quan trọng nhất của loài người. Nó là phương pháp để mỗi cộng đồng người có thể giải quyết những vấn đề quan trọng nhất của cuộc sống theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Phương pháp này được xác lập và làm phong phú thêm trong quá trình lịch sử thế giới.

Với tư cách là một hình thức của quyền lực chính trị trong xã hội có giai cấp thì dân chủ đối lập với chuyên chính, một hình thức khác của quyền lực đó. Sự khác biệt giữa hai hình thức quyền lực nói trên trong xã hội có giai cấp là ở chỗ: dân chủ là hình thức thực hiện sự thống trị giai cấp trong đó quần chúng vẫn có các quyền hạn và quyền tự do, trong đó luật pháp cho phép quần chúng ảnh hưởng tới việc giải quyết những vấn

đề sông còn; còn **chuyên chính** là hình thức thực hiện sự thống trị giai cấp trong đó những quyền hạn và quyền tự do của quần chúng bị thu hẹp cần bản nếu không phải là bị thủ tiêu hoàn toàn, trong đó luật pháp **không cho phép** nhân dân thể hiện ý chí chung của mình.

Tuy nhiên, sự **đối lập** giữa hai hình thức thực hiện quyền lực chính trị nói trên trong xã hội có giai cấp chỉ mang tính **tương đối**. **Chuyên chính** của giai cấp cách mạng, xét về bản chất và vai trò lịch sử của nó, tiến bộ hơn gấp bội so với **dân chủ chính trị** của giai cấp phản động, bởi vì chuyên chính đó hành động vì lợi ích của đa số dân cư.

Còn **dân chủ** và **tự quản nhân dân**?

Dân chủ là một hình thức quản lý còn sử dụng những hình thức và thiết chế nhà nước, nghĩa là còn có sự tách rời giữa chức năng quản lý và chức năng thừa hành. Còn **tự quản nhân dân** là hình thức quản lý đòi hỏi xóa bỏ những hình thức và thiết chế nhà nước. Nói cách khác: **dân chủ** là hình thức quản lý **nhà nước**, còn **tự quản nhân dân** là hình thức quản lý **phi nhà nước**.

Giữa hai hình thức quản lý nói trên không có bức "vạn lý trường thành" nào ngăn cách. Con đường đi tới tự quản nhân dân là con đường **dân chủ hóa** hoạt động quản lý nhà nước, lôi kéo ngày càng rộng rãi công nhân và nông dân tham gia quản lý các công việc nhà nước theo đã phát triển văn hóa chung và văn hóa chính trị của họ. Điều đó tất nhiên chỉ có được trong điều kiện **chủ nghĩa xã hội** với việc **dân chủ hóa xã hội** tới mức tối đa.

Tự quản nhân dân cũng có hai mức độ khác nhau. Trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản hay giai đoạn **xã hội chủ nghĩa** — đó là **tự quản xã hội chủ nghĩa**; còn trong giai đoạn sau hay giai đoạn **cộng sản chủ nghĩa** — đó là **tự quản cộng sản chủ nghĩa**.

Tự quản xã hội chủ nghĩa là hình thức quản lý trong đó xã hội vẫn còn phải sử dụng những hình thức và thiết chế nhà nước, do đó nó vẫn chưa hoàn toàn xóa bỏ được và vẫn còn khả năng duy trì mâu thuẫn nhất định giữa chức năng quản lý và chức năng thừa hành, giữa « những người quản lý » và « những người bị quản lý », giữa lợi ích của những người quản « các công việc chung của xã hội » và lợi ích của những người đã tin nhiệm giao cho họ quản các công việc chung ấy, những người đã bỏ nhiệm hoặc bầu họ để họ thực hiện các chức năng nào đó. Đương nhiên, tuy còn mang tính chất nhà nước, **tự quản xã hội chủ nghĩa** đã là một hệ thống quản lý các công việc nhà nước và xã hội một cách dân chủ, một hệ thống quản lý không chỉ vì những người lao động mà còn dần dần do chính những người lao động thực hiện. Cũng vì vậy, **tự quản xã hội chủ nghĩa** là một giai đoạn **rất quan trọng** trên con đường đi tới tự quản cộng sản chủ nghĩa.

Tự quản cộng sản chủ nghĩa là hình thức quản lý **phi nhà nước, phi chính trị**. Ở đây, tất cả các chức năng chính quyền, **không trừ trường hợp nào**, đều do chính nhân dân trực tiếp thực hiện. Tất nhiên, điều đó chỉ có thể thực hiện được ở đầu và bao giờ, về căn bản và chủ yếu, bảo đảm được sự tham gia của **mọi người** lao động vào việc quản lý các công việc xã hội.

Dân chủ trước và trong chủ nghĩa tư bản

Nền dân chủ đầu tiên là nền dân chủ **phi chính trị**, hay nói đúng hơn là nền dân chủ **tiền chính trị** của xã hội bộ tộc.

Với sự xuất hiện xã hội có giai cấp thay cho xã hội bộ tộc trước đó, nền **dân chủ tiền chính trị**, thể hiện ý chí của mọi người và nguyên tắc **thiểu số phục tùng đa số** chuyển thành nền **chuyên chính chính trị**, nền **chuyên chính giai cấp**, thể hiện ý chí của giai cấp bóc lột và nguyên tắc **thiểu số thông trị đa số**. Nền chuyên chính này không xóa bỏ dân chủ mà chỉ làm cho dân chủ bắt đầu mang hình thức **chính trị**, mang hình thức **nhà nước**, thể hiện **quyền lực chính trị**, thể hiện **sự thống trị về chính trị** của giai cấp thống trị về kinh tế trong xã hội có giai cấp.

Cùng với sự phát triển đi lên của các xã hội có giai cấp trước chủ nghĩa xã hội, **tính chất chính trị** của nền dân chủ không tránh khỏi có **những biến đổi rõ rệt**. Trong điều kiện sản xuất ngày càng phát triển, số dân ngày càng tăng, các quốc gia lớn ra đời, thì sự tham gia trực tiếp của tất cả các thành viên xã hội vào việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống là điều không thể thực hiện nổi. Trong tình hình đó song song với nền dân chủ **phổ thông**, xuất hiện nền dân chủ tiếp theo: nền dân chủ **dại nghị**. Kết quả của sự phức tạp hóa các chức năng xã hội là sự phân chia thành «những người quản lý» và «những người bị quản lý»; còn khả năng mỗi người có thể giải quyết đến đâu các vấn đề toàn quốc, thì sau một thời gian, trở thành tiêu chuẩn của luật pháp. Việc thực hiện quyền đó, do bị phụ thuộc vào những điều kiện bổ sung, cho nên ngày càng không được bảo đảm. Cuối cùng, với sự xuất hiện của những đối kháng

giai cấp, dân chủ trở thành một trong những phương tiện để bảo vệ và thực hiện lợi ích của giai cấp thống trị về mặt kinh tế, trở thành một trong những hình thức **nhà nước — giai cấp**, hình thức **thống trị giai cấp**.

Cùng với sự phát triển của nền dân chủ chính trị, các cơ quan dân chủ (như hội đồng lập pháp, nghị viện, ủy ban, cơ quan trung ương và cơ quan địa phương, hội liên hiệp, v.v.) cũng được xây dựng và hoàn thiện từng bước. Những mặt tích cực và tiêu cực của nền dân chủ phổ thông và đại nghị; của những mối liên hệ này khác giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp; của chế độ quân chủ kiểm tra các đại diện của mình và các đại diện này lại kiểm tra quyền hành pháp, v.v. đều được đánh giá trên thực tế. Và thực tiễn cho thấy, dân chủ là hình thức hiệu nghiệm nhất để giải quyết những vấn đề nóng hổi, sống còn của xã hội.

Đồng thời, thực tiễn cũng cho thấy, ở nơi nào giai cấp bóc lột cầm quyền không muốn thực hiện dân chủ thì ở đó dân chủ cũng sẽ không có, **trừ khi** quân chúng ở đó **bước được** giai cấp bóc lột cầm quyền phải nhân nhượng, **ban hành hoặc thi hành** các thể chế cần thiết theo yêu cầu của họ. Cũng vì thế trong các xã hội có giai cấp trước chủ nghĩa xã hội, dân chủ không chỉ là kinh nghiệm quản lý có hiệu quả đời sống xã hội mà loài người đã tích lũy được qua bao thế kỷ, **mà còn là** kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp của quần chúng nhân dân.

Thể hiện lợi ích của các lực lượng xã hội chống đối nhau trong các xã hội có giai cấp là các **chính đảng**. Chính đảng là tổ chức chính trị liên kết những đại diện tích cực nhất của một giai cấp (hay nhóm xã hội) nhất định

và thể hiện những lợi ích cơ bản của giai cấp đó trong cương lĩnh và các văn kiện khác của mình. Chức năng **quan trọng nhất** của một chính đảng là tìm ra những **phương hướng và phương tiện** để thực hiện những lợi ích đó. Chính đảng là người tổ chức những hành động của một giai cấp và các đồng minh của giai cấp đó. Cũng vì vậy, cuộc đấu tranh của các chính đảng, như Lê-nin nói, là « biểu hiện hoàn chỉnh, đầy đủ và rõ rệt nhất của cuộc đấu tranh chính trị của các giai cấp » (1).

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, biểu hiện hoàn chỉnh, đầy đủ và rõ rệt nhất cuộc đấu tranh chính trị giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, hai giai cấp chủ yếu của xã hội đó, là cuộc đấu tranh giữa chính đảng của giai cấp tư sản và chính đảng của giai cấp công nhân.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản và giai cấp công nhân không đồng nhất về mặt xã hội (*), cho nên trong xã hội đó có thể có không phải một mà hai đảng của giai cấp tư sản (như ở Mỹ), hai đảng của giai cấp công nhân (như ở Pháp).

Ngoài hai giai cấp chính là giai cấp tư sản và giai cấp công nhân ra, trong xã hội tư bản chủ nghĩa còn có các lực lượng và nhóm xã hội khác mà lợi ích không trùng với hai giai cấp trên như: nông dân, tầng lớp trung gian, trí thức. Cũng vì vậy, trong xã hội đó, ngoài các chính đảng của giai cấp tư sản và giai cấp công nhân ra, còn có các chính đảng của các lực lượng và nhóm xã hội khác.

Cũng do xã hội tư bản chủ nghĩa có các giai cấp đối kháng, có nhiều lực lượng xã hội với những lợi ích trái ngược nhau, cho nên cũng dễ hiểu là,

trong xã hội đó, không thể có dân chủ mà lại không có sự đấu tranh công khai của các chính đảng đại diện cho các giai cấp và các lực lượng xã hội khác nhau nói trên. Nói cách khác: để có dân chủ trong xã hội tư sản, không thể không có chế độ nhiều đảng. Tuy nhiên, từ nhận xét rất đúng nói trên, lại không thể kết luận rằng: « chế độ nhiều đảng là chỉ tiêu dân chủ của xã hội ». Mỹ là nước có chế độ nhiều đảng; bao năm nay hết đảng dân chủ lại đến đảng cộng hòa thay nhau lên cầm quyền, nhưng điều đó, như thực tế cho thấy, chẳng ảnh hưởng chút nào đến sự thống trị của giai cấp tư bản độc quyền ở Mỹ. Chế độ nhiều đảng ở các nước tư bản chủ nghĩa khác, cũng cho thấy rất rõ: từ lâu giai cấp tư sản đã biết lợi dụng các hình thức dân chủ đại nghị, biến chế độ nhiều đảng thành bức rèm che sự thống trị về chính trị của nó.

Và cũng chính vì vậy, thật là sai lầm nếu nghĩ rằng trong một xã hội, mức độ dân chủ nhiều hay ít là tùy thuộc ở số lượng chính đảng nhiều hay ít. Thật ra, trong bất cứ xã hội nào, mức độ dân chủ được đo không phải bằng số các chính đảng, mà bằng mức độ thực hiện lợi ích và ý chí của những người lao động bao giờ cũng chiếm tuyệt đại đa số thành viên trong xã hội.

(1) V.I. Lê-nin : *Tổng tập*, Nxb. Liên bộ, Mat-xơ-va 1979, t. 12, tr. 164.

(*) Giai cấp tư sản có các nhóm và tầng lớp khác nhau như: tư sản thành thị và tư sản nông thôn, tư sản lớn và tư sản vừa; tư sản công nghiệp lớn, đoàn và tư sản thương mại hàng trung... Giai cấp công nhân thì có các nhóm và tầng lớp khác nhau như: công nhân lớp trên có trình độ chuyên môn, lương cao và công nhân lớp dưới, lao động giản đơn lương thấp; công nhân công nghiệp thành thị và công nhân nông nghiệp...

Dân chủ trong chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của đảng

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, cũng như trong các xã hội có giai cấp trước nó, mức độ dân chủ được đo bằng mức độ thực hiện lợi ích và ý chí của những người lao động, chứ không phải bằng số lượng các chính đảng. Chính vì vậy, sẽ là không đúng nếu nghĩ rằng để có dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhất thiết phải thay chế độ một đảng bằng chế độ nhiều đảng.

Cả kinh nghiệm các nước tư bản chủ nghĩa, lẫn kinh nghiệm các nước xã hội chủ nghĩa đều không xác nhận lô gích sau: chỉ trong chế độ nhiều đảng mới có thể có sự đấu tranh và phê phán nhau, do đó, mới có thể cho phép xem xét tình hình mọi mặt một cách tỉnh táo hơn, mới có thể cho phép đưa ra những quyết định đúng đắn hơn. Thật vậy, nước Mỹ chẳng có chế độ nhiều đảng đó sao, nhưng vì sao vẫn phạm những sai lầm hết sức thô kệch, như trong vụ Vịnh Bắc Bộ đã đưa nước Mỹ tới thất bại thảm hại trong cuộc chiến tranh phiêu lưu ở Việt nam? Ba lan cũng là nước có chế độ nhiều đảng, nhưng vì sao nó vẫn không tránh khỏi các cuộc khủng hoảng chính trị nghiêm trọng, như trong các thập kỷ 50, 70 và 80? Rõ ràng, để có thể xem xét tỉnh táo hơn tình hình mọi mặt, để có thể có được những giải pháp hợp lý nhất trước những yêu cầu do cuộc sống đặt ra, vấn đề không phải ở chỗ thay chế độ một đảng bằng chế độ nhiều đảng, mà ở chỗ khác: làm sao mở rộng được dân chủ tới mức tối đa, thu hút được mọi người lao động trực tiếp tham gia giải quyết những công việc sống còn của xã hội.

Như chúng ta đã rõ, xã hội xã hội chủ nghĩa khác hẳn với tất cả các xã hội có giai cấp trước nó: xã hội đó không có các giai cấp đối kháng. Trong xã hội đó, không chỉ giai cấp công nhân, mà cả nông dân lao động, tiểu chủ, trí thức lao động, đều quan tâm đến thắng lợi và sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Về cơ bản, lợi ích của giai cấp công nhân, của các giai cấp và của các nhóm xã hội nói trên, là trùng nhau, cho nên cũng dễ hiểu, ngay khi bước vào cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, chính đảng của giai cấp công nhân — đảng mác xít — lê nin nít — đã có khả năng trở thành người biểu thị và đại diện cho lợi ích không chỉ của toàn thể giai cấp công nhân, mà cả của những người lao động khác nữa.

Kinh nghiệm chủ nghĩa xã hội hiện thực cho thấy, việc thiết lập chế độ một đảng hay chế độ nhiều đảng ở các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến vai trò lãnh đạo của đảng mác xít — lê nin nít ở các nước đó. Việc nước xã hội chủ nghĩa này thiết lập chế độ một đảng, nước xã hội chủ nghĩa kia thiết lập chế độ nhiều đảng, chỉ là do điều kiện đặc thù của mỗi nước khi thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân và các đồng minh của giai cấp đó, quyết định. Cụ thể ở nước nào giai cấp công nhân cũng với các đồng minh của nó nắm cầm quyền mà đảng mác xít — lê nin nít là đảng duy nhất đại diện cho lợi ích của tất cả mọi người lao động trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, thì ở đó thiết lập chế độ một đảng. Còn ở nước nào giai cấp công nhân cũng với các

đồng minh của nó lên cầm quyền mà ngoài đảng mác xít — lê nin nít ra, còn có các chính đảng khác thể hiện lợi ích riêng của các giai cấp lao động và các nhóm xã hội khác trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì ở đó duy trì chế độ nhiều đảng.

Vì chủ nghĩa xã hội chỉ có thể ra đời với sự lãnh đạo của đảng mác xít — lê nin nít, cho nên việc mở rộng dân chủ tới mức tối đa trong chủ nghĩa xã hội, đương nhiên cũng chỉ có thể thực hiện được với sự lãnh đạo của đảng mác xít — lê nin nít.

Lý luận Mác — Lê-nin đã chứng minh và kinh nghiệm chủ nghĩa xã hội hiện thực đã xác nhận rằng: để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, rồi chủ nghĩa cộng sản, đảng mác xít — lê nin nít cầm quyền phải thực hiện triệt để việc dân chủ hóa xã hội, thiết lập chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa, rồi chế độ tự quản cộng sản chủ nghĩa. Chừng nào các nước đi vào con đường xã hội chủ nghĩa mà chưa xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, chưa thiết lập được chế độ tự quản cộng sản chủ nghĩa, với sự tham gia không phải chỉ của một bộ phận đáng kể mà của tất cả mọi người lao động vào việc quản lý các công việc xã hội, thì chừng đó việc dân chủ hóa ở các nước này vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa khắc phục được hoàn toàn mâu thuẫn giữa «những người quản lý» và «những người bị quản lý», chưa xóa bỏ được hoàn toàn khả năng những người được quản chúng giao cho làm nhiệm vụ quản lý vốn là những đấng tể của xã hội biến thành những kẻ thống trị xã hội, khả năng mà Công xã Pa-ri trước đây, để ngăn ngừa đã áp dụng hai biện pháp sau đây mà chúng ta đều biết: một là, các nhân vật giữ các chức vụ quản lý đều do bầu và đều có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào theo quyết định của cử tri; hai là, lương của các nhân vật này chỉ ngang với lương của công nhân (2).

Đương nhiên, chỉ có thể tiến tới chế độ tự quản cộng sản chủ nghĩa, nếu đảng mác xít — lê nin nít thực hiện đến cùng việc bảo đảm cho những người lao động dần dần nắm lấy và trực tiếp thực hiện mọi chức năng quyền lực mà cho đến nay ở các nước xã hội chủ nghĩa hầu như còn do các cơ quan nhà nước thực hiện. Như kinh nghiệm chủ nghĩa xã hội hiện thực cho thấy, trực tiếp chuẩn bị cho bước ngoặt nói trên trong tương lai là những biện pháp sau đây: mở rộng dân các quyền chính trị và quyền tự do của công dân, thực hiện đầy đủ các quyền dân bản hành. Còn gián tiếp chuẩn bị cho bước ngoặt đó là: thực hiện phi tập trung hóa và dân chủ hóa quản lý, tăng cường sự kiểm soát của quần chúng đối với mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Để thực hiện triệt để việc dân chủ hóa xã hội, đương nhiên, không thể không thực hiện triệt để việc dân chủ hóa trong đảng. Muốn vậy, bản thân đảng phải có một cơ chế như thế nào để đảng không bao giờ biến thành một tổ chức quan liêu đặc quyền đặc lợi, thoát ly quần chúng, đứng trên quần chúng; để đảng mãi mãi xứng đáng là một đảng mác xít — lê nin nít chân chính, chỉ tồn tại khi còn cần thiết. Trong tương lai xa xôi, khi chủ nghĩa cộng sản đã được thiết lập, khi không còn các giai cấp, không còn chính trị và các quan hệ chính trị, không còn cuộc đấu tranh có tổ chức của các giai cấp và các nhóm xã hội để thực hiện các lý tưởng xã hội, nghĩa là không còn những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của đảng nữa, thì đảng sẽ tiêu vong.

Kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, để mãi mãi xứng đáng là một đảng mác xít — lê nin nít chân chính, đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ

(2) Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Tuyên bố*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, t. 1, tr. 583.

nguồn không bao giờ được xa rời hai nguyên tắc bất di bất dịch sau đây :

Một, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lấy phép biện chứng duy vật làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Nói một cách cụ thể hơn: khi thông qua quyết định này quyết định khác, đảng phải luôn luôn liên kết được một cách hữu cơ sự tính toán tính toán những điều kiện khách quan với sự công nhận tầm quan trọng, ý nghĩa của những hành động tích cực của đảng, giai cấp và quần chúng. Chỉ có công nhận và tính tới lợi ích của những người lao động, tức của đa số nhân dân, trong việc đánh giá khả năng và lựa chọn giải pháp, đảng mới có thể sử dụng được một cách đầy đủ nhất các khả năng hiện thực, mới có thể lựa chọn được giải pháp tối ưu.

Hai, đề cao và sử dụng rộng rãi phê bình và tự phê bình, coi đó như một nguyên tắc không thể thiếu trong sinh hoạt của đảng. Nói một cách cụ thể hơn: không giấu giếm mọi khó khăn và những vấn đề mới nảy sinh, dám đưa mọi vấn đề quan trọng ra để không chỉ những người trong đảng mà cả những người ngoài đảng thảo luận rộng rãi. Chỉ có như vậy, mới tránh được những sai sót, mới giải quyết được một cách khoa học những vấn đề đặt ra trên con đường thực hiện triệt để dân chủ hóa, bảo đảm xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội rồi chủ nghĩa cộng sản, xây dựng thắng lợi chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa rồi chế độ tự quản cộng sản chủ nghĩa của nhân dân lao động.

THANH MY

lược thuật

ТАПТИ КОНГШАН № 5 – 1988

ПЕРЕДОВАЯ – Претворить в жизнь решение Политбюро об обновлении управления сельским хозяйством. **НГУЕН ХЫУ ТХО** – Разграничение функций между партийными и государственными организациями – первое условие выполнения законов. **НГУЕН ДЫК БИНЬ** – Творческий марксизм-источник и основа революционного обновления. **ДАНГ СУАН КИ** – По примеру великого Хо Ши Мина совершенствовать революционную мораль. **ХА СУАН ЧЬОНГ** – Размышления о социализме и научно-технической революции во Вьетнаме. **ЧАН ХОНГ КУАН** – Обновление высшего и среднего специального образования. **ИССЛЕДОВАНИЕ – ОБМЕН МНЕНИЯМИ** – О государственном управлении экономикой – **ЧЬЮОНГ ШОН, ЧАН ТХАЙ НГУЕН, ФАН ЛАНГ** – О теории «Справедливая трехпространственная стратегическая граница».

REVIEW OF COMMUNISM № 5 – 1988

EDITORIAL – Implementing the Politburo's Resolution on the renewal of economic management in agriculture. **NGUYỄN HỮU THỌ** – Defining the functions between the Party organizations and the State – the initial condition for the implementation of law. **NGUYỄN ĐỨC BÌNH** – Creative Marxism – the fountain-head and basis of the revolutionary-minded renewal. **ĐẶNG XUÂN KỶ** – Heightening revolutionary ethics after the great Uncle Ho's example. **HÀ XUÂN TRƯỜNG** – Some reflexions on socialism and the technological – scientific revolution in Vietnam. **TRẦN HỒNG QUẢN** – Renewal in tertiary education and in vocational schools. **RESEARCH – EXCHANGE OF OPINIONS** – State management of economy by **TRƯỜNG SƠN, TRẦN THÁI NGUYỄN, PHAN LANG** – On the theory of «the reasonably strategic three-aspected frontier».

REVUE DU COMMUNISME № 5 – 1988

EDITORIAL – Réaliser la résolution du Bureau politique concernant le renouvellement de la gestion économique dans l'agriculture. **NGUYỄN HỮU THỌ** – Délimiter les fonctions des organisations du Parti et de l'Etat – première condition pour l'application des lois. **NGUYỄN ĐỨC BÌNH** – Le marxisme créateur – l'origine et la base du nouveau à caractère révolutionnaire. **ĐẶNG XUÂN KỶ** – Elever les vertus révolutionnaires à l'exemple du grand Oncle Hồ. **HÀ XUÂN TRƯỜNG** – Quelques réflexions sur le socialisme et la révolution scientifique et technique au Vietnam. **TRẦN HỒNG QUẢN** – Renouveau de l'enseignement supérieur et professionnel. **ETUDES – ECHANGES DE VUES** – La gestion économique par l'Etat – **TRƯỜNG SƠN, TRẦN THÁI NGUYỄN, PHAN LANG** – Sur la doctrine «Les frontières stratégiques tridimensionnelles raisonnables».

REVISTA DEL COMUNISMO № 5 – 1988

EDITORIAL – Realización de la Resolución del Buró Político sobre la renovación en la gestión económica agrícola. **NGUYỄN HỮU THỌ** – Delimitar la función entre el Partido y el Estado – la primera condición para realizar la ley. **NGUYỄN ĐỨC BÌNH** – El Marxismo creador – el origen y la base de la renovación de carácter revolucionario. **ĐẶNG XUÂN KỶ** – Elevar las virtudes revolucionarias al ejemplo del Gran Tío Hồ. **HÀ XUÂN TRƯỜNG** – Algunas consideraciones sobre el socialismo y la renovación científico-técnica en Vietnam. **TRẦN HỒNG QUẢN** – Renovación en la enseñanza universitaria y profesional. **ESTUDIOS – INTERCAMBIOS** – La gestión del Estado en la economía. **TRƯỜNG SƠN, TRẦN THÁI NGUYỄN, PHAN LANG** – Sobre la teoría de «la frontera estratégica tridimensional razonable».

XÃ LUẬN - Thực hiện nghị quyết của Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp	1
NGUYỄN HỮU THỌ - Phân định chức năng giữa tổ chức đảng và nhà nước - điều kiện đầu tiên thực hiện pháp luật	7
NGUYỄN DỨC BÌNH - Chủ nghĩa Mác sáng tạo - ngọn nguồn và cơ sở của sự đổi mới có tính cách mạng	10
ĐẶNG XUÂN KỶ - Nâng cao đạo đức cách mạng theo gương Bác Hồ vĩ đại	13
HÀ XUÂN TRƯỜNG - Mấy suy nghĩ về chủ nghĩa xã hội và cách mạng khoa học kỹ thuật ở Việt nam	22
TRẦN HỒNG QUÂN - Đổi mới giáo dục đại học và chuyên nghiệp	29
NGUYỄN NGỌC LONG - Chống bệnh kinh nghiệm, giáo điều, đổi mới tư duy lý luận	34
TIẾN HẢI - Dân chủ hóa công tác cán bộ	39
ĐÌNH THU CỤC - Nông dân và nông thôn Việt nam hiện nay: những vấn đề cần quan tâm	43
★ ★ ★ - C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, V. I. Lê-nin và Hồ Chí Minh nói về cán bộ	47
Nghiên cứu - Trao đổi ★ Quản lý nhà nước về kinh tế - TRƯỜNG SON, TRẦN THÁI NGUYỄN	54
Hội nghị bàn tròn ★ Văn nghệ ta đổi mới trong sự nghiệp đổi mới của Đảng	62
Thư gửi Bộ biên tập ★ Vấn đề của mọi người, mọi nhà	74
Thế giới: vấn đề, sự kiện ★ Hội nghị khoa học "Chủ nghĩa xã hội và giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật" ở Béc-lin. PHAN LANG - Về thuyết "Biên giới chiến lược không gian 3 mặt hợp lý"	76
Qua sách báo các nước anh em ★ Dân chủ, chuyên chính và tự quản nhân dân. Dân chủ trước và trong chủ nghĩa xã hội	82

Trụ sở Bộ biên tập

1. Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Day nói: 52061 - 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

10. Phạm Ngọc Thạch - T. P. Hồ Chí Minh. Day nói: 25768 - 22040

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC :

★ ★ ★

- Nghị quyết của Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp

HỒ CHÍ MINH

- Toàn tập – tập 7
- Về tư cách người đảng viên cộng sản

NGUYỄN VĂN LINH

- Đổi mới đề tiến lên

★ ★ ★

- Quyết định 217 – HĐBT và hướng dẫn thực hiện
- Hồ Chí Minh – Tiền sử và sự nghiệp
- Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt nam
- Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẬP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số : 12651 ISSN 0866 – 7276

GIÁ : 150đ



**RETURN
TO ➡**

Main Library • 198 Main Stacks

LOAN PERIOD 1 HOME USE	2	3
4	5	6

Books may be Renewed by calling 642-3405.

DUE AS STAMPED BELOW

[illegible]

UNIVERSITY OF CALIFORNIA, BERKELEY
BERKELEY, CA 94720-6000

